

**DANH SÁCH**

Học viên được công nhận cấp chứng chỉ Kỹ năng xã hội

(Kèm theo quyết định số: 620/QĐ-DHTDM ngày 11 tháng 5 năm 2018 của

Trường Đại học Thủ Dầu Một)

**Chú thích**

- 01. KN Học tập bậc đại học: KN01
- 02. KN Giao Tiếp Thành Công Nơi Công Sở: KN02
- 03. KN Tổ Chức Sự Kiện: KN03
- 04. KN Giải Quyết Vấn Đề Và Ra Quyết Định: KN04
- 05. KN Thuyết Trình, Trình Bày: KN05

- 06. KN Làm Việc Nhóm Hiệu Suất Cao: KN06
- 07. KN Đặt Mục Tiêu, Lập Kế Hoạch, Quản Lý Thời Gian: KN07
- 08. KN Khám Phá Và Phát Triển Bản Thân: KN08
- 09. KN Xây Dựng Hình Ảnh và Tác Phong Chuyên Nghiệp: KN09
- 10. KN Tìm Việc, Viết CV Và Trả Lời Phỏng Vấn: KN10

**Trong đó**

- Loại Xuất sắc có 192 học viên, chiếm 7,8% trên tổng số.
- Loại Giỏi có 1658 học viên, chiếm 67,5% trên tổng số.
- Loại Khá có 599 học viên, chiếm 24,4% trên tổng số.
- Loại Trung bình khá có 7 học viên, chiếm 0,3% trên tổng số.
- Loại Trung bình có 0 học viên, chiếm 0,0% trên tổng số.

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1	1522202010193	Lê Thị Khả Ái	Nữ	17/06/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN05: 7,5	KN06: 8,0	7,5	Khá
2	1525106010110	Nguyễn Thị Thân Ái	Nữ	26/10/1997	Đăk Lăk	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
3	1521402010080	Nguyễn Thị Thúy An	Nữ	04/07/1995	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN08: 6,5	8,0	Giỏi
4	1521402170016	Nguyễn Thị Mỹ An	Nữ	13/09/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
5	1521402170185	Cù Thị Ngọc An	Nữ	19/08/1997	Bình Phước	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
6	1522202010141	Nguyễn Thị Hồng An	Nữ	23/10/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
7	1522202010231	Nguyễn Huỳnh Tường An	Nữ	12/10/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN04: 9,5	KN06: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
8	1522202040056	Lưu Thị Thanh An	Nữ	01/02/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN04: 8,0	KN07: 7,5	8,0	Giỏi
9	1523401010065	Bùi Thị Thúy An	Nữ	07/08/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN05: 8,5	KN06: 9,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
10	1523801010001	Đỗ Văn An	Nam	15/08/1996	Đăklăk	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 7,5	KN08: 10,0	KN09: 8,5	8,5	Giỏi
11	1524401120149	Nguyễn Ngọc Minh An	Nữ	17/09/1997	Hồ Chí Minh	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN05: 8,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
12	1524403010169	Đỗ Thị Thùy An	Nữ	20/01/1997	Vũng Tàu	KN01: 8,0	KN02: 6,0	KN03: 8,0	KN06: 7,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
13	1524403010177	Lê Thị Trúc An	Nữ	29/10/1996	Đồng Tháp	KN01: 6,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 7,5	7,5	Khá
14	1524403010200	Lê Bình An	Nam	13/06/1995	Quảng Bình	KN01: 8,0	KN02: 6,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 7,5	7,5	Khá
15	1528501010111	Nguyễn Võ Văn An	Nữ	25/05/1997	Tp. HCM	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 9,0	KN05: 6,0	KN10: 7,0	7,5	Khá
16	1621402020001	Bùi Diệu An	Nữ	28/08/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN06: 8,5	KN08: 8,5	KN09: 9,5	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
17	1622202010003	Nguyễn Thị An	Nữ	03/06/1998	Daklak	KN02: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN09: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
18	1622202010005	Nguyễn Thúy An	Nữ	06/05/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN09: 9,5	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
19	1623801010001	Đào Thị Thúy An	Nữ	27/03/1997	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
20	1624202030001	Vương Quốc Tiêu An	Nữ	12/07/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN03: 9,5	KN05: 9,0	KN08: 8,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
21	1521402020012	Nguyễn Thị Kim Anh	Nữ	21/12/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 8,5	KN07: 8,0	8,5	Giỏi
22	1521402020040	Huỳnh Thị Phương Anh	Nữ	09/12/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN07: 7,5	8,0	Giỏi
23	1521402020106	An Thị Lan Anh	Nữ	07/11/1996	Hải Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 7,5	7,5	Khá
24	1521402020224	Nguyễn Hoàng Phương Anh	Nữ	13/02/1997	An Giang	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN03: 10,0	KN05: 9,0	KN06: 8,0	9,0	Xuất sắc
25	1521402170047	Lê Thị Văn Anh	Nữ	28/10/1997	Thanh Hóa	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
26	1522202010020	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	25/06/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN05: 8,5	KN09: 9,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
27	1522202010043	Nguyễn Thị Kim Anh	Nữ	11/02/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 9,5	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
28	1522202040011	Hoàng Thị Lan Anh	Nữ	22/09/1997	Tp Hồ Chí Minh	KN01: 8,5	KN02: 7,0	KN04: 7,0	KN05: 9,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
29	1523401010130	Nguyễn Trang Anh	Nữ	14/03/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 7,5	8,0	Giỏi
30	1523401010154	Nguyễn Thị Kim Anh	Nữ	05/09/1996	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN04: 8,0	KN05: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
31	1523402010055	Nguyễn Thị Kim Anh	Nữ	11/09/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 7,0	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
32	1523402010131	Vũ Thị Minh Anh	Nữ	19/11/1997	Thái Bình	KN01: 8,5	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
33	1523801010051	Nguyễn Hoàng Phương Anh	Nữ	26/03/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN07: 7,5	KN09: 9,5	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
34	1523801010097	Trịnh Quang Tri Anh	Nam	01/01/1997	Cà Mau	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN04: 9,5	KN06: 8,0	8,5	Giỏi
35	1523801010148	Phạm Thị Ngọc Anh	Nữ	19/06/1997	Tp. Hồ Chí Minh	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN06: 6,5	KN10: 7,5	7,5	Khá

*Ar*

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
36	1523801010175	Trịnh Thị Kim Anh	Nữ	22/08/1997	Bình Định	KN01: 9,0	KN02: 9,5	KN03: 8,5	KN05: 7,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
37	1523801010212	Nguyễn Thị Phương Anh	Nữ	29/08/1997	Thanh Hóa	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN04: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
38	1523801010256	Lê Vũ Hồng Anh	Nữ	29/11/1997	Bình Phước	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN04: 8,0	KN06: 9,5	8,5	Giỏi
39	1524401120039	Nguyễn Thị Huỳnh Anh	Nữ	23/01/1993	Sông Bé	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN05: 7,5	KN06: 7,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
40	1524401120047	Lê Đức Anh	Nam	02/02/1996	Hà Tĩnh	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN09: 8,5	8,5	Giỏi
41	1524401120064	Nguyễn Ngọc Anh	Nữ	06/01/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 6,5	KN05: 6,0	KN06: 8,5	KN07: 7,0	7,0	Khá
42	1524401120134	Vũ Thị Hoàng Anh	Nữ	04/01/1997	Tp.Hcm	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN03: 9,5	KN08: 10,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
43	1524403010195	Đỗ Thị Quỳnh Anh	Nữ	04/06/1997	Bình Phước	KN01: 5,0	KN02: 7,0	KN04: 7,5	KN05: 8,5	KN06: 7,5	7,0	Khá
44	1527601010114	Hoàng Thị Lan Anh	Nữ	11/08/1997	Tây Ninh	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN06: 7,5	KN07: 9,0	KN09: 8,5	8,0	Giỏi
45	1528501010024	Trần Tuấn Anh	Nam	02/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 6,5	7,5	Khá
46	1528501010106	Nguyễn Thị Hoàng Anh	Nữ	19/05/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN04: 9,5	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
47	1528501010107	Lê Hoàng Anh	Nam	25/11/1995	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 6,0	KN08: 9,0	7,5	Khá
48	1528501010128	Phạm Thị Quế Anh	Nữ	24/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN05: 6,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
49	1528501010162	Phạm Nguyễn Thy Anh	Nữ	26/10/1997	Bến Tre	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
50	1621402010003	Lê Tường Anh	Nữ	29/12/1998	Bình Thuận	KN02: 6,5	KN03: 8,0	KN06: 8,5	KN08: 8,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
51	1621402010008	Trịnh Thị Hoài Anh	Nữ	10/02/1997	Thanh Hóa	KN02: 6,5	KN03: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 6,0	7,5	Khá
52	1621402020006	Nguyễn Thị Trâm Anh	Nữ	17/06/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN06: 8,5	KN08: 8,5	KN09: 9,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
53	1621402020007	Phạm Thị Lan Anh	Nữ	29/04/1998	Daklak	KN02: 7,5	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN09: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
54	1621402020008	Trần Tú Anh	Nữ	27/09/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 9,5	KN09: 9,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
55	1621402020011	Vũ Châu Anh	Nữ	02/02/1998	Hòa Bình	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 9,5	KN09: 9,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
56	1622202010009	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	18/03/1997	Lâm Đồng	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
57	1623401010007	Nguyễn Thị Tâm Anh	Nữ	20/11/1998	Daklak	KN02: 7,5	KN06: 10,0	KN08: 7,5	KN09: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
58	1623403010002	Huỳnh Kim Anh	Nữ	02/11/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 9,0	KN07: 7,5	KN08: 10,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
59	1623403010004	Nguyễn Thị Kim Anh	Nữ	24/03/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
60	1623403010007	Vô Thị Kim Anh	Nữ	19/03/1998	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN06: 8,5	KN08: 9,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
61	1623801010006	Bùi Thị Ngọc Anh	Nữ	26/08/1998	Gia Lai	KN02: 6,5	KN05: 7,5	KN08: 7,5	KN09: 8,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
62	1623801010012	Nguyễn Ngọc Quế Anh	Nữ	01/06/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 7,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
63	1624401120001	Dương Hoàng Anh	Nam	25/07/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
64	1624401120005	Kim Nhật Anh	Nam	30/04/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 9,5	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
65	1624403010002	Lê Nguyễn Phương Anh	Nữ	03/12/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 9,5	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
66	1625106010006	Nguyễn Thị Huỳnh Anh	Nữ	31/08/1998	Kiên Giang	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN07: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
67	1625802080137	Phạm Đức Anh	Nam	7/5/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
68	1628501010002	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	24/12/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
69	1628501010003	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	28/05/1998	Lâm Đồng	KN02: 6,0	KN05: 8,5	KN06: 10,0	KN08: 10,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
70	1521402010196	Đoàn Thị Lệ Ánh	Nữ	11/12/1996	Lâm Đồng	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN04: 9,5	KN05: 7,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
71	1521402020148	Hoàng Ngọc Ánh	Nữ	05/12/1997	Đắk Lắk	KN01: 5,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN06: 6,5	KN09: 7,0	7,0	Khá
72	1522202010107	Bùi Ngọc Ánh	Nữ	27/08/1997	Bình Phước	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN08: 9,0	KN09: 9,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
73	1522202040029	Đặng Trần Nhật Ánh	Nữ	02/02/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN04: 7,5	KN05: 8,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
74	1522202040085	Nguyễn Thị Ánh	Nữ	29/03/1997	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN06: 8,5	KN07: 7,0	8,0	Giỏi
75	1523403010090	Tô Thị Phi Ánh	Nữ	26/09/1997	Bình Phước	KN01: 6,0	KN02: 7,0	KN03: 7,0	KN05: 6,5	KN06: 9,0	7,0	Khá
76	1523801010139	Nguyễn Huỳnh Ngọc Ánh	Nữ	05/11/1997	Tp. Hồ Chí Minh	KN01: 7,0	KN02: 8,5	KN03: 9,5	KN05: 7,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
77	1621402020012	Đào Thị Nhi Ánh	Nữ	22/10/1998	Bình Định	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN09: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
78	1621402180073	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Nữ	6/10/1995	Bình Dương	KN02: 6,0	KN05: 8,5	KN06: 8,5	KN08: 7,5	KN10: 7,0	7,5	Khá

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
79	1623402010007	La Thị Hồng Ánh	Nữ	01/12/1998	Tp. Hồ Chí Minh	KN02: 6,0	KN03: 7,0	KN05: 7,5	KN08: 8,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
80	1623402010249	Nguyễn Thị Ánh	Nữ	29/9/1996	Bình Phước	KN02: 8,0	KN07: 7,5	KN08: 9,5	KN09: 8,0	KN10: 6,5	8,0	Giỏi
81	1623403010009	Phạm Ngọc Ánh	Nữ	22/01/1998	Quảng Ngãi	KN02: 7,5	KN06: 6,5	KN07: 8,0	KN08: 5,5	KN10: 6,0	6,5	Trung bình khá
82	1623801010122	Y Hoach Ayün	Nam	03/04/1997	Đaklak	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 7,0	KN08: 9,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
83	1627601010001	Bùi Thanh Ân	Nam	03/09/1997	Tp. Hồ Chí Minh	KN02: 8,0	KN06: 8,5	KN07: 8,5	KN08: 10,0	KN10: 7,0	8,5	Giỏi
84	1521402170112	Đàng Thị Thanh Bạch	Nữ	03/01/1996	Ninh Thuận	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN06: 8,5	KN08: 8,5	8,5	Giỏi
85	1521401010094	Bùi Thanh Báo	Nam	01/11/1997	Tiền Giang	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,5	KN05: 9,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
86	1523401010001	Trần Nguyễn Trọng Báo	Nam	29/07/1997	Phu Yên	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 10,0	KN05: 8,0	KN09: 6,0	8,0	Giỏi
87	1524403010064	Nguyễn Thành Báo	Nam	10/01/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,5	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
88	1525202010013	Từ Gia Báo	Nam	12/03/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN04: 7,0	KN06: 7,5	7,5	Khá
89	1525202010081	Nguyễn Văn Báo	Nam	09/04/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 8,5	KN05: 7,5	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
90	1624601010002	Nguyễn Phúc Gia Báo	Nam	05/12/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN04: 7,0	KN07: 9,0	KN08: 9,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
91	1621402180006	Lê Trần Gia Bằng	Nữ	13/05/1998	Ninh Thuận	KN02: 6,0	KN05: 6,0	KN06: 8,5	KN08: 7,5	KN10: 7,0	7,0	Khá
92	1523402010108	Nguyễn Thị Kim Bằng	Nữ	02/07/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 7,5	KN08: 8,0	KN09: 9,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
93	1525202010135	Nguyễn Đăng Bến	Nam	07/02/1997	Nghệ An	KN01: 8,0	KN02: 5,0	KN03: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	7,0	Khá
94	1521402020099	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Nữ	26/06/1996	Hà Tây	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
95	1521402020197	Trần Thị Bích	Nữ	08/07/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN04: 7,5	KN05: 8,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
96	1521402020268	Lê Thị Ngọc Bích	Nữ	27/05/1996	Bình Thuận	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 7,5	KN05: 6,5	KN06: 7,0	7,5	Khá
97	1522202040027	Lê Hồng Bích	Nữ	03/01/1997	Bình Dương	KN01: 6,0	KN02: 8,5	KN04: 7,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	7,5	Khá
98	1523403010147	Phạm Thị Bích	Nữ	07/09/1997	Nam Định	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN06: 6,0	KN09: 9,0	7,5	Khá
99	1528501010063	Lê Thị Ngọc Bích	Nữ	20/05/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 6,0	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
100	1623403010013	Nguyễn Thị Bích	Nữ	13/01/1998	Hà Tĩnh	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN08: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
101	1623403010014	Thái Thị Bích	Nữ	15/04/1998	Nghệ An	KN02: 9,0	KN05: 6,5	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
102	1523801010345	Đinh Thị Thanh Biên	Nữ	26/05/1996	Đăklăk	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
103	1622202010025	Nguyễn Thị Biên	Nữ	26/03/1998	Nghệ An	KN02: 8,0	KN05: 6,5	KN06: 7,0	KN08: 10,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
104	1521401010026	Nguyễn Thị Kim Bình	Nữ	20/02/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN04: 7,5	KN06: 9,5	KN07: 7,5	8,0	Giỏi
105	1521402170089	Trần Thị Bình	Nữ	29/03/1997	Nghệ An	KN01: 9,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 7,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
106	1522202010211	Nguyễn Thị Ngự Bình	Nữ	19/09/1997	Bình Định	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	8,5	Giỏi
107	1523801010302	Trần Thị Bình	Nữ	05/07/1997	Thanh Hóa	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN05: 6,5	KN06: 8,5	KN07: 7,5	7,5	Khá
108	1525106010060	Đỗ Thanh Bình	Nam	08/01/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN05: 6,5	KN06: 8,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
109	1525802080035	Nguyễn Quốc Bình	Nam	03/12/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 7,5	7,5	Khá
110	1623401010012	Nguyễn Thị Như Bình	Nữ	30/04/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN05: 7,5	KN08: 7,5	KN09: 10,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
111	1623403010015	Lê Tuyết Bình	Nữ	23/03/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN06: 7,0	KN07: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 7,0	7,5	Khá
112	1628501010006	Lê Thái Bình	Nam	26/12/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN06: 9,5	KN08: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
113	1522202010163	Từ Thị Sơn Ca	Nữ	17/05/1997	Bến Tre	KN01: 7,5	KN02: 6,5	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN08: 7,5	7,5	Khá
114	1528501010025	Phạm Minh Cảnh	Nam	24/02/1996	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 10,0	KN06: 9,0	KN08: 10,0	9,0	Xuất sắc
115	1621402020018	Phạm Minh Cảnh	Nam	10/02/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 8,5	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
116	1625106010010	Trương Thị Cảnh	Nữ	28/04/1998	Thanh Hóa	KN02: 7,5	KN05: 7,0	KN07: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
117	1623801010033	Trương Đặng Châu Cẩm	Nữ	25/11/1998	Tây Ninh	KN02: 7,5	KN05: 7,5	KN07: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
118	1623102050005	Châu Nguyễn Hồng Cẩm	Nữ	18/07/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN03: 9,0	KN06: 7,5	KN08: 10,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
119	1524401120051	Nguyễn Thành Công	Nam	21/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN04: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 9,5	9,0	Xuất sắc
120	1521402020146	Nguyễn Thị Cúc	Nữ	01/02/1997	Nghệ An	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN03: 8,0	KN06: 9,5	KN08: 8,0	8,5	Giỏi
121	1527601010012	Tống Thị Thu Cúc	Nữ	14/06/1996	Đồng Nai	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN06: 8,5	KN08: 9,0	8,5	Giỏi

An

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
122	1621402010010	Đào Thị Cúc	Nữ	31/08/1996	Bình Dương	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 6,0	7,5	Khá
123	1623401010017	Nguyễn Thị Bạch Cúc	Nữ	01/07/1998	Tp. Hồ Chí Minh	KN02: 9,0	KN03: 10,0	KN05: 8,5	KN08: 10,0	KN10: 9,5	9,5	Xuất sắc
124	1623403010017	Phan Thị Kim Cúc	Nữ	07/09/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 9,5	KN06: 7,5	KN08: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
125	1625106010184	Ngô Thị Cúc	Nữ	16/5/1998	Thanh Hóa	KN02: 8,5	KN05: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 8,5	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
126	1523401010053	Nguyễn Quốc Cường	Nam	31/12/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 10,0	KN04: 7,5	KN08: 9,0	8,5	Giỏi
127	1523402010134	Nguyễn Thanh Cường	Nam	09/09/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
128	1523801010236	Đặng Hùng Cường	Nam	13/02/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN04: 7,5	KN06: 7,0	KN08: 9,0	7,5	Khá
129	1524401120147	Đoàn Minh Cường	Nam	02/06/1996	Bến Tre	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 8,0	8,5	Giỏi
130	1524401120157	Bùi Minh Cường	Nam	31/03/1997	Bình Dương	KN01: 6,5	KN02: 7,0	KN06: 7,5	KN07: 8,5	KN08: 9,0	7,5	Khá
131	1524801030062	Nguyễn Quốc Cường	Nam	04/09/1996	Quảng Bình	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN03: 7,5	KN04: 7,0	KN06: 7,0	7,0	Khá
132	1524801040035	Nguyễn Văn Cường	Nam	01/10/1996	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN06: 8,0	KN07: 7,0	KN10: 7,0	7,5	Khá
133	1525802080011	Lê Văn Cường	Nam	07/12/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN07: 7,0	KN09: 9,5	8,0	Giỏi
134	1525802080080	Nguyễn Mạnh Cường	Nam	08/09/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN05: 6,0	KN06: 8,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
135	1624801030010	Nguyễn Chí Cường	Nam	23/03/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 7,0	KN08: 10,0	KN10: 7,0	7,5	Khá
136	1622202040004	Nguyễn Thị Chanh	Nữ	13/11/1998	Bình Dương	KN02: 6,5	KN06: 7,0	KN08: 6,5	KN09: 9,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
137	1625106010013	Phạm Thị Chanh	Nữ	19/08/1997	Thừa Thiên - Huế	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
138	1623401010338	Đào Thị Châm	Nữ	8/3/1998	Hà Nam	KN02: 8,0	KN03: 10,0	KN05: 10,0	KN08: 8,5	KN10: 8,5	9,0	Xuất sắc
139	1521401010074	Nguyễn Thị Phạm Thanh Châu	Nữ	02/08/1996	Quảng Nam	KN01: 9,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
140	1521402020092	Trần Thị Ngọc Châu	Nữ	18/07/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN05: 10,0	KN06: 8,0	8,5	Giỏi
141	1521402170174	Ngô Thụy Kim Minh Châu	Nữ	11/08/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 9,5	KN03: 10,0	KN05: 9,0	KN06: 9,0	9,5	Xuất sắc
142	1523401010148	Kim Ngọc Châu	Nữ	05/06/1995	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 6,5	KN03: 9,0	KN05: 7,5	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
143	1523403010221	Trần Nguyễn Bảo Châu	Nữ	07/06/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
144	1524401120017	Trần Thị Diễm Châu	Nữ	31/10/1997	Đồng Nai	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
145	1621402020021	Phạm Thị Minh Châu	Nữ	09/05/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN08: 8,5	KN09: 8,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
146	1623401010020	Phan Ngọc Châu	Nữ	29/05/1998	Tp.Hcm	KN02: 7,0	KN03: 8,5	KN05: 8,5	KN08: 10,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
147	1521402020114	Đỗ Thị Ninh Chi	Nữ	19/02/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN03: 10,0	KN05: 7,5	KN06: 8,5	8,5	Giỏi
148	1521402020267	Đặng Vũ Quỳnh Chi	Nữ	16/10/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN04: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
149	1521402170107	Lưu Thị Mỹ Chi	Nữ	05/09/1997	Ninh Thuận	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
150	1523801010123	Nguyễn Thị Kim Chi	Nữ	08/09/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,5	KN03: 10,0	KN08: 10,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
151	1524401120161	Nguyễn Thị Mỹ Chi	Nữ	09/03/1997	Bình Phước	KN01: 7,0	KN02: 6,0	KN05: 7,0	KN07: 7,0	KN10: 6,0	6,5	Trung bình khá
152	1524403010022	Hồ Thị Kim Chi	Nữ	29/03/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN04: 7,5	KN06: 9,5	KN08: 9,0	8,5	Giỏi
153	1525106010085	Nguyễn Thị Bích Chi	Nữ	06/02/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 10,0	KN05: 8,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
154	1621402010015	Trần Thị Linh Chi	Nữ	12/04/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN03: 8,5	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
155	1623403010019	Nguyễn Thị Kim Chi	Nữ	05/12/1998	Bình Phước	KN02: 7,0	KN04: 9,5	KN06: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
156	1523801010291	Bùi Quang Chiến	Nam	26/12/1996	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,5	KN05: 8,0	KN06: 7,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
157	1524403010060	Lê Minh Chiến	Nam	05/01/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
158	1623401010022	Lê Minh Chiến	Nam	05/10/1997	Quảng Bình	KN02: 8,0	KN03: 10,0	KN08: 10,0	KN09: 8,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
159	1521402020236	Nguyễn Thị Kiều Chinh	Nữ	25/02/1997	Thanh Hóa	KN01: 9,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
160	1523403010108	Nguyễn Thị Chinh	Nữ	27/05/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN06: 9,0	KN09: 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
161	1621402020023	Nguyễn Thị Chinh	Nữ	04/04/1998	Lâm Đồng	KN02: 6,5	KN06: 8,5	KN08: 8,5	KN09: 9,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi

Am

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
162	1621402020024	Tạ Kiều Chinh	Nữ	17/09/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN06: 9,0	KN08: 8,5	KN09: 8,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
163	1623401010023	Đào Thị Chinh	Nữ	14/02/1998	Thanh Hóa	KN02: 7,0	KN06: 8,5	KN08: 10,0	KN09: 9,0	KN10: 6,5	8,0	Giỏi
164	1623801010043	Ngô Ngọc Chuẩn	Nữ	12/03/1998	Sóc Trăng	KN02: 7,0	KN05: 7,5	KN08: 9,5	KN09: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
165	1621402020025	Mai Thị Chung	Nữ	30/07/1997	Đaklak	KN02: 7,0	KN06: 7,5	KN08: 9,0	KN09: 9,5	KN10: 7,5	8,0	Giỏi
166	1622202040006	Phạm Thị Chung	Nữ	30/11/1998	Nghệ An	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 10,0	KN08: 6,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
167	1521402170062	Phạm Thị Ngọc Chuyên	Nữ	19/04/1997	Đăklăk	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN04: 7,0	KN05: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
168	1521402020016	Trương Thị Cẩm Chương	Nữ	07/03/1996	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 9,5	KN03: 9,0	KN05: 9,0	KN06: 8,5	9,0	Xuất sắc
169	1523401010090	Trịnh Công Danh	Nam	09/04/1997	Hải Phòng	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 9,0	8,5	Giỏi
170	1523403010034	Nguyễn Phước Danh	Nam	13/06/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN04: 8,5	KN06: 7,0	KN07: 7,5	7,5	Khá
171	1524403010196	Lê Hoàng Danh	Nam	19/07/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
172	1527601010045	Lê Minh Danh	Nam	18/07/1997	Phủ Yên	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN05: 7,5	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
173	1525202010126	Nguyễn Văn Dế	Nam	09/10/1997	Kiên Giang	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN09: 9,0	8,0	Giỏi
174	1523801010064	Mai Thị Cẩm Di	Nữ	01/01/1995	Sóc Trăng	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
175	1521402170169	Nguyễn Thị Diễm	Nữ	25/08/1997	Tây Ninh	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
176	1522202010108	Trịnh Kiều Diễm	Nữ	19/03/1997	Tp. Hcm	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN06: 7,5	KN08: 9,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
177	1523401010044	Huỳnh Thị Diễm	Nữ	10/09/1997	Tp.Hcm	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 10,0	KN05: 10,0	KN10: 8,0	9,0	Xuất sắc
178	1523401010098	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	Nữ	21/09/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN03: 7,5	KN05: 8,0	KN06: 8,0	8,5	Giỏi
179	1523402010081	Nguyễn Thị Thúy Diễm	Nữ	20/03/1996	Bình Dương	KN01: 6,5	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN05: 8,5	KN07: 7,0	8,0	Giỏi
180	1524403010031	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	Nữ	21/02/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 9,0	KN05: 7,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
181	1525106010094	Trần Ngọc Diễm	Nữ	29/08/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN05: 6,5	KN06: 7,0	KN10: 8,5	7,5	Khá
182	1622202040008	Nguyễn Ngọc Diễm	Nữ	02/11/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 8,5	KN05: 7,0	KN08: 7,0	KN10: 9,0	7,5	Khá
183	1623102050010	Bùi Thị Ngọc Diễm	Nữ	05/08/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN06: 7,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
184	1623801010045	Nguyễn Tô Kiều Diễm	Nữ	06/08/1998	Đăklăk	KN02: 7,0	KN05: 7,5	KN08: 8,5	KN09: 8,0	KN10: 7,0	7,5	Khá
185	1623801010046	Phạm Thị Diễm	Nữ	14/06/1998	Đăklăk	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN08: 9,0	KN09: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
186	1521402020087	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Nữ	15/12/1997	Bình Thuận	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 8,5	KN06: 10,0	8,5	Giỏi
187	1621402020029	Nguyễn Thị Diệp	Nữ	14/09/1998	Thanh Hóa	KN02: 7,5	KN06: 9,0	KN08: 8,0	KN09: 7,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
188	1521402010146	Nguyễn Thị Kim Diệu	Nữ	15/12/1997	Quảng Ngãi	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN05: 8,5	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
189	1521402010161	Nguyễn Thị Diệu	Nữ	10/12/1995	Quảng Nam	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 8,5	7,5	Khá
190	1521402020266	Từ Thị Thanh Diệu	Nữ	24/02/1996	Bình Định	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
191	1522202040084	Tổng Thanh Diệu	Nữ	11/08/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 8,5	KN05: 6,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
192	1522202040088	Dương Thị Hồng Diệu	Nữ	08/09/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN04: 8,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
193	1523801010242	Lê Thị Hồng Diệu	Nữ	30/04/1997	Quảng Ngãi	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN06: 6,5	KN10: 8,0	7,5	Khá
194	1621402020030	Trần Thị Thùy Diệu	Nữ	30/09/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN09: 8,0	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
195	1622202010031	Trương Thị Ngọc Diệu	Nữ	16/02/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 9,5	KN06: 7,0	KN08: 10,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
196	1623402010012	Trần Thị Phương Diệu	Nữ	02/02/1998	Bình Phước	KN02: 6,0	KN03: 7,0	KN07: 7,5	KN08: 7,5	KN10: 9,0	7,5	Khá
197	1624401120176	Nguyễn Thị Diệu	Nữ	13/6/1998	Gia Lai	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 6,5	7,5	Khá
198	1623401010031	Lê Thị Hùng Đình	Nữ	24/10/1998	Bình Dương	KN02: 6,0	KN05: 6,5	KN08: 10,0	KN09: 10,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
199	1622202010033	Đàm Thị Dịp	Nữ	15/09/1998	Bình Phước	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 6,0	KN08: 10,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
200	1521402020252	Đậu Thị Dung	Nữ	10/09/1997	Đắk Lắk	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN04: 10,0	KN05: 6,0	8,0	Giỏi
201	1522202010230	Lê Thị Dung	Nữ	02/09/1997	Hà Tĩnh	KN01: 8,5	KN02: 7,5	KN04: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
202	1522202040019	Lê Thị Ngọc Dung	Nữ	10/11/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN04: 7,5	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
203	1522202040037	Nguyễn Mỹ Dung	Nữ	05/04/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 9,5	KN04: 9,0	KN06: 8,5	KN07: 8,5	9,0	Xuất sắc
204	1523401010139	Hoàng Thị Dung	Nữ	20/10/1997	Bình Dương	KN01: 9,5	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN06: 8,5	KN07: 8,0	8,5	Giỏi
205	1523401010236	Nguyễn Hương Dung	Nữ	06/03/1997	Nghệ An	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN05: 7,5	KN06: 7,5	8,0	Giỏi

Am

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
206	1523801010067	Nguyễn Thị Dung	Nữ	01/10/1997	Hà Nội	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN04: 7,5	KN05: 6,0	KN06: 7,5	7,5	Khá
207	1523801010289	Phạm Thị Thủy Dung	Nữ	22/09/1997	Long An	KN01: 7,0	KN02: 6,5	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 7,0	7,5	Khá
208	1524401120114	Võ Thị Ngọc Dung	Nữ	14/10/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
209	1524401120160	Hoàng Thị Thúy Dung	Nữ	09/08/1995	Nghệ An	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
210	1528501010065	Nguyễn Thị Thanh Dung	Nữ	02/03/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN04: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 8,0	7,5	Khá
211	1528501010076	Trịnh Thị Dung	Nữ	03/02/1997	Thanh Hóa	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 6,0	KN06: 8,0	7,5	Khá
212	1621402010022	Lê Thị Kim Dung	Nữ	13/12/1996	Bình Dương	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN06: 7,0	KN08: 8,0	KN10: 5,0	7,0	Khá
213	1621402020034	Nguyễn Thị Kim Dung	Nữ	08/05/1998	Lâm Đồng	KN02: 7,0	KN06: 8,5	KN08: 8,5	KN09: 9,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
214	1621402020036	Phạm Trần Thu Dung	Nữ	16/01/1997	Bình Thuận	KN02: 8,5	KN05: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 6,0	8,0	Giỏi
215	1622202040104	Dương Thùy Dung	Nữ	8/5/1998	Gia Lai	KN02: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 6,5	KN10: 6,5	7,5	Khá
216	1623102050012	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Nữ	29/05/1996	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN08: 8,0	KN09: 9,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
217	1623403010024	Nông Thị Dung	Nữ	09/03/1998	Bình Phước	KN02: 8,0	KN06: 7,5	KN07: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
218	1628501010016	Huỳnh Thị Mỹ Dung	Nữ	26/11/1998	Bình Thuận	KN02: 6,5	KN06: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
219	1628501010018	Phạm Thị Phương Dung	Nữ	22/09/1998	Bình Phước	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 6,0	7,5	Khá
220	1525202010004	Đoàn Dũng	Nam	03/11/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN04: 7,0	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
221	1521402170095	Tạ Minh Duy	Nam	27/08/1997	Cần Thơ	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN09: 8,5	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
222	1523801010254	Nguyễn Khương Duy	Nam	03/03/1996	Đồng Nai	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN04: 5,5	KN06: 8,0	KN08: 9,0	8,0	Giỏi
223	1524401120083	Nguyễn Nhật Duy	Nam	30/01/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 7,0	KN06: 7,0	KN08: 9,0	8,0	Giỏi
224	1524403010138	Nguyễn Huỳnh Nhật Duy	Nam	16/12/1997	Tp. Hồ Chí Minh	KN01: 8,5	KN02: 10,0	KN03: 8,5	KN05: 7,0	KN06: 8,0	8,5	Giỏi
225	1527601010110	Võ Minh Duy	Nam	13/10/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,5	KN05: 8,0	KN06: 8,5	KN08: 10,0	8,5	Giỏi
226	1528501010042	Phạm Nhật Duy	Nam	09/03/1997	Đồng Tháp	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 6,0	7,5	Khá
227	1528501010125	Ngô Nguyễn Bảo Duy	Nam	14/05/1997	Tp. HCM	KN01: 7,5	KN02: 9,5	KN03: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
228	1623801010053	Trần Đức Duy	Nam	28/03/1998	Đồng Nai	KN02: 8,0	KN05: 6,5	KN06: 8,0	KN08: 6,5	KN10: 9,5	7,5	Khá
229	1521402020001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	10/05/1997	Đắk Lắk	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN05: 8,5	KN06: 8,0	KN07: 8,0	8,5	Giỏi
230	1521402020022	Phan Đặng Kỳ Duyên	Nữ	18/10/1996	Đồng Nai	KN01: 8,5	KN02: 10,0	KN03: 9,5	KN04: 9,5	KN07: 8,5	9,0	Xuất sắc
231	1521402020095	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	03/10/1997	Bình Dương	KN01: 5,0	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN04: 9,5	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
232	1521402020152	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	10/04/1996	Đắk Lắk	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
233	1521402020241	Nguyễn Thị Duyên	Nữ	19/02/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 10,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	8,5	Giỏi
234	1521402020260	Trương Mỹ Duyên	Nữ	02/04/1996	Phú Yên	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 7,5	7,5	Khá
235	1521402180037	Trần Thị Hồng Duyên	Nữ	06/07/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 7,5	KN06: 8,0	KN07: 7,5	8,0	Giỏi
236	1522202010036	Đoàn Phương Duyên	Nữ	13/04/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 6,5	KN06: 7,5	KN07: 7,0	7,5	Khá
237	1522202010149	Nguyễn Thị Hồng Duyên	Nữ	09/11/1997	Kon Tum	KN01: 7,5	KN02: 5,0	KN03: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 8,5	7,0	Khá
238	1522202010183	Nguyễn An Phương Duyên	Nữ	23/10/1997	Hồ Chí Minh	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN10: 6,5	8,0	Giỏi
239	1523401010092	Phạm Thị Ngọc Duyên	Nữ	07/04/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN03: 10,0	KN07: 8,0	KN09: 9,0	9,0	Xuất sắc
240	1523401010201	Bồ Thị Mỹ Duyên	Nữ	05/01/1997	Bình Phước	KN01: 7,5	KN02: 6,0	KN03: 8,0	KN06: 7,0	KN07: 7,0	7,0	Khá
241	1523402010019	Nguyễn Hồ Hạnh Duyên	Nữ	23/01/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
242	1523402010043	Đình Kim Duyên	Nữ	01/08/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN03: 7,5	KN05: 8,5	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
243	1523403010063	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	13/03/1997	Bắc Giang	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
244	1523801010054	Nguyễn Cao Kỳ Duyên	Nữ	29/01/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN06: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
245	1523801010087	Trần Thị Mỹ Duyên	Nữ	16/04/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 10,0	KN04: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 8,5	8,5	Giỏi
246	1523801010132	Nguyễn Thị Hoàng Duyên	Nữ	13/02/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN06: 6,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
247	1524403010015	Nguyễn Thị Kim Duyên	Nữ	02/07/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN04: 7,5	KN06: 8,5	KN08: 9,0	8,0	Giỏi
248	1621402020042	Nguyễn Kiều Hồng Duyên	Nữ	30/09/1998	Bình Dương	KN02: 6,5	KN03: 10,0	KN08: 8,5	KN09: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
						KN02: 8,0	KN05: 8,5	KN06: 10,0	KN08: 9,0	KN10: 9,5		
249	1621402020043	Nguyễn Thị Duyên	Nữ	01/02/1997	Bình Phước	KN02: 8,0	KN05: 8,5	KN06: 10,0	KN08: 9,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
250	1621402020045	Nguyễn Thị Yến Duyên	Nữ	27/06/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN05: 8,5	KN06: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
251	1622202040012	Vi Thị Duyên	Nữ	06/09/1998	Bắc Giang	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
252	1623401010041	Tạ Mỹ Duyên	Nữ	26/08/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN06: 10,0	KN08: 8,5	KN09: 9,5	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
253	1623403010029	Dương Thị Mỹ Duyên	Nữ	27/09/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN08: 10,0	KN09: 9,0	KN10: 6,5	8,5	Giỏi
254	1623801010054	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	06/01/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN08: 7,5	KN09: 9,5	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
255	1623801010055	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	12/03/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN03: 6,5	KN07: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
256	1623801010056	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	24/02/1998	Bình Dương	KN02: 9,5	KN05: 8,5	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
257	1623801010057	Nguyễn Trần Thụy Duyên	Nữ	09/12/1998	Tp. Hồ Chí Minh	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN08: 7,5	KN09: 9,5	KN10: 5,5	7,5	Khá
258	1623801010058	Phạm Thị Duyên	Nữ	28/09/1998	Bình Thuận	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
259	1628501010019	Đoàn Thị Kỳ Duyên	Nữ	11/07/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 9,5	KN08: 9,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
260	1628501010020	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	07/08/1998	Đồng Tháp	KN02: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 9,5	KN08: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
261	1523801010003	Ksor Y Duyn	Nam	29/09/1996	Phú Yên	KN01: 8,5	KN02: 7,0	KN03: 7,5	KN05: 7,5	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
262	1521401010109	Đào Thị Bình Dương	Nữ	30/08/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN08: 8,5	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
263	1521402020198	Trần Thị Thùy Dương	Nữ	24/02/1997	Hải Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN04: 7,5	KN05: 6,0	KN06: 8,5	7,5	Khá
264	1523401010107	Trần Thị Thùy Dương	Nữ	16/05/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN06: 9,0	KN07: 8,0	8,5	Giỏi
265	1523401010185	Phạm Đại Dương	Nam	03/03/1997	Tp. HCM	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
266	1523403010149	Lê Thị Thùy Dương	Nữ	04/09/1997	Tp.HCM	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN04: 9,5	KN06: 8,0	KN08: 10,0	8,5	Giỏi
267	1524801040009	Trần Thị Tuyết Dương	Nữ	11/06/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN06: 9,0	KN07: 7,5	8,0	Giỏi
268	1528501010059	Nguyễn Quốc Dương	Nam	20/10/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
269	1621402020046	Đỗ Thị Thuỳ Dương	Nữ	22/05/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN08: 8,0	KN09: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
270	1623402010224	Huỳnh Thùy Dương	Nữ	24/5/1998	Tp. Hồ Chí Minh	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN08: 8,0	KN09: 9,0	KN10: 7,5	8,5	Giỏi
271	1623403010032	Đặng Thị Thùy Dương	Nữ	24/01/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 9,0	KN07: 7,5	KN08: 9,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
272	1623403010036	Lê Thùy Dương	Nữ	03/05/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 9,0	KN07: 7,5	KN08: 9,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
273	1623403010038	Nguyễn Thị Dương	Nữ	05/05/1997	Nghệ An	KN02: 7,0	KN03: 10,0	KN06: 8,5	KN08: 8,5	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
274	1624601010008	Nguyễn Tùng Dương	Nữ	24/10/1998	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN08: 9,5	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
275	1625801050001	Nguyễn Thị Dương	Nữ	10/08/1998	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN06: 9,5	KN08: 7,5	KN10: 7,0	7,5	Khá
276	1523801010005	Hà Ngọc Dương	Nam	26/07/1994	Thanh Hóa	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN05: 7,5	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
277	1628501010022	Lê Thanh Đa	Nam	27/07/1998	Bình Dương	KN02: 6,0	KN05: 9,0	KN06: 8,5	KN08: 10,0	KN10: 6,5	8,0	Giỏi
278	1521402170135	Trần Thị Trang Đài	Nữ	20/01/1997	Bình Thuận	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 8,0	7,5	Khá
279	1523801010140	Nguyễn Thị Trang Đài	Nữ	01/12/1997	Phú Yên	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN06: 9,0	KN09: 8,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
280	1522202040057	Đặng Thị Đan	Nữ	04/03/1997	Hà Tĩnh	KN01: 8,5	KN02: 9,5	KN03: 8,0	KN06: 8,5	KN07: 7,0	8,5	Giỏi
281	1521402020129	Nguyễn Thị Hồng Đào	Nữ	06/02/1997	Bình Dương	KN01: 5,0	KN02: 7,0	KN04: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	7,0	Khá
282	1521402020249	Nguyễn Thị Hồng Đào	Nữ	24/06/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN07: 7,5	8,0	Giỏi
283	1522202010034	Trương Thị Ánh Đào	Nữ	21/02/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 9,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
284	1522202010145	Lê Thị Xuân Đào	Nữ	02/01/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,5	KN05: 7,0	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
285	1523402010170	Trần Thị Hồng Đào	Nữ	11/07/1997	Long An	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN04: 7,5	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
286	1623403010040	Hoàng Thị Hồng Đào	Nữ	07/06/1998	Đaklak	KN02: 7,0	KN04: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
287	1623801010061	Nguyễn Thị Kim Đào	Nữ	25/02/1998	Tây Ninh	KN02: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
288	1523801010294	Bùi Tấn Đạt	Nam	13/02/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 9,5	KN05: 6,0	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
289	1525202010006	Văn Tiến Đạt	Nam	14/11/1997	Đồng Nai	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN06: 9,0	KN07: 7,5	8,5	Giỏi
290	1525202010016	Đoàn Tiến Đạt	Nam	01/09/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN04: 7,5	KN06: 7,5	7,5	Khá
291	1525202010040	Nguyễn Thành Đạt	Nam	08/03/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN04: 7,5	KN06: 7,5	8,0	Giỏi

Am

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
292	1525202010089	Hoàng Đức Tuấn Đạt	Nam	07/10/1997	Bình Phước	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 5,5	KN08: 9,5	7,5	Khá
293	1525202010096	Ngô Tiến Đạt	Nam	21/04/1996	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN04: 8,5	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
294	1623801010063	Cao Văn Đạt	Nam	02/07/1994	Thanh Hóa	KN02: 7,0	KN05: 10,0	KN07: 9,0	KN08: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
295	1623801010064	Huỳnh Tuấn Đạt	Nam	09/03/1993	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 10,0	KN07: 9,0	KN08: 8,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
296	1628501010023	Trần Phát Đạt	Nam	01/09/1998	Đồng Nai	KN02: 6,0	KN05: 7,0	KN06: 8,5	KN08: 10,0	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
297	1523801010288	Thới Thị Diễm	Nữ	25/02/1997	Quảng Ngãi	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 7,5	KN04: 8,0	KN07: 6,0	7,5	Khá
298	1521402020153	Hoàng Thị Diệp	Nữ	13/09/1997	Đồng Nai	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN05: 8,5	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
299	1621402020049	Nguyễn Hồng Diệp	Nữ	14/01/1997	Bình Phước	KN02: 7,5	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN09: 7,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
300	1528501010112	Nguyễn Trường Định	Nam	14/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN04: 9,5	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
301	1524401120069	Nguyễn Xuân Đông	Nam	12/05/1997	Đồng Nai	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN04: 9,0	KN06: 9,0	8,5	Giỏi
302	1523801010342	Nguyễn Bé Đua	Nữ	12/06/1996	Cà Mau	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 9,0	8,0	Giỏi
303	1521402010020	Trần Thị Mỹ Đức	Nữ	14/01/1996	Bình Định	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
304	1521402020259	Nguyễn Hữu Đức	Nam	28/08/1996	Thanh Hóa	KN01: 9,0	KN02: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN09: 10,0	8,5	Giỏi
305	1521402180076	Phạm Hồng Đức	Nam	16/08/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 7,0	KN09: 9,5	8,0	Giỏi
306	1522202010086	Huỳnh Đức	Nam	01/12/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN03: 7,5	KN06: 7,0	KN08: 7,0	8,0	Giỏi
307	1524403010161	Ao Minh Đức	Nam	06/07/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN07: 8,5	8,0	Giỏi
308	1623801010072	Nguyễn Hoài Đức	Nam	04/08/1996	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 7,0	KN08: 6,0	KN10: 5,0	6,5	Trung bình khá
309	1624801040012	Trần Phước Đức	Nam	08/08/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN05: 9,0	KN07: 8,5	KN08: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
310	1521402170057	Nguyễn Võ Hữu Đức	Nam	08/04/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN08: 8,5	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
311	1623801010075	Nguyễn Hoàng Đức	Nam	28/03/1998	Bình Dương	KN02: 6,0	KN06: 7,5	KN08: 9,5	KN09: 9,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
312	1621402020050	Trần Thị Gái	Nữ	16/09/1998	Bình Dương	KN02: 6,5	KN06: 9,0	KN08: 8,5	KN09: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
313	1521402020065	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	02/06/1997	Phú Thọ	KN01: 7,5	KN02: 6,0	KN04: 7,5	KN05: 9,0	KN06: 8,0	7,5	Khá
314	1521402020168	Võ Thị Cẩm Giang	Nữ	01/02/1996	Quảng Trị	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN05: 7,0	KN07: 8,0	KN08: 9,0	8,0	Giỏi
315	1521402170035	Hoàng Thị Giang	Nữ	03/02/1997	Bắc Giang	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 9,0	KN04: 8,0	KN05: 7,0	8,0	Giỏi
316	1521402170145	Lê Thị Hồng Giang	Nữ	07/02/1997	Ninh Thuận	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN07: 7,0	7,5	Khá
317	1522202010048	Nguyễn Hoài Thu Giang	Nữ	10/10/1997	Đồng Nai	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN06: 7,0	KN07: 8,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
318	1522202010099	Bùi Ngọc Thanh Giang	Nữ	18/01/1997	Tp. Hồ Chí Minh	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN06: 7,0	KN08: 8,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
319	1522202010153	Huỳnh Ngọc Cẩm Giang	Nữ	01/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 7,5	KN06: 7,0	KN09: 8,5	7,5	Khá
320	1523401010109	Huỳnh Thị Cẩm Giang	Nữ	19/04/1997	Bến Tre	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN03: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
321	1523402010190	Nguyễn Thị Trường Giang	Nữ	04/03/1997	Đồng Nai	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
322	1523403010167	Đỗ Hoàng Giang	Nam	26/09/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 10,0	KN05: 7,5	KN06: 8,5	8,5	Giỏi
323	1525202010123	Đoàn Thanh Giang	Nam	21/07/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 10,0	KN06: 7,5	KN07: 7,0	8,5	Giỏi
324	1528501010030	Nguyễn Thị Cẩm Giang	Nữ	21/09/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,5	KN05: 6,5	KN06: 9,0	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
325	1621402010033	Phạm Thị Giang	Nữ	15/06/1997	Bình Dương	KN02: 8,5	KN03: 9,0	KN06: 7,0	KN08: 10,0	KN10: 7,0	8,5	Giỏi
326	1623403010044	Hoàng Hương Giang	Nữ	25/09/1998	Huế	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN06: 7,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
327	1623403010047	Nguyễn Thị Trường Giang	Nữ	25/03/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
328	1623801010077	Nguyễn Thị Giang	Nữ	12/07/1996	Kon Tum	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN04: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
329	1521402180047	Nguyễn Quỳnh Giao	Nữ	26/06/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN06: 8,5	KN07: 8,0	KN08: 8,5	8,0	Giỏi
330	1621402010034	Nguyễn Thị Quỳnh Giao	Nữ	05/06/1998	Bến Tre	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN06: 7,0	KN08: 7,0	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
331	1521402020246	Nguyễn Văn Giáp	Nam	20/04/1994	Hà Tĩnh	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN05: 7,5	KN06: 9,0	KN09: 9,5	8,0	Giỏi
332	1521402010067	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	Nữ	03/05/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN06: 7,0	KN08: 9,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
333	1621401010062	Phạm Ngọc Giàu	Nữ	7/2/1998	Tây Ninh	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 8,5	KN08: 7,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
334	1623801010459	Nguyễn Thị Thanh Giàu	Nữ	9/5/1998	Bình Định	KN02: 8,5	KN03: 9,0	KN05: 8,5	KN08: 9,5	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc

Am



STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
335	1628501010027	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	Nữ	28/02/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 8,5	KN07: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
336	1521402010084	Phan Thu Hà	Nữ	03/01/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
337	1521402010117	Lê Thu Hà	Nữ	30/10/1996	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 10,0	KN04: 9,0	KN06: 8,5	8,5	Giỏi
338	1521402020221	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	17/08/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
339	1521402170099	Nguyễn Thị Hà	Nữ	01/04/1995	Đăklăk	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 7,0	KN05: 7,5	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
340	1522202010144	Võ Thị Văn Hà	Nữ	19/09/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN05: 8,5	KN09: 8,0	8,0	Giỏi
341	1522202010203	Nguyễn Phạm Ngọc Hà	Nữ	10/06/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN05: 9,0	KN06: 7,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
342	1522202040086	Đinh Thị Thu Hà	Nữ	15/10/1997	Quảng Bình	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN04: 8,0	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
343	1523401010063	Trương Thị Hồng Hà	Nữ	25/05/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN04: 7,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
344	1523402010070	Lê Ngọc Diễm Hà	Nữ	02/01/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN06: 7,5	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
345	1523403010046	Hoàng Thị Hà	Nữ	22/01/1997	Hưng Yên	KN01: 8,5	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN04: 9,5	KN06: 8,5	8,5	Giỏi
346	1523403010106	Trần Thị Thu Hà	Nữ	26/11/1997	Bình Thuận	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,5	KN05: 7,0	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
347	1523403010133	Nguyễn Thị Hà	Nữ	16/03/1997	Bình Dương	KN01: 6,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN04: 8,0	KN10: 9,0	7,5	Khá
348	1523801010266	Nguyễn Hoàng Hà	Nam	27/02/1996	Đăklăk	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
349	1524401120084	Võ Thị Ngọc Hà	Nữ	31/08/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
350	1524403010069	Phạm Thị Thu Hà	Nữ	17/10/1997	Kon Tum	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN05: 7,5	KN06: 10,0	KN07: 7,5	8,0	Giỏi
351	1524403010156	Nguyễn Thu Hà	Nữ	12/08/1997	Bình Thuận	KN01: 8,5	KN03: 8,0	KN05: 8,5	KN06: 7,5	KN07: 8,5	8,0	Giỏi
352	1525106010098	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	11/02/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN04: 7,5	KN05: 7,5	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
353	1527601010007	Võ Kim Hà	Nữ	30/07/1997	Đồng Nai	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN07: 7,0	KN08: 10,0	8,5	Giỏi
354	1621402010037	Nguyễn Thị Kim Hà	Nữ	17/12/1998	Đaklak	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN06: 6,0	KN08: 8,5	KN10: 7,0	7,5	Khá
355	1621402020057	Lý Vương Thu Hà	Nữ	23/03/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 8,5	KN08: 10,0	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
356	1621402020058	Nguyễn Thị Hà	Nữ	21/04/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 10,0	KN08: 9,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
357	1622202010059	Hoàng Thị Thanh Hà	Nữ	30/09/1998	Hải Dương	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
358	1622202040017	Tô Thị Thu Hà	Nữ	22/11/1998	Tp.Hcm	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN06: 10,0	KN08: 7,5	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
359	1623401010056	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	12/04/1998	Gia Lai	KN02: 7,5	KN04: 9,5	KN06: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
360	1623403010053	Nguyễn Thị Hà	Nữ	22/02/1998	Thanh Hóa	KN02: 7,0	KN05: 9,0	KN07: 7,5	KN08: 9,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
361	1623403010055	Phạm Thị Thanh Hà	Nữ	30/10/1998	Thái Bình	KN02: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 6,5	KN08: 8,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
362	1623801010081	Hồ Thanh Hà	Nữ	30/10/1997	Đaklak	KN02: 6,5	KN05: 6,0	KN06: 6,5	KN08: 7,5	KN10: 5,0	6,5	Trung bình khá
363	1623801010085	Trần Thị Thanh Hà	Nữ	08/12/1998	Bình Phước	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
364	1625106010033	Ngô Thị Thu Hà	Nữ	22/08/1998	Daklak	KN02: 7,5	KN05: 9,0	KN07: 8,5	KN08: 7,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
365	1625106010163	Vũ Ngọc Hà	Nữ	13/2/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN05: 8,0	KN08: 10,0	KN09: 10,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
366	1623102050021	Nguyễn Phương Hoàng Nhật Hà	Nữ	13/05/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 7,5	KN08: 7,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
367	1521402180036	Trần Nguyễn Thanh Hải	Nữ	22/10/1996	Lâm Đồng	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN03: 8,5	KN07: 7,5	KN08: 8,0	7,5	Khá
368	1522202010187	Nguyễn Ngọc Hải	Nam	16/09/1997	Bắc Ninh	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN06: 9,0	KN07: 8,0	8,5	Giỏi
369	1523801010155	Nguyễn Minh Hải	Nam	03/04/1996	Tây Ninh	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 7,0	KN08: 8,5	KN10: 6,0	7,5	Khá
370	1525202010104	Hoàng Văn Hải	Nam	08/10/1997	Nghệ An	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 9,0	KN08: 10,0	8,0	Giỏi
371	1621402020061	Lê Thị Hồng Hải	Nữ	29/12/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
372	1621402020063	Trần Thị Hải	Nữ	10/02/1998	Đaklak	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
373	1623102050117	Nguyễn Văn Hải	Nam	02/02/1998	Đaklak	KN02: 7,5	KN05: 7,5	KN07: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
374	1623401010337	Vũ Ngọc Hải	Nam	9/12/1998	Ninh Bình	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 8,5	KN08: 7,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
375	1623403010056	Bùi Thị Hải	Nữ	01/06/1998	Đăklăk	KN02: 8,5	KN03: 9,0	KN05: 7,5	KN08: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
376	1623801010087	Ngô Thị Hải	Nữ	25/10/1997	Nghệ An	KN02: 7,0	KN05: 6,5	KN06: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 9,0	7,5	Khá

7/1

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
377	1623801010088	Trần Xuân Hải	Nam	10/11/1998	Hà Tĩnh	KN02: 7,0	KN07: 8,0	KN08: 8,0	KN09: 8,0	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
378	1521402020079	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	31/12/1997	Thanh Hóa	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN04: 8,0	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
379	1521402170094	Lê Ngọc Bích Hạnh	Nữ	10/03/1996	Dak Lak	KN01: 9,0	KN02: 8,5	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	8,5	Giỏi
380	1521402170120	Nguyễn Ngọc Hồng Hạnh	Nữ	08/03/1997	Tp Hồ Chí Minh	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	8,5	Giỏi
381	1522202010155	Lý Mỹ Hạnh	Nữ	24/10/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 7,0	KN05: 9,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
382	1523402010023	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Nữ	17/12/1996	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 7,0	KN05: 6,5	KN06: 7,5	7,0	Khá
383	1523403010222	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	30/06/1997	Nam Định	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN05: 8,5	KN06: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
384	1523801010296	Trần Thị Hữu Hạnh	Nữ	08/07/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN06: 9,5	KN08: 10,0	8,5	Giỏi
385	1525801050080	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	29/08/1997	Hà Tĩnh	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
386	1621402010038	Đặng Thị Song Hạnh	Nữ	20/02/1998	Hà Tĩnh	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 6,0	8,0	Giỏi
387	1621402020065	Lê Thị Hạnh	Nữ	23/11/1998	Thanh Hóa	KN02: 8,0	KN06: 8,5	KN08: 8,0	KN09: 9,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
388	1621402180077	Phan Thị Mỹ Hạnh	Nữ	22/11/1996	Bình Dương	KN02: 7,5	KN05: 6,5	KN07: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 6,5	7,5	Khá
389	1623102050024	Nguyễn Thị Bích Hạnh	Nữ	18/10/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
390	1623402010026	Nguyễn Thị Hiếu Hạnh	Nữ	21/07/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN05: 7,5	KN07: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
391	1623403010058	Võ Thị Mỹ Hạnh	Nữ	12/07/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN04: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
392	1623801010089	Lê Thị Hạnh	Nữ	22/06/1998	Thanh Hóa	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN08: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
393	1623801010090	Trần Thị Hạnh	Nữ	25/10/1997	Đaklak	KN02: 9,0	KN05: 7,0	KN07: 7,0	KN08: 7,0	KN10: 8,5	7,5	Khá
394	1528501010012	Trần Nguyễn Nhật Hào	Nam	10/11/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
395	1625202010070	Nguyễn Phi Hào	Nam	10/02/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
396	1521402010023	Bùi Ngọc Hào	Nữ	04/05/1997	Đồng Nai	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN06: 8,5	KN08: 8,0	8,0	Giỏi
397	1521402010203	Đinh Thị Hào	Nữ	11/02/1995	Lâm Đồng	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN04: 7,0	KN07: 8,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
398	1521402020045	Nguyễn Thị Như Hào	Nữ	22/12/1997	Bình Phước	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
399	1523401010152	Nguyễn Trần Như Hào	Nữ	21/05/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 8,5	KN04: 8,5	KN05: 6,0	8,0	Giỏi
400	1523801010332	Huỳnh Thị Mỹ Hào	Nữ	09/08/1997	Tp.Hcm	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 8,5	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
401	1528501010037	Lê Thị Hồng Hào	Nữ	28/11/1997	Tây Ninh	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	KN07: 7,5	8,0	Giỏi
402	1621402020066	Lê Thị Hào	Nữ	03/03/1998	Bình Phước	KN02: 9,5	KN05: 8,0	KN06: 8,5	KN08: 9,5	KN10: 8,5	9,0	Xuất sắc
403	1621402020067	Phạm Thị Nhật Hào	Nữ	01/01/1998	Bình Phước	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN05: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
404	1623801010094	Lý Như Hào	Nữ	13/03/1998	Kiên Giang	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 6,5	KN08: 7,5	KN10: 9,5	7,5	Khá
405	1623801010095	Võ Thị Như Hào	Nữ	08/04/1998	Phú Yên	KN02: 7,5	KN05: 6,0	KN06: 7,0	KN08: 7,5	KN10: 5,5	6,5	Trung bình khá
406	1624601010017	Trần Như Hào	Nữ	30/06/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN07: 7,0	KN08: 10,0	KN09: 8,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
407	1625106010186	Nguyễn Thị Hào	Nam	13/12/2016	Bắc Ninh	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 7,0	8,5	Giỏi
408	1521402010181	Lê Thị Thủy Hằng	Nữ	05/03/1997	Long An	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
409	1521402010192	Trần Thị Thu Hằng	Nữ	07/05/1996	Gia Lai	KN01: 6,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 8,5	KN06: 9,5	8,0	Giỏi
410	1521402020158	Hoàng Thị Thu Hằng	Nữ	26/09/1997	Đăklăk	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN05: 6,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
411	1521402020215	Trần Thị Thu Hằng	Nữ	19/06/1997	Đăklăk	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN05: 6,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	7,5	Khá
412	1521402020234	Lý Trinh Thu Hằng	Nữ	28/05/1997	Bình Định	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 8,0	7,5	Khá
413	1521402170006	Phạm Thị Kim Hằng	Nữ	02/01/1997	Tp. Hcm	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 9,0	8,5	Giỏi
414	1521402170041	Nguyễn Kim Hằng	Nữ	30/09/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN07: 8,0	KN09: 9,0	8,0	Giỏi
415	1521402170065	Mai Thị Hằng	Nữ	18/08/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN06: 8,5	KN07: 8,0	KN08: 7,0	7,5	Khá
416	1521402170184	Ngô Thị Hằng	Nữ	22/09/1996	Bình Định	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN05: 7,5	KN06: 7,0	7,5	Khá
417	1521402180015	Phan Thị Lệ Hằng	Nữ	29/09/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 8,5	KN05: 9,0	KN07: 8,5	8,5	Giỏi
418	1521402180102	Phạm Thị Thanh Hằng	Nữ	23/03/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN07: 7,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
419	1522202010052	Lê Ngọc Kim Hằng	Nữ	16/06/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN04: 7,5	KN06: 8,5	KN07: 8,0	8,0	Giỏi

Handwritten mark or signature.

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
420	1522202010148	Trần Thủy Hằng	Nữ	31/10/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 7,5	KN05: 9,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
421	1522202010215	Trần Thị Ngọc Hằng	Nữ	17/02/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 8,0	8,5	Giỏi
422	1522202010229	Đinh Thị Lệ Hằng	Nữ	06/01/1997	Bà Rịa - Vũng Tàu	KN01: 7,5	KN02: 9,5	KN07: 8,0	KN09: 9,5	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
423	1522202010241	Thái Thị Diễm Hằng	Nữ	26/07/1997	Vũng Tàu	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN04: 9,5	KN06: 8,0	8,5	Giỏi
424	1522202040074	Dương Thị Thanh Hằng	Nữ	01/05/1997	Khánh Hòa	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 7,5	KN04: 8,5	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
425	1523401010025	Nguyễn Kim Hằng	Nữ	07/12/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN04: 7,5	KN05: 6,0	7,5	Khá
426	1523401010146	Phan Thị Bích Hằng	Nữ	28/01/1997	Tp. HCM	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN04: 8,5	KN05: 6,0	8,0	Giỏi
427	1523402010012	Liêu Đỗ Thanh Hằng	Nữ	31/03/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN04: 7,0	KN05: 6,5	7,5	Khá
428	1523403010051	Lý Thanh Hằng	Nữ	09/09/1997	Đồng Nai	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN04: 8,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
429	1523403010135	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Nữ	05/10/1997	Tp. HCM	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN07: 7,0	8,0	Giỏi
430	1523403010231	Lê Thị Thu Hằng	Nữ	23/03/1997	Thanh Hóa	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN05: 8,5	KN06: 7,5	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
431	1523801010006	Đoàn Thị Ngọc Hằng	Nữ	10/04/1997	Lâm Đồng	KN01: 8,5	KN02: 7,0	KN04: 9,5	KN05: 9,0	KN06: 9,0	8,5	Giỏi
432	1523801010237	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	08/08/1997	Bình Phước	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN05: 6,5	KN06: 8,5	KN07: 8,0	7,5	Khá
433	1523801010333	Trương Thị Thanh Hằng	Nữ	25/02/1997	Long An	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN06: 9,0	KN07: 7,0	KN09: 8,0	7,5	Khá
434	1524403010065	Lê Thị Thúy Hằng	Nữ	21/02/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 7,5	KN05: 8,0	KN06: 8,0	7,5	Khá
435	1525106010012	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Nữ	03/04/1997	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN06: 7,5	KN08: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
436	1525106010053	Nguyễn Thị Phương Hằng	Nữ	24/03/1996	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 7,0	KN06: 7,0	KN10: 7,0	7,5	Khá
437	1621402020068	Nguyễn Thị Diễm Hằng	Nữ	12/03/1998	Bình Dương	KN02: 6,5	KN03: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 8,5	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
438	1621402020069	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	14/04/1998	Thanh Hóa	KN02: 7,5	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN09: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
439	1622202010068	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	Nữ	17/03/1998	Đăklăk	KN02: 6,0	KN05: 7,0	KN06: 8,5	KN08: 9,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
440	1623102050113	Phan Thị Hằng	Nữ	16/10/1998	Đaklak	KN02: 7,0	KN05: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
441	1623402010028	Cao Thị Thúy Hằng	Nữ	13/03/1998	Tp. Hồ Chí Minh	KN02: 6,0	KN03: 7,0	KN05: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 9,0	7,5	Khá
442	1623402010029	Huỳnh Thị Hằng	Nữ	29/05/1998	Đồng Nai	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
443	1623403010064	Phan Thị Thu Hằng	Nữ	07/04/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN04: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 8,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
444	1623801010098	Lê Thị Hằng	Nữ	03/08/1998	Đaklak	KN02: 8,5	KN03: 9,0	KN05: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
445	1623801010100	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	13/08/1998	Hải Dương	KN02: 8,0	KN05: 6,0	KN07: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 7,0	7,5	Khá
446	1623801010102	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Nữ	15/07/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN03: 9,0	KN05: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
447	1624601010142	Lê Thị Mỹ Hằng	Nữ	26/10/1998	Tp. HCM	KN02: 6,0	KN03: 8,5	KN08: 10,0	KN09: 9,0	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
448	1628501010032	Ninh Nguyễn Thanh Hằng	Nữ	16/04/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 6,0	KN08: 6,0	KN09: 9,5	KN10: 8,5	7,5	Khá
449	1521402020074	Trần Lý Hân	Nữ	20/02/1997	Bình Định	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 8,5	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
450	1521402170027	Lê Nguyễn Ngọc Hân	Nữ	04/03/1995	Tp. HCM	KN01: 9,0	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	8,5	Giỏi
451	1522202010010	Nguyễn Huệ Hoài Hân	Nữ	22/08/1997	Bình Thuận	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN07: 8,0	KN09: 9,0	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
452	1522202010138	Lê Thị Ngọc Hân	Nữ	05/11/1997	Đăklăk	KN01: 6,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
453	1523801010138	Phan Thị Ngọc Hân	Nữ	16/10/1997	Tây Ninh	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 7,5	KN06: 7,0	KN08: 9,0	8,0	Giỏi
454	1523801010159	Đỗ Thị Hoa Hân	Nữ	29/07/1997	Gia Lai	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN04: 7,5	KN05: 7,5	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
455	1523801010311	Trần Thị Mỹ Hân	Nữ	23/09/1997	Bến Tre	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	8,0	Giỏi
456	1524401120094	Lê Thị Ngọc Hân	Nữ	14/08/1996	Hậu Giang	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 8,0	7,5	Khá
457	1621402020071	Trần Ngọc Hân	Nữ	09/02/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
458	1622202010069	Nguyễn Lâm Gia Hân	Nữ	04/10/1998	Tây Ninh	KN02: 7,0	KN07: 8,0	KN08: 9,5	KN09: 9,5	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
459	1622202010070	Nguyễn Ngọc Hân	Nữ	07/02/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN09: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
460	1622202010071	Vân Ngọc Hân	Nữ	15/07/1998	Cà Mau	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 8,0	KN09: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
461	1521402170009	Lâm Thị Kim Hậu	Nữ	21/07/1996	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN07: 8,0	KN09: 9,0	8,0	Giỏi
462	1525202010014	Nguyễn Nhân Hậu	Nam	06/10/1997	Bình Dương	KN01: 6,0	KN02: 9,0	KN03: 7,5	KN04: 7,5	KN06: 6,0	7,0	Khá

An

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
463	1623403010067	Lương Thị Hậu	Nữ	22/12/1998	Bình Phước	KN02: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
464	1523801010181	Nguyễn Thị Hoàng Hiền	Nữ	12/05/1997	Ninh Thuận	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN03: 10,0	KN04: 7,0	KN06: 7,0	8,5	Giỏi
465	1623801010106	Đặng Mai Hiền	Nữ	08/07/1998	Bình Thuận	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 9,0	KN08: 8,5	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
466	1521402010046	Lê Thị Thu Hiền	Nữ	04/11/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
467	1521402010076	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	Nữ	24/12/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN05: 9,0	KN08: 8,5	KN09: 10,0	9,0	Xuất sắc
468	1521402010099	Lê Thị Thủy Hiền	Nữ	05/09/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	KN09: 8,0	8,5	Giỏi
469	1521402020057	Nguyễn Phúc Hiền	Nữ	01/10/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN05: 9,0	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
470	1521402020094	Phạm Thị Ngọc Hiền	Nữ	01/03/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 10,0	KN04: 8,0	KN05: 8,0	8,5	Giỏi
471	1521402020138	Lê Thị Thu Hiền	Nữ	16/11/1997	Đồng Nai	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN03: 10,0	KN04: 7,0	KN06: 7,0	8,5	Giỏi
472	1521402020222	Trần Thị Thu Hiền	Nữ	24/12/1997	Tây Ninh	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN04: 10,0	KN05: 6,0	8,0	Giỏi
473	1521402170076	Phạm Thị Hiền	Nữ	25/02/1996	Thanh Hóa	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN06: 7,0	KN07: 8,0	KN08: 8,0	8,0	Giỏi
474	1521402170092	Trần Thị Thanh Hiền	Nữ	16/05/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN03: 10,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	9,0	Xuất sắc
475	1521402170144	Trần Thị Hiền	Nữ	25/04/1994	Vũng Tàu	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	KN10: 7,5	8,0	Giỏi
476	1522202010174	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	10/06/1997	Đồng Nai	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN03: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	7,5	Khá
477	1522202010185	Trần Thị Thu Hiền	Nữ	02/10/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN05: 9,0	KN06: 8,5	8,5	Giỏi
478	1522202010240	Lê Thị Thu Hiền	Nữ	14/11/1997	Đồng Nai	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	7,5	Khá
479	1523401010016	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	16/01/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN09: 8,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
480	1523401010234	Đỗ Thị Thu Hiền	Nữ	19/11/1997	Hà Nội	KN01: 8,0	KN02: 6,0	KN03: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 8,0	7,5	Khá
481	1523401010238	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	06/06/1997	Nghệ An	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 6,5	KN05: 6,0	KN06: 7,0	7,0	Khá
482	1523402010077	Trần Thị Thanh Hiền	Nữ	29/10/1996	Bình Dương	KN01: 6,5	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN07: 6,5	7,5	Khá
483	1523402010129	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	04/11/1997	Nghệ An	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN04: 8,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
484	1523403010083	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	22/09/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN08: 9,0	KN09: 8,5	8,5	Giỏi
485	1523403010160	Bùi Thị Thu Hiền	Nữ	10/04/1997	Phú Thọ	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN03: 7,0	KN05: 8,5	KN06: 8,5	7,5	Khá
486	1523801010007	Nguyễn Thị Bích Hiền	Nữ	05/05/1997	Bình Thuận	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN04: 7,0	KN06: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
487	1523801010188	Trần Thị Kim Hiền	Nữ	16/10/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
488	1523801010209	Lê Thị Thu Hiền	Nữ	23/02/1997	Bình Phước	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	8,5	Giỏi
489	1523801010214	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	21/05/1997	Nghe An	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN05: 6,0	KN06: 8,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
490	1524401120159	Đinh Thị Thu Hiền	Nữ	01/09/1997	Bình Phước	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN07: 7,5	KN08: 6,5	KN10: 7,0	7,5	Khá
491	1525106010026	Cao Thụy Phương Hiền	Nữ	28/10/1997	Tp. Hồ Chí Minh	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN06: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
492	1525106010044	Trần Thị Thu Hiền	Nữ	29/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 6,5	KN06: 9,0	KN07: 7,0	7,5	Khá
493	1621402010046	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	07/09/1998	Hà Tĩnh	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN06: 7,0	KN08: 7,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
494	1621402010048	Phan Thị Thục Hiền	Nữ	25/05/1998	Vũng Tàu	KN02: 9,5	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 6,5	8,0	Giỏi
495	1621402020072	Lê Thị Hiền	Nữ	10/08/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN09: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
496	1621402020074	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	25/05/1998	Hà Nội	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 6,5	7,0	Khá
497	1621402020075	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	16/09/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 8,5	KN09: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
498	1621402020076	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	22/10/1997	Bình Phước	KN02: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN09: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
499	1621402020080	Phạm Thị Thu Hiền	Nữ	03/09/1998	Thái Bình	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 8,5	KN09: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
500	1621402020081	Trần Thị Mỹ Hiền	Nữ	15/04/1998	Bình Dương	KN02: 6,0	KN03: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 8,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
501	1621402170023	Lê Thị Thu Hiền	Nữ	07/05/1998	Thanh Hóa	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
502	1621402180078	Trần Ngọc Hồng Hiền	Nữ	30/07/1998	Đồng Nai	KN02: 6,0	KN05: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
503	1622202010072	Lê Thị Mỹ Hiền	Nữ	05/07/1998	Quảng Ngãi	KN02: 7,0	KN05: 6,0	KN06: 9,0	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
504	1622202010073	Lê Thị Thu Hiền	Nữ	12/12/1997	Bình Dương	KN02: 7,0	KN04: 7,0	KN08: 7,5	KN09: 9,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
505	1622202040023	Lê Thị Minh Hiền	Nữ	21/09/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN06: 10,0	KN08: 6,5	KN09: 9,0	KN10: 8,5	8,5	Giỏi

Am

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
506	1623401010073	Trần Thị Khánh Hiền	Nữ	02/02/1998	Bình Định	KN02: 7,0	KN06: 10,0	KN08: 8,5	KN09: 8,5	KN10: 7,5	8,5	Giỏi
507	1623402010036	Trương Thị Diệu Hiền	Nữ	27/12/1998	Long An	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN07: 7,5	KN08: 8,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
508	1623403010070	Huỳnh Thị Thu Hiền	Nữ	27/06/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
509	1623403010073	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	20/09/1998	Đaklak	KN02: 5,5	KN03: 9,0	KN07: 7,0	KN08: 8,5	KN10: 8,0	7,5	Khá
510	1623801010109	Nguyễn Thủy Hiền	Nữ	02/10/1998	Quảng Ngãi	KN02: 7,0	KN05: 6,5	KN07: 7,0	KN08: 7,5	KN10: 8,0	7,0	Khá
511	1623801010110	Phan Thị Thu Hiền	Nữ	05/01/1998	Bình Định	KN02: 6,5	KN05: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 9,0	7,5	Khá
512	1627601010015	Hoàng Thị Hiền	Nữ	26/06/1997	Hà Tĩnh	KN02: 8,0	KN03: 10,0	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
513	1528501010154	Lê Ngọc Hiệp	Nam	28/10/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN04: 8,5	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
514	1623801010113	Nguyễn Huy Hiệp	Nam	03/10/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 6,5	KN09: 8,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
515	1521402020096	Tô Thị Ngọc Hiếu	Nữ	09/07/1997	Bình Dương	KN01: 5,0	KN02: 5,5	KN03: 8,0	KN04: 8,5	KN06: 9,5	7,5	Khá
516	1523403010209	Trần Ngọc Hiếu	Nữ	14/02/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 7,0	7,5	Khá
517	1524801030009	Lại Văn Hiếu	Nam	28/03/1997	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 10,0	KN07: 8,0	KN09: 9,0	8,5	Giỏi
518	1525202010032	Trần Trung Hiếu	Nam	04/03/1997	Bình Phước	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN04: 8,0	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
519	1624801030032	Lê Trung Hiếu	Nam	19/10/1997	Phú Yên	KN02: 9,0	KN05: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
520	1625202010082	Nguyễn Trần Minh Hiếu	Nam	06/02/1998	Tp.Hcm	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN06: 10,0	KN08: 10,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
521	1521402010013	Lương Thị Thanh Hoa	Nữ	18/09/1996	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 6,5	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 7,5	7,5	Khá
522	1521402010201	Đặng Thị Hoa	Nữ	12/02/1996	Hà Tĩnh	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 6,5	KN08: 10,0	7,5	Khá
523	1521402020056	Đinh Thị Phương Hoa	Nữ	15/10/1996	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN04: 7,5	KN05: 7,0	7,5	Khá
524	1521402020104	Lê Kim Hoa	Nữ	10/10/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
525	1521402020169	Lê Thị Thanh Hoa	Nữ	22/10/1996	Phú Yên	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
526	1521402180074	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Nữ	05/10/1996	Bình Dương	KN01: 5,0	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN08: 7,0	KN10: 8,5	7,0	Khá
527	1522202010059	Nguyễn Thị Kim Hoa	Nữ	26/12/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN04: 7,5	KN06: 8,5	KN07: 7,5	8,0	Giỏi
528	1522202040014	Bùi Mai Hoa	Nữ	10/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN04: 7,0	KN06: 6,0	7,0	Khá
529	1523402010063	Trần Thị Hoa	Nữ	17/09/1996	Bình Dương	KN01: 6,5	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN06: 7,0	KN07: 7,5	7,5	Khá
530	1523801010150	Lê Thị Năm Hoa	Nữ	08/10/1996	Thanh Hóa	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 10,0	8,5	Giỏi
531	1621402010053	Hồ Thị Hoa	Nữ	20/05/1998	Đaklak	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 6,0	7,5	Khá
532	1621402020087	Võ Thị Kim Hoa	Nữ	24/09/1993	Sông Bé	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN08: 9,0	KN09: 10,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
533	1622202010078	Huỳnh Thủy Hoa	Nữ	03/03/1998	Long An	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN09: 9,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
534	1622202040025	Đặng Thị Hoa	Nữ	09/09/1998	Hưng Yên	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN05: 8,5	KN08: 8,5	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
535	1622202040026	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	28/08/1998	Ninh Bình	KN02: 8,5	KN03: 7,0	KN05: 7,0	KN08: 7,0	KN10: 8,5	7,5	Khá
536	1623102050028	Nguyễn Thị Kim Hoa	Nữ	26/05/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 6,0	KN06: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
537	1623403010082	Tô Thị Hoa	Nữ	17/04/1998	Gia Lai	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
538	1623801010115	Bùi Thị Hoa	Nữ	22/03/1998	Kiên Giang	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN07: 8,5	KN08: 8,0	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
539	1623801010117	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Nữ	11/06/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 9,0	KN08: 9,5	KN10: 8,5	9,0	Xuất sắc
540	1627601010072	Danh Mai Hoa	Nữ	7/5/1998	Biên Hòa	KN02: 8,5	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 7,0	8,5	Giỏi
541	1521402020217	Phạm Thị Hòa	Nữ	18/05/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 8,5	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 8,5	8,5	Giỏi
542	1523401010214	Nguyễn Thị Hòa	Nữ	19/10/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
543	1523403010187	Chu Thị Hòa	Nữ	19/07/1997	Bình Phước	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 7,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
544	1524403010113	Võ Thị Thủy Hòa	Nữ	05/06/1996	Quảng Nam	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
545	1525802080018	Đặng Văn Hòa	Nam	02/10/1996	Hải Hưng	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN05: 6,5	KN06: 6,0	KN07: 7,5	7,5	Khá
546	1527601010113	Cao Thị Hòa	Nữ	25/07/1997	Thanh Hóa	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN06: 9,0	KN07: 7,0	8,0	Giỏi
547	1621402010058	Trương Thị Kim Hòa	Nữ	30/07/1997	Quảng Ngãi	KN02: 7,0	KN04: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 9,0	7,5	Khá
548	1621402020088	Đỗ Thị Hòa	Nữ	01/09/1998	Daklak	KN02: 7,5	KN06: 8,5	KN08: 8,0	KN09: 9,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi

Am

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
549	1623401010079	Nguyễn Thị Thanh Hòa	Nữ	25/08/1998	Hà Tĩnh	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN07: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
550	1623801010120	Nguyễn Thị Hòa	Nữ	16/12/1998	Quảng Bình	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 6,5	KN08: 9,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
551	1525801050044	Phạm Như Hóa	Nam	14/07/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN05: 8,5	KN08: 10,0	8,5	Giỏi
552	1522202040050	Trần Tiên Thương Hoài	Nữ	08/05/1997	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
553	1523402010139	Nguyễn Thị Hoài	Nữ	28/04/1996	Hà Tĩnh	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN04: 9,0	KN06: 8,0	KN07: 7,0	8,0	Giỏi
554	1523801010089	Hồ Thị Thanh Hoài	Nữ	01/12/1997	Gia Lai	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 8,5	KN06: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
555	1524401120060	Nguyễn Ngọc Hoài	Nam	08/03/1995	Quảng Bình	KN01: 8,5	KN02: 7,5	KN03: 10,0	KN05: 8,0	KN08: 9,0	8,5	Giỏi
556	1525802080072	Mai Văn Hoài	Nam	10/01/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 8,5	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
557	1528501010102	Võ Anh Hoài	Nam	11/11/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
558	1621402010059	Bùi Thị Hoài	Nữ	12/03/1998	Nghệ An	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 6,0	KN08: 7,0	KN10: 9,5	7,5	Khá
559	1621402010060	Đặng Thị Hoài	Nữ	07/04/1998	Nghệ An	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN08: 7,0	KN10: 9,5	7,5	Khá
560	1621402180024	Nguyễn Thị Thu Hoài	Nữ	02/07/1997	Quảng Bình	KN02: 7,5	KN05: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 8,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
561	1622202010080	Lê Thị Diễm Hoài	Nữ	14/07/1998	Daklak	KN02: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN09: 9,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
562	1623801010538	Bùi Thị Hoài	Nữ	01/01/1998	Daklak	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 8,5	7,5	Khá
563	1624401120039	Lê Thị Hoài	Nữ	11/04/1998	Gia Lai	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 8,5	KN08: 10,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
564	1521402020199	Nguyễn Thái Lâm Hoàn	Nữ	29/04/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
565	1522202010162	Nguyễn Thị Minh Hoàng	Nữ	18/01/1997	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
566	1523403010017	Nguyễn Thị Cẩm Hoàng	Nữ	23/03/1996	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN04: 9,5	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
567	1523801010009	Lê Văn Hải Hoàng	Nam	04/09/1997	Đăklăk	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 7,5	KN08: 9,5	KN09: 8,0	8,0	Giỏi
568	1524801030037	Trần Hồ Bảo Hoàng	Nam	16/03/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN06: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
569	1524801040018	Nguyễn Thanh Hoàng	Nam	27/09/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN06: 7,0	KN07: 7,0	KN10: 7,0	7,5	Khá
570	1525202010111	Phạm Minh Hoàng	Nam	11/10/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 10,0	KN08: 9,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
571	1521402020083	Nguyễn Thị Thu Hồng	Nữ	18/04/1997	Bình Phước	KN01: 8,5	KN02: 6,5	KN04: 7,0	KN06: 8,0	KN07: 7,0	7,5	Khá
572	1522202040060	Nguyễn Kim Hồng	Nữ	13/07/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 7,5	KN04: 8,0	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
573	1523401010184	Lê Thị Mỹ Hồng	Nữ	07/09/1997	Tp. HCM	KN01: 8,5	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN04: 8,5	KN05: 6,0	8,0	Giỏi
574	1523801010042	Đỗ Thị Tuyết Hồng	Nữ	17/09/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 8,5	KN06: 8,5	8,5	Giỏi
575	1528501010099	Từ Thị Thu Hồng	Nữ	04/03/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN10: 7,0	7,5	Khá
576	1621402180026	Nguyễn Thị Thúy Hồng	Nữ	21/01/1998	Tây Ninh	KN02: 6,0	KN05: 8,5	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 6,5	7,5	Khá
577	1622202010083	Phạm Thị Thúy Hồng	Nữ	06/07/1998	Bình Phước	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
578	1623403010088	Lê Thị Hồng	Nữ	22/08/1998	Thanh Hóa	KN02: 6,0	KN03: 9,0	KN06: 10,0	KN08: 8,0	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
579	1623801010438	Nguyễn Thị Thu Hồng	Nữ	02/09/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 6,0	KN10: 7,0	7,5	Khá
580	1624401120043	Nguyễn Thị Ánh Hồng	Nữ	04/01/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 8,5	KN05: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
581	1622202010085	Nguyễn Thị Hới	Nữ	10/12/1998	Hà Tĩnh	KN02: 7,0	KN05: 6,0	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 8,5	7,5	Khá
582	1523801010309	Rơ Chăm H'pruk	Nữ	03/11/1997	Gia Lai	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 7,5	KN05: 7,5	KN06: 7,0	7,5	Khá
583	1621402020093	Trần Huệ Hoàn	Nữ	06/10/1997	Tp.Hcm	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN08: 9,0	KN09: 9,5	KN10: 7,5	8,5	Giỏi
584	1521402020113	Nguyễn Thị Thanh Huệ	Nữ	24/02/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN03: 9,0	KN05: 8,5	KN09: 8,0	8,5	Giỏi
585	1521402180084	Đinh Thị Huệ	Nữ	02/09/1997	Nam Định	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN05: 6,0	KN08: 7,0	KN10: 9,5	7,5	Khá
586	1523403010136	Vũ Thị Huệ	Nữ	24/09/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 7,5	KN04: 7,0	KN06: 9,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
587	1621402010063	Ngô Thị Huệ	Nữ	12/09/1998	Hà Tĩnh	KN02: 7,0	KN04: 7,0	KN06: 6,5	KN08: 7,5	KN10: 9,0	7,5	Khá
588	1521402020037	Nguyễn Thị Ngân Huệ	Nữ	26/12/1997	Bình Phước	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN05: 8,5	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
589	1521402020041	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	20/04/1997	Bình Phước	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN04: 7,5	KN05: 8,0	KN09: 8,0	7,5	Khá
590	1521402020119	Doãn Thị Huệ	Nữ	20/06/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN04: 9,5	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
591	1521402020134	Nguyễn Thị Bích Huệ	Nữ	10/05/1997	Thanh Hóa	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 9,0	KN07: 7,5	8,0	Giỏi
592	1521402170088	Trần Thị Huệ	Nữ	06/05/1997	Ninh Bình	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi

*(Handwritten signature)*

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
593	1523801010279	Trần Thị Minh Huệ	Nữ	04/12/1997	Hưng Yên	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN05: 6,0	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
594	1523801010306	Nguyễn Thị Gia Huệ	Nữ	22/12/1997	Long An	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN04: 7,5	KN06: 9,5	8,0	Giỏi
595	1623403010094	Phan Thị Huệ	Nữ	23/02/1998	Hải Dương	KN02: 7,5	KN06: 8,0	KN07: 7,5	KN08: 8,5	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
596	1623801010136	Nguyễn Thị Thanh Huệ	Nữ	05/01/1998	Bình Phước	KN02: 6,5	KN06: 7,5	KN08: 10,0	KN09: 8,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
597	1623801010456	Đoàn Thị Thanh Huệ	Nữ	21/9/1998	Gia Lai	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN08: 10,0	KN09: 9,0	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
598	1524403010117	Trần Xuân Hùng	Nam	22/06/1997	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 7,5	KN05: 7,5	KN06: 7,0	7,5	Khá
599	1525202010010	Trần Huy Hùng	Nam	02/09/1997	Quảng Ngãi	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN04: 7,0	KN06: 8,0	8,5	Giỏi
600	1623801010137	Đình Công Hùng	Nam	19/04/1998	Hà Tĩnh	KN02: 8,5	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 5,0	8,0	Giỏi
601	1624403010019	Lê Văn Hùng	Nam	02/07/1998	Tp.Hcm	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN07: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 7,0	8,5	Giỏi
602	1522202010035	Vân Hoàng Huy	Nam	25/12/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN06: 7,5	KN07: 8,0	KN08: 10,0	8,5	Giỏi
603	1522202040001	Nguyễn Tuấn Huy	Nam	19/11/1997	Gia Lai	KN01: 8,5	KN02: 7,5	KN04: 7,0	KN06: 9,0	KN09: 9,5	8,5	Giỏi
604	1523401010060	Nguyễn Nhật Huy	Nam	05/11/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN03: 8,5	KN04: 6,5	KN06: 7,0	7,5	Khá
605	1523402010072	Trần Minh Thanh Huy	Nữ	18/02/1997	Bình Dương	KN01: 6,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN07: 7,0	7,5	Khá
606	1523801010088	Lý Gia Huy	Nam	17/12/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 7,0	KN06: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
607	1524403010179	Thái Hoàng Huy	Nam	23/10/1996	Bình Dương	KN01: 6,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 7,5	7,0	Khá
608	1525202010024	Đặng Vũ Quốc Huy	Nam	01/12/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN04: 8,0	KN06: 6,5	7,5	Khá
609	1623801010141	Đỗ Dương Hoàng Huy	Nam	07/07/1998	Bình Dương	KN02: 6,5	KN06: 8,5	KN07: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
610	1625202010100	Nguyễn Quang Huy	Nam	25/09/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN05: 9,0	KN06: 10,0	KN08: 10,0	KN10: 6,5	8,5	Giỏi
611	1521402010151	Nguyễn Thị Hồng Huyền	Nữ	10/06/1997	Quảng Ngãi	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN04: 8,0	KN10: 7,5	7,5	Khá
612	1521402010132	Lê Thị Thanh Huyền	Nữ	05/04/1997	Hà Tĩnh	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 8,5	KN06: 9,0	8,5	Giỏi
613	1521402020003	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	10/06/1997	Dak Lak	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	7,5	Khá
614	1521402020033	Lê Mộng Huyền	Nữ	18/03/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN05: 8,0	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
615	1521402020115	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nữ	19/03/1997	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN04: 9,0	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
616	1521402020123	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	29/05/1997	Long An	KN01: 8,5	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
617	1521402020170	Kiều Thị Thu Huyền	Nữ	20/11/1996	Lâm Đồng	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 10,0	KN04: 7,0	KN05: 6,0	7,5	Khá
618	1521402020219	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	19/10/1997	Bắc Ninh	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN03: 7,0	KN05: 6,5	KN06: 8,0	7,0	Khá
619	1521402170029	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Nữ	26/12/1996	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN07: 8,0	KN09: 9,0	8,0	Giỏi
620	1521402170075	Trần Thị Thu Huyền	Nữ	25/07/1997	Long An	KN01: 8,5	KN02: 9,5	KN03: 10,0	KN08: 8,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
621	1521402180002	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	23/01/1997	Phú Thọ	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN03: 8,5	KN06: 8,5	KN07: 8,5	8,0	Giỏi
622	1522202010180	Trương Diễm Huyền	Nữ	04/03/1997	Ninh Thuận	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN04: 8,5	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
623	1522202010190	Lê Thị Huyền	Nữ	10/04/1997	Huế	KN01: 7,5	KN02: 6,5	KN04: 8,5	KN05: 8,0	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
624	1523402010156	Nguyễn Ngọc Huyền	Nữ	01/12/1997	Vĩnh Long	KN01: 8,0	KN02: 10,0	KN08: 9,0	KN09: 10,0	KN10: 8,0	9,0	Xuất sắc
625	1523403010159	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nữ	10/07/1997	Quảng Ngãi	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN05: 8,5	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
626	1523801010252	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	26/08/1997	Quảng Ngãi	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 10,0	KN05: 7,5	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
627	1523801010317	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	17/09/1996	Quảng Ngãi	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 8,5	8,5	Giỏi
628	1524401120086	Lương Thanh Huyền	Nữ	12/10/1997	Thanh Hóa	KN01: 6,5	KN02: 8,5	KN03: 9,0	KN06: 8,5	KN07: 7,0	8,0	Giỏi
629	1524401120108	Hồ Ngọc Huyền	Nữ	27/04/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
630	1524403010089	Trần Thị Thu Huyền	Nữ	06/01/1997	Hà Tĩnh	KN01: 6,5	KN02: 7,5	KN05: 6,5	KN06: 7,0	KN07: 8,0	7,0	Khá
631	1621402010068	Phạm Thị Thanh Huyền	Nữ	15/11/1998	Khánh Hòa	KN02: 7,5	KN05: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
632	1621402020098	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	13/12/1998	Nghệ An	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 9,5	KN10: 6,0	8,0	Giỏi
633	1621402020103	Trương Thị Thanh Huyền	Nữ	02/01/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN04: 9,0	KN06: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
634	1622202040030	Phan Thị Cẩm Huyền	Nữ	17/07/1997	Hà Tĩnh	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 10,0	KN08: 8,5	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
635	1622202040098	Thái Thị Ngọc Huyền	Nữ	22/02/1998	Hà Tĩnh	KN02: 7,0	KN05: 7,5	KN06: 10,0	KN08: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
636	1623402010047	Lê Thị Mỹ Huyền	Nữ	15/12/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
637	1623801010149	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	09/05/1998	Nam Định	KN02: 8,0	KN04: 7,0	KN08: 8,0	KN09: 8,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
638	1524401120068	Ngô Như Huỳnh	Nữ	12/04/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 6,5	KN06: 7,0	7,5	Khá
639	1622202010097	Trần Huỳnh	Nam	01/04/1998	Bình Dương	KN02: 5,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 7,0	7,5	Khá
640	1623401010405	Trương Thị Như Huỳnh	Nữ	09/12/1998	An Giang	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN08: 7,0	KN09: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
641	1524401120171	Phạm Quang Hưng	Nam	11/04/1997	Tp. HCM	KN01: 6,5	KN02: 8,5	KN05: 7,0	KN06: 8,5	KN08: 8,0	7,5	Khá
642	1525202010049	Lê Thanh Hưng	Nam	26/03/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN04: 9,5	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
643	1521401010062	Nguyễn Thị Lan Hương	Nữ	28/04/1997	Bình Phước	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 9,5	KN10: 6,5	7,5	Khá
644	1521402010010	Chu Thị Lan Hương	Nữ	19/02/1996	Sông Bé	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 8,5	8,5	Giỏi
645	1521402010082	Nguyễn Lâm Thiên Hương	Nữ	18/05/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN05: 8,0	KN06: 8,5	8,5	Giỏi
646	1521402010105	Trần Thị Diễm Hương	Nữ	12/01/1997	Đồng Nai	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN04: 7,0	KN05: 9,5	KN08: 6,5	7,5	Khá
647	1521402010175	Phan Thị Thanh Hương	Nữ	30/10/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 6,5	KN03: 7,5	KN05: 8,0	KN06: 8,5	7,5	Khá
648	1521402020061	Phạm Thị Hiền Hương	Nữ	13/07/1996	Ninh Thuận	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
649	1521402020213	Nguyễn Thị Kim Hương	Nữ	15/10/1996	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 8,5	KN03: 9,0	KN04: 9,5	KN06: 8,5	9,0	Xuất sắc
650	1522202010072	Đoàn Thị Quế Hương	Nữ	28/06/1997	Tp. Hồ Chí Minh	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN04: 7,5	KN06: 8,5	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
651	1522202010239	Lê Thị Hương	Nữ	10/05/1997	Thanh Hóa	KN01: 7,0	KN02: 6,5	KN03: 8,0	KN05: 6,0	KN09: 7,5	7,0	Khá
652	1523401010075	Nguyễn Thị Hương	Nữ	10/11/1997	Bình Định	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 10,0	KN04: 6,5	KN09: 9,0	8,5	Giỏi
653	1523401010114	Lê Nguyễn Quỳnh Hương	Nữ	22/06/1997	Tp. Hồ Chí Minh	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN03: 7,5	KN06: 8,5	KN07: 8,0	8,5	Giỏi
654	1523401010237	Vũ Thị Hương	Nữ	10/04/1997	Thanh Hóa	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 5,5	KN05: 6,0	KN06: 8,0	7,0	Khá
655	1523402010057	Huỳnh Mỹ Hương	Nữ	16/11/1997	Tp. Hồ Chí Minh	KN01: 6,0	KN02: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN07: 7,0	7,5	Khá
656	1523403010001	Nguyễn Thị Thanh Hương	Nữ	18/09/1997	Long An	KN01: 9,0	KN02: 7,5	KN03: 7,0	KN05: 7,5	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
657	1523403010027	Hà Ngọc Hương	Nữ	05/10/1997	Cần Thơ	KN01: 9,0	KN02: 7,0	KN03: 7,0	KN05: 7,5	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
658	1523403010138	Đặng Thị Lan Hương	Nữ	29/08/1997	Hà Nam	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN04: 7,0	KN06: 8,0	KN09: 9,0	8,0	Giỏi
659	1523801010010	Nguyễn Đặng Thanh Hương	Nữ	27/10/1997	Bình Định	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN06: 8,5	KN09: 7,0	8,0	Giỏi
660	1523801010011	Phạm Thị Mỹ Hương	Nữ	10/02/1997	Dak Lak	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN05: 8,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
661	1523801010033	Văn Trần Mỹ Hương	Nữ	18/01/1997	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 7,5	KN05: 6,0	KN06: 8,0	7,5	Khá
662	1523801010045	Lâm Thị Thu Hương	Nữ	08/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN05: 9,5	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
663	1523801010119	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	19/01/1996	Sông Bé	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN09: 8,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
664	1523801010170	Nguyễn Thị Xuân Hương	Nữ	12/06/1997	Bình Định	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN05: 8,0	KN06: 7,0	8,5	Giỏi
665	1523801010354	Hoàng Thị Hương	Nữ	03/04/1996	Đắk Nông	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 7,5	KN05: 7,5	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
666	1524401120162	Nguyễn Thị Dạ Lý Hương	Nữ	29/03/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN03: 7,5	KN05: 8,5	KN06: 9,0	8,5	Giỏi
667	1524401120167	Lê Thị Thanh Hương	Nữ	20/01/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
668	1524403010071	Huỳnh Hương	Nữ	22/10/1997	Bình Dương	KN01: 6,5	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
669	1524403010193	Trần Thị Hương	Nữ	03/02/1997	Quảng Ngãi	KN01: 6,0	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 7,5	KN06: 8,5	7,5	Khá
670	1527601010088	Đặng Thị Minh Hương	Nữ	27/06/1997	Phú Yên	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
671	1528501010013	Nguyễn Thị Kim Hương	Nữ	15/05/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN05: 6,0	KN06: 8,5	KN07: 7,5	8,0	Giỏi
672	1528501010086	Đặng Thị Hương	Nữ	22/01/1997	Đồng Nai	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 7,0	7,0	Khá
673	1621402020105	Lê Thị Kim Hương	Nữ	21/10/1998	Bình Phước	KN02: 7,0	KN06: 8,5	KN08: 9,0	KN09: 8,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
674	1621402020109	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	00/00/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN08: 9,0	KN09: 9,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
675	1621402020110	Phạm Lê Diệu Hương	Nữ	04/04/1998	Bình Thuận	KN02: 8,0	KN06: 8,5	KN08: 8,5	KN09: 9,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
676	1621402020111	Vũ Thị Hương	Nữ	04/09/1996	Sông Bé	KN02: 9,0	KN06: 8,5	KN08: 8,5	KN09: 9,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
677	1623401010096	Võ Thị Thiên Hương	Nữ	15/06/1998	Tp. Hồ Chí Minh	KN02: 8,5	KN03: 10,0	KN05: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 6,5	9,0	Xuất sắc
678	1623402010053	Ngô Thị Quỳnh Hương	Nữ	09/10/1998	Bình Dương	KN02: 6,0	KN03: 8,5	KN07: 7,5	KN08: 8,0	KN10: 8,5	7,5	Khá
679	1623403010098	Bùi Thị Thanh Hương	Nữ	11/03/1998	Bình Dương	KN02: 6,5	KN03: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi

Am



STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
680	1623403010103	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Nữ	27/03/1998	Bình Phước	KN02: 7,5	KN05: 7,5	KN06: 7,5	KN08: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
681	1623801010155	Trần Thị Thanh Hương	Nữ	02/02/1998	Đăklak	KN02: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 6,5	KN08: 6,5	KN10: 9,5	7,5	Khá
682	1623801010156	Vương Thẩm Hương	Nữ	25/08/1998	Tp.Hcm	KN02: 7,5	KN03: 7,5	KN05: 10,0	KN08: 6,5	KN10: 7,5	8,0	Giỏi
683	1625106010048	Nguyễn Thanh Hương	Nữ	10/05/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN07: 8,5	KN08: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
684	1627601010021	Nguyễn Thị Hương	Nữ	14/08/1998	Thanh Hóa	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 7,5	7,5	Khá
685	1521402180035	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	20/12/1996	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 7,5	KN05: 7,5	KN06: 7,5	7,5	Khá
686	1523801010099	Trần Thị Thu Hương	Nữ	03/10/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 8,5	KN05: 6,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
687	1524403010029	Lê Thị Hương	Nữ	26/04/1997	Thanh Hóa	KN01: 6,0	KN02: 9,5	KN05: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 10,0	8,5	Giỏi
688	1623801010450	H' Tanh Khuơ	Nữ	10/10/1995	Đăklak	KN02: 7,0	KN04: 8,0	KN08: 9,0	KN09: 9,5	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
689	1521402180014	Nguyễn Tuấn Kiệt	Nam	31/07/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN05: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 9,0	8,5	Giỏi
690	1521402010074	Võ Mai Phương Kiều	Nữ	28/06/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN05: 9,0	KN06: 8,5	8,5	Giỏi
691	1521402170156	Lê Thị Thúy Kiều	Nữ	16/02/1997	Quảng Nam	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN05: 9,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
692	1523801010240	Đoàn Ngọc Ngân Kiều	Nữ	05/06/1997	Tây Ninh	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
693	1525106010001	Đỗ Thị Thúy Kiều	Nữ	25/05/1997	Bình Phước	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 7,5	7,5	Khá
694	1623102050037	Nguyễn Phạm Yến Kiều	Nữ	29/06/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
695	1623401010097	Tạ Thị Oanh Kiều	Nữ	04/04/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
696	1628501010041	Bùi Thị Thu Kiều	Nữ	22/07/1998	Quảng Ngãi	KN02: 7,0	KN05: 7,5	KN06: 8,5	KN08: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
697	1522202040062	Lý Gia Kim	Nữ	28/12/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN04: 9,0	KN05: 8,0	8,5	Giỏi
698	1523403010025	Nguyễn Kim	Nam	09/04/1997	Bình Dương	KN01: 6,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN10: 6,5	7,5	Khá
699	1523403010024	Vương Minh Kỳ	Nam	13/10/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN04: 8,5	KN06: 7,0	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
700	1621402020114	Tạ Tiêu Kỳ	Nữ	24/04/1998	Đồng Nai	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN06: 6,5	KN08: 9,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
701	1622202010100	Trần Ngọc Vân Kỳ	Nữ	16/08/1998	Ninh Thuận	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
702	1522202010244	Đinh Nguyễn Bảo Kha	Nam	01/11/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 6,5	KN03: 7,0	KN05: 8,5	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
703	1523402010100	Võ Hoàng Kha	Nam	08/11/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
704	1523402010112	Đào Thị Mỹ Kha	Nữ	05/07/1997	Phú Yên	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN04: 8,0	KN06: 8,5	KN07: 7,0	8,0	Giỏi
705	1523801010277	Trần Duy Khả	Nam	12/08/1996	Hà Tây	KN01: 6,5	KN02: 7,0	KN03: 8,5	KN04: 9,5	KN05: 7,0	7,5	Khá
706	1523402010137	Lê Hoàng Khải	Nam	19/04/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN04: 6,5	KN06: 6,5	7,5	Khá
707	1525202010025	Thái Minh Khải	Nam	26/08/1997	Tp.Hcm	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN04: 7,5	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
708	1625202010113	Nguy Văn Khải	Nam	10/12/1998	Ninh Thuận	KN02: 7,5	KN05: 6,0	KN06: 9,0	KN08: 7,0	KN10: 9,0	7,5	Khá
709	1322202010074	Võ Diên Tuấn Khang	Nam	07/03/1995	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN07: 8,0	KN09: 10,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
710	1522202010186	Tạ Vi Khang	Nam	14/05/1997	Tp. Hồ Chí Minh	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN06: 8,5	KN07: 9,0	8,5	Giỏi
711	1523401010056	Nguyễn Tấn Khang	Nam	11/02/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	8,5	Giỏi
712	1525202010053	Nguyễn Mạnh Khang	Nam	01/11/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 8,5	KN04: 8,5	KN05: 8,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
713	1523403010079	Lê Vũ Khanh	Nam	10/07/1997	An Giang	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN04: 7,5	KN05: 6,0	KN06: 8,0	7,5	Khá
714	1523801010299	Mai Sơn Khanh	Nam	10/07/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN06: 6,0	KN08: 9,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
715	1523801010305	Phạm Thị Bảo Khanh	Nữ	20/12/1997	Phú Yên	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,5	KN05: 7,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
716	1528501010071	Nông Ngọc Duy Khanh	Nam	01/01/1996	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN05: 8,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
717	1523403010071	Nguyễn Huỳnh Bảo Khánh	Nữ	28/09/1997	Bình Phước	KN01: 9,0	KN02: 8,5	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN10: 5,0	7,5	Khá
718	1523801010272	Đoàn Đức Khánh	Nam	08/09/1997	Đăklak	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN04: 5,5	KN06: 9,0	KN08: 9,0	7,5	Khá
719	1524401120042	Nguyễn Trần Bảo Khánh	Nữ	01/01/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN05: 7,5	KN06: 7,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
720	1524403010149	Phạm Văn Khánh	Nam	20/12/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 7,0	KN03: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 7,5	7,5	Khá
721	1524801040002	Võ Đức Khánh	Nam	17/03/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 6,5	KN06: 7,0	KN07: 7,0	KN10: 8,0	7,0	Khá
722	1525802080023	Huỳnh Nguyễn Khánh	Nam	13/08/1997	An Giang	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN07: 7,5	KN09: 10,0	9,0	Xuất sắc

*Am*

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
723	1528501010110	Võ Hữu Khánh	Nam	19/12/1996	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN03: 7,0	KN06: 8,5	KN10: 8,0	7,5	Khá
724	1621402020115	Nguyễn Thị Ngọc Khánh	Nữ	10/07/1998	Nghệ An	KN02: 7,5	KN03: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
725	1623402010060	Nguyễn Quốc Khánh	Nam	02/09/1998	Tây Ninh	KN02: 7,0	KN03: 7,0	KN05: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 9,0	7,5	Khá
726	1623402010061	Phạm Duy Khánh	Nam	28/09/1998	Tp. Hồ Chí Minh	KN02: 7,0	KN03: 8,5	KN06: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
727	1623403010106	Phạm Mỹ Khánh	Nữ	01/09/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
728	1624801030126	Trần Hồng Khánh	Nam	11/2/1998	Thái Nguyên	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
729	1522202010202	Nguyễn Thị Khiển	Nữ	14/03/1997	Hà Nội	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN03: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 8,0	8,5	Giỏi
730	1524403010140	Nguyễn Nhật Khoa	Nam	23/04/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN03: 7,5	KN05: 8,0	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
731	1622202010101	Lưu Thái Đăng Khoa	Nam	30/01/1998	Cần Thơ	KN02: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 7,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
732	1623401010103	Nguyễn Nhật Khoa	Nữ	27/02/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN07: 8,5	KN08: 9,0	KN09: 10,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
733	1524401120015	Phan Đình Khôi	Nam	15/10/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN06: 7,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
734	1525802080024	Huỳnh Đình Khôi	Nam	25/01/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN04: 7,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
735	1523801010261	Hà Sâm Khôi	Nam	21/06/1995	Đắk Nông	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN06: 6,5	KN08: 10,0	8,0	Giỏi
736	1524801030056	Nguyễn Văn Khôi	Nam	10/11/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 6,0	KN05: 8,0	KN06: 6,0	KN09: 9,0	7,0	Khá
737	1525202010136	Nguyễn Gia Khuê	Nam	08/11/1997	Nghệ An	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 10,0	KN06: 7,5	KN08: 7,0	8,5	Giỏi
738	1621402020116	Dương Minh Nguyên Khuê	Nữ	10/09/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN06: 8,5	KN07: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
739	1521402010107	Trần Thị Hồng Khương	Nữ	23/02/1997	Bình Dương	KN01: 6,5	KN02: 8,0	KN03: 7,5	KN04: 8,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
740	1524403010033	Ngô Huỳnh An Khương	Nữ	05/02/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN04: 7,5	KN06: 8,5	KN08: 9,5	8,5	Giỏi
741	1525802080078	Đào Thanh Khương	Nam	22/11/1996	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
742	1528501010054	Nguyễn Hoài Khương	Nam	30/03/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,5	KN03: 9,0	KN05: 9,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
743	1623801010174	Võ Hiếu Khương	Nam	26/01/1997	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 8,5	KN06: 9,5	KN08: 6,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
744	1523403010116	Trần Mỹ Lai	Nữ	01/01/1997	Vũng Tàu	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN05: 7,5	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
745	1521402010198	Hồ Thị Lài	Nữ	17/05/1997	Nghệ An	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	7,5	Khá
746	1521402020239	Quảng Thị Kim Lài	Nữ	05/10/1997	Ninh Thuận	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN06: 6,0	KN08: 10,0	8,0	Giỏi
747	1523403010113	Ngô Thị Mỹ Lài	Nữ	19/10/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 7,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
748	1623801010175	Phạm Thị Lài	Nữ	22/04/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
749	1521402170025	Lê Thị Lam	Nữ	20/08/1996	Thanh Hóa	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN07: 8,0	KN09: 9,0	8,0	Giỏi
750	1522202040049	Nguyễn Thanh Lam	Nữ	16/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 10,0	KN04: 7,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
751	1524401120037	Đoàn Hồng Lam	Nữ	07/06/1996	Cà Mau	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN05: 7,5	KN06: 7,0	KN10: 10,0	7,5	Khá
752	1521401010098	Hoàng Thị Hoài Lan	Nữ	25/04/1996	Bình Phước	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN05: 10,0	KN06: 9,0	KN08: 8,0	8,5	Giỏi
753	1521402020009	Nguyễn Thụy Tuyết Lan	Nữ	16/01/1997	Hồ Chí Minh	KN01: 9,0	KN02: 8,5	KN05: 7,0	KN08: 9,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
754	1521402020103	Trần Thị Lan	Nữ	20/07/1996	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 5,0	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	7,5	Khá
755	1521402020140	Bé Thị Mỹ Lan	Nữ	24/10/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN05: 8,5	KN06: 8,0	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
756	1521402020182	Nguyễn Thị Lan	Nữ	15/08/1997	Ninh Bình	KN01: 7,5	KN02: 9,5	KN03: 9,0	KN05: 6,0	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
757	1522202010016	Phạm Thị Hương Lan	Nữ	04/11/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,5	KN06: 8,5	KN08: 9,5	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
758	1522202010216	Đặng Thị Hoàng Lan	Nữ	10/10/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 6,5	KN03: 7,0	KN05: 8,0	KN07: 8,0	7,5	Khá
759	1522202040072	Đặng Thị Hồng Lan	Nữ	01/11/1995	Tây Ninh	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 7,5	KN04: 7,0	KN05: 9,0	8,0	Giỏi
760	1523403010015	Ông Mỹ Lan	Nữ	14/05/1997	Cần Thơ	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN04: 7,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
761	1523403010104	Nguyễn Thị Hương Lan	Nữ	24/11/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 7,0	KN10: 9,0	7,5	Khá
762	1523403010155	Trần Thị Lan	Nữ	17/11/1997	Đăklăk	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN05: 8,5	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
763	1523801010027	Phạm Thị Lan	Nữ	20/02/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN04: 7,5	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
764	1524401120073	Hoàng Thị Lan	Nữ	08/10/1997	Hải Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 10,0	KN05: 5,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
765	1621402010080	Đặng Thị Tuyết Lan	Nữ	15/08/1997	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN06: 8,5	KN08: 7,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi

Am

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
						KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 9,5	KN09: 8,0	KN10: 9,0		
766	1623403010109	Cao Thị Mỹ Lan	Nữ	26/10/1998	Gia Lai	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 9,5	KN09: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
767	1623403010110	Nguyễn Thị Diệp Lan	Nữ	19/08/1998	Bình Phước	KN02: 7,5	KN05: 8,5	KN06: 7,5	KN08: 10,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
768	1623801010520	Lăng Thạch Lan	Nữ	15/01/1998	Lâm Đồng	KN02: 8,0	KN04: 7,0	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
769	1624601010037	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Nữ	05/01/1998	Đầu Tiếng	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN08: 7,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
770	1524401120081	Võ Thị Thúy Lành	Nữ	24/09/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN05: 6,5	KN08: 9,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
771	1621402020120	Nguyễn Thị Tuyết Lành	Nữ	25/10/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN03: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
772	1623801010179	Đặng Thị Cúc Lâm	Nữ	18/07/1998	Daklak	KN02: 6,0	KN03: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
773	1625202010124	Ngô Ngọc Lâm	Nam	19/05/1998	Quảng Trị	KN02: 8,0	KN05: 8,5	KN06: 9,5	KN08: 7,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
774	1525202010036	Lâm Văn Lập	Nam	18/06/1997	Nam Định	KN01: 6,0	KN02: 7,0	KN03: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 6,5	7,0	Khá
775	1625202010126	Lê Thành Lập	Nam	13/05/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN06: 7,0	KN08: 7,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
776	1628501010043	Võ Qui Lễ	Nam	06/10/1998	Bình Định	KN02: 6,0	KN05: 6,0	KN06: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
777	1521402020192	Nguyễn Thị Ngọc Lệ	Nữ	14/11/1997	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 8,5	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
778	1521402020233	Vũ Thị Lệ	Nữ	12/04/1996	Thanh Hóa	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 9,5	8,5	Giỏi
779	1523402010006	Trần Thị Mỹ Lệ	Nữ	12/09/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 6,0	KN04: 7,0	KN05: 6,5	KN07: 7,5	7,0	Khá
780	1523403010176	Nguyễn Thùy Kim Lệ	Nữ	14/05/1997	Đắk Lắk	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 7,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
781	1523801010227	Lê Ngọc Nhật Lệ	Nữ	20/10/1997	Quảng Ngãi	KN01: 9,0	KN02: 8,5	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	8,5	Giỏi
782	1524401120092	Cao Thị Mỹ Lệ	Nữ	20/08/1997	Bình Dương	KN01: 6,0	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN06: 8,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
783	1525106010043	Đặng Thị Lệ	Nữ	13/07/1997	Nam Định	KN01: 9,0	KN02: 10,0	KN03: 8,5	KN06: 9,0	KN09: 9,5	9,0	Xuất sắc
784	1628501010045	Nguyễn Thanh Liêm	Nam	18/03/1998	Bình Dương	KN02: 6,0	KN03: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
785	1521402010129	Hoàng Mỹ Phượng Liên	Nữ	04/10/1997	Bình Thuận	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 7,5	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
786	1521402020175	Nguyễn Thị Thủy Liên	Nữ	08/11/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,5	KN03: 10,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	8,5	Giỏi
787	1522202010220	Bùi Thị Liên	Nữ	23/01/1997	Thanh Hóa	KN01: 7,0	KN02: 6,5	KN03: 7,0	KN05: 7,5	KN06: 7,0	7,0	Khá
788	1522202040017	Trần Thị Kim Liên	Nữ	26/02/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN04: 9,0	KN07: 8,0	KN09: 9,0	8,5	Giỏi
789	1522202040022	Nguyễn Hồng Liên	Nữ	03/10/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN04: 6,5	KN06: 6,0	7,5	Khá
790	1523401010007	Mai Kim Liên	Nữ	17/05/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 6,0	KN03: 8,0	KN04: 8,0	KN06: 8,5	7,5	Khá
791	1523402010026	Nguyễn Thị Mỹ Liên	Nữ	10/10/1997	Bình Phước	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN03: 7,0	KN05: 7,5	KN06: 8,0	7,5	Khá
792	1523402010054	Trần Thị Kim Liên	Nữ	22/03/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN05: 7,5	KN06: 7,0	KN07: 7,0	7,0	Khá
793	1523403010211	Trần Thị Hoài Liên	Nữ	04/04/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN04: 10,0	KN06: 8,0	9,0	Xuất sắc
794	1523801010356	Hoàng Thị Kim Liên	Nữ	08/12/1995	Đăklăk	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN04: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 7,5	7,5	Khá
795	1528501010139	Hồ Thị Liên	Nữ	04/10/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN04: 8,0	KN06: 7,0	KN08: 7,0	8,0	Giỏi
796	1523402010148	Huỳnh Thị Kim Liên	Nữ	19/10/1997	Phú Yên	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 9,0	KN07: 7,0	8,0	Giỏi
797	1521402010053	Nguyễn Thị Thủy Liễu	Nữ	29/11/1996	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN04: 8,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
798	1521402020025	Trần Thị Liễu	Nữ	18/02/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN04: 9,5	KN05: 8,0	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
799	1521402020067	Nguyễn Thị Thủy Liễu	Nữ	27/06/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN04: 8,0	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
800	1522202040003	Lê Thủy Liễu	Nữ	13/07/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 8,5	8,5	Giỏi
801	1623102050041	Nguyễn Thị Thủy Liễu	Nữ	01/01/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 9,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
802	1521402010045	Lê Thị Thủy Linh	Nữ	25/04/1997	Tây Ninh	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 7,0	7,5	Khá
803	1521402010100	Đào Thị Kim Linh	Nữ	08/10/1996	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN05: 9,0	KN06: 9,0	8,5	Giỏi
804	1521402020021	Nguyễn Khánh Linh	Nữ	20/08/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 8,5	KN07: 8,0	8,5	Giỏi
805	1521402020076	Nguyễn Thị Diệu Linh	Nữ	21/11/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,5	KN04: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
806	1521402020110	Phan Thị Linh	Nữ	25/09/1997	Nghệ An	KN01: 7,0	KN02: 6,5	KN03: 8,0	KN06: 8,0	KN07: 7,0	7,5	Khá
807	1521402020164	Trịnh Thị Phương Linh	Nữ	18/07/1996	Lâm Đồng	KN01: 5,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN06: 7,5	KN07: 7,5	7,0	Khá
808	1521402020262	Phạm Thị Thùy Linh	Nữ	07/04/1996	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 9,5	KN03: 10,0	KN05: 8,0	KN06: 8,5	9,0	Xuất sắc
809	1521402170037	Thạch Gia Linh	Nữ	25/08/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN07: 8,0	KN09: 10,0	KN10: 7,5	8,5	Giỏi

Am

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
810	1521402170042	Lê Thị Thùy Linh	Nữ	10/10/1997	Thanh Hóa	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 9,0	8,5	Giỏi
811	1521402170122	Phan Thị Đức Linh	Nữ	03/01/1997	Tây Ninh	KN01: 9,0	KN02: 6,5	KN03: 9,0	KN05: 7,5	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
812	1522202010045	Vũ Thị Khánh Linh	Nữ	24/09/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN03: 7,0	KN05: 9,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
813	1522202010055	Trịnh Thùy Linh	Nữ	18/07/1997	Thanh Hóa	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN03: 8,0	KN05: 9,5	KN08: 9,5	9,0	Xuất sắc
814	1522202010191	Nguyễn Thị Huệ Linh	Nữ	02/11/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN05: 8,5	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
815	1522202010217	Nguyễn Thị Khánh Linh	Nữ	22/05/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
816	1522202040016	Trình Thị Phương Linh	Nữ	11/07/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 6,0	KN04: 7,0	KN06: 7,5	KN07: 8,0	7,0	Khá
817	1522202040041	Đào Thị Mỹ Linh	Nữ	11/06/1997	Hà Nam	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN04: 7,0	KN05: 9,0	8,0	Giỏi
818	1522202040048	Vũ Ngọc Linh	Nữ	08/10/1997	Đồng Nai	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN04: 7,5	KN05: 9,0	8,5	Giỏi
819	1522202040058	Đoàn Thị Mỹ Linh	Nữ	29/09/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 7,5	KN06: 8,5	KN07: 7,0	8,0	Giỏi
820	1522202040073	Trần Thị Linh	Nữ	06/10/1997	Thanh Hóa	KN01: 6,5	KN02: 7,0	KN03: 7,5	KN04: 7,0	KN05: 8,0	7,0	Khá
821	1523401010042	Phạm Thùy Linh	Nữ	18/05/1997	Cà Mau	KN01: 8,5	KN02: 8,5	KN05: 8,5	KN07: 7,0	KN09: 7,0	8,0	Giỏi
822	1523402010007	Phan Thị Mỹ Linh	Nữ	24/09/1997	Hà Tĩnh	KN01: 7,5	KN02: 6,0	KN05: 6,0	KN06: 8,5	KN07: 7,5	7,0	Khá
823	1523402010031	Trần Thị Mỹ Linh	Nữ	22/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN04: 7,0	KN05: 6,5	7,5	Khá
824	1523402010033	Nguyễn Ngọc Linh	Nữ	10/01/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 6,0	7,0	Khá
825	1523402010058	Phan Thị Linh	Nữ	04/06/1997	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 10,0	KN06: 8,0	KN07: 7,0	8,0	Giỏi
826	1523402010078	Nguyễn Thị Trúc Linh	Nữ	01/09/1997	Bình Dương	KN01: 6,5	KN02: 7,5	KN06: 7,0	KN07: 7,5	KN08: 7,5	7,0	Khá
827	1523402010082	Nguyễn Thị Phương Linh	Nữ	09/11/1997	Bình Dương	KN01: 6,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 8,5	KN07: 6,5	7,5	Khá
828	1523402010085	Nguyễn Thị Ngọc Linh	Nữ	15/03/1996	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN06: 7,0	KN07: 7,0	7,5	Khá
829	1523402010126	Bùi Thị Nguyệt Linh	Nữ	03/06/1996	Bình Định	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN04: 8,5	KN05: 10,0	9,0	Xuất sắc
830	1523402010136	Huỳnh Thị Phương Linh	Nữ	15/11/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 9,0	KN07: 7,0	7,5	Khá
831	1523402010157	Chu Ngọc Thùy Linh	Nữ	13/02/1997	Phú Yên	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 7,5	KN04: 7,0	KN06: 7,5	7,5	Khá
832	1523403010028	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	14/10/1997	Thanh Hóa	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN03: 8,5	KN04: 7,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
833	1523403010084	Võ Thị Thảo Linh	Nữ	18/12/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN06: 7,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
834	1523403010088	Nguyễn Thị Yến Linh	Nữ	15/03/1996	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 7,5	7,5	Khá
835	1523403010125	Trần Hoàng Thảo Linh	Nữ	13/09/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN07: 7,5	KN10: 7,0	7,5	Khá
836	1523403010126	Nguyễn Nhật Linh	Nữ	16/07/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN03: 10,0	KN06: 8,5	KN07: 8,0	9,0	Xuất sắc
837	1523403010142	Mã Thị Diệu Linh	Nữ	25/07/1997	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN04: 7,5	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
838	1523403010153	Lê Hoàng Ái Linh	Nữ	03/10/1997	Quảng Ngãi	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
839	1523403010185	Huỳnh Quế Linh	Nữ	03/02/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN04: 9,5	KN06: 7,5	8,5	Giỏi
840	1523801010052	Nguyễn Mai Linh	Nữ	11/03/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN06: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
841	1523801010080	Nguyễn Thị Mai Linh	Nữ	15/06/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN04: 8,0	KN06: 9,0	8,5	Giỏi
842	1523801010081	Phạm Thị Linh	Nữ	01/03/1997	0981708616	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN06: 8,5	KN09: 9,5	8,5	Giỏi
843	1523801010187	Đình Thị Mỹ Linh	Nữ	08/04/1997	Đăklăk	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN06: 8,5	KN07: 7,5	8,5	Giỏi
844	1523801010211	Trần Thị Hoài Linh	Nữ	10/10/1997	Hà Nam	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN06: 9,0	KN07: 7,0	8,5	Giỏi
845	1523801010233	Nguyễn Ngọc Linh	Nữ	19/04/1996	Bình Dương	KN01: 6,5	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN09: 8,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
846	1523801010241	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Nữ	06/09/1997	Đăk Lăk	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN08: 6,5	7,5	Khá
847	1523801010270	Nguyễn Thị Hồng Linh	Nữ	14/04/1996	Sông Bé	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN06: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
848	1524401120020	Lê Thị Hoàng Linh	Nữ	25/04/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 6,0	KN05: 6,5	KN06: 7,0	KN10: 8,5	7,0	Khá
849	1524401120033	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	05/01/1995	Thái Bình	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 6,5	KN07: 7,0	KN09: 9,0	7,5	Khá
850	1524403010038	Nguyễn Văn Linh	Nam	08/09/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 7,5	KN06: 9,0	KN08: 7,5	8,0	Giỏi
851	1524403010106	Đặng Nguyễn Ngọc Linh	Nữ	23/01/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
852	1524403010144	Lê Thị Trúc Linh	Nữ	19/10/1997	Bình Định	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN05: 8,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
853	1524403010203	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Nữ	26/06/1997	Bình Định	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN05: 6,0	KN06: 7,0	KN07: 8,5	7,5	Khá
854	1525106010071	Huỳnh Thị Yến Linh	Nữ	29/09/1997	Bến Tre	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN04: 7,5	KN05: 6,0	7,0	Khá

AT

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
855	1525802080031	Huỳnh Khánh Linh	Nam	21/01/1997	Đồng Nai	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN04: 8,0	KN05: 9,0	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
856	1527601010105	Đặng Thị Mỹ Linh	Nữ	04/06/1997	Đắk Lắk	KN01: 10,0	KN02: 9,0	KN03: 10,0	KN05: 9,0	KN08: 10,0	9,5	Xuất sắc
857	1528501010035	Huỳnh Thị Hoàng Linh	Nữ	06/09/1997	Bà Rịa -Vũng Tàu	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	7,5	Khá
858	1528501010043	Võ Thị Hồng Linh	Nữ	02/01/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN07: 8,0	7,5	Khá
859	1528501010051	Hồ Thị Kiều Linh	Nữ	22/02/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN06: 7,0	KN08: 10,0	8,5	Giỏi
860	1528501010185	Nguyễn Thị Ánh Linh	Nữ	31/08/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,5	KN06: 8,0	KN09: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
861	1621402010092	Lê Thị Mỹ Linh	Nữ	27/05/1998	Tp.Hcm	KN02: 7,0	KN04: 7,5	KN06: 7,5	KN08: 7,5	KN10: 5,5	7,0	Khá
862	1621402010096	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	11/09/1998	Bình Dương	KN02: 6,0	KN05: 9,0	KN08: 7,5	KN09: 9,0	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
863	1621402010098	Trần Thị Thùy Linh	Nữ	14/09/1998	Tây Ninh	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 9,0	KN08: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
864	1621402010099	Võ Thị Yến Linh	Nữ	16/07/1998	Tây Ninh	KN02: 8,5	KN03: 8,5	KN08: 8,5	KN09: 9,5	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
865	1621402020133	Phạm Thị Linh	Nữ	12/12/1998	Đắklak	KN02: 6,0	KN06: 9,0	KN08: 8,0	KN09: 10,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
866	1621402170046	Võ Ngọc Lam Linh	Nữ	20/03/1998	Ninh Thuận	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN08: 7,0	KN09: 9,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
867	1622202010108	Bùi Thị Yến Linh	Nữ	28/09/1998	Bình Thuận	KN02: 7,5	KN07: 8,0	KN08: 9,5	KN09: 9,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
868	1622202010111	Nguyễn Thị Diệu Linh	Nữ	22/08/1998	Bình Dương	KN02: 6,0	KN05: 7,5	KN06: 8,5	KN08: 9,5	KN10: 7,0	7,5	Khá
869	1622202010116	Trương Hoài Linh	Nữ	06/03/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN04: 9,0	KN06: 7,5	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
870	1622202040031	Giang Thủy Linh	Nữ	07/10/1998	Thanh Hóa	KN02: 8,5	KN03: 7,0	KN05: 7,5	KN08: 7,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
871	1622202040032	Huỳnh Thị Ngọc Linh	Nữ	19/07/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN05: 7,5	KN06: 8,5	KN08: 7,5	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
872	1623401010114	Mai Diệu Linh	Nữ	23/07/1998	Ninh Bình	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN05: 8,5	KN08: 7,5	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
873	1623401010116	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	25/01/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 8,5	KN08: 7,5	KN09: 9,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
874	1623402010072	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Nữ	16/02/1998	Bình Định	KN02: 7,0	KN06: 10,0	KN08: 8,5	KN09: 9,0	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
875	1623402010075	Trần Thị Ánh Linh	Nữ	19/01/1997	Bình Dương	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN08: 9,5	KN09: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
876	1623402010211	Lê Thị Khánh Linh	Nữ	18/8/1998	Tây Ninh	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 8,5	KN08: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
877	1623403010113	Dương Thị Linh	Nữ	05/02/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN09: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
878	1623403010114	Đỗ Thị Thùy Linh	Nữ	16/06/1998	Gia Lai	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN07: 7,0	KN08: 8,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
879	1623403010115	Đông Thị Mỹ Linh	Nữ	28/06/1998	Bình Phước	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 7,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
880	1623403010116	Huỳnh Thị Tuyết Linh	Nữ	29/08/1998	Bình Phước	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN07: 7,0	KN08: 9,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
881	1623403010120	Nguyễn Diệp Linh	Nữ	29/06/1998	Thái Bình	KN02: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 8,5	KN09: 7,5	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
882	1623403010121	Nguyễn Khánh Linh	Nữ	08/09/1998	Hung Yên	KN02: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN09: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
883	1623403010126	Trần Thị Linh	Nữ	10/03/1998	Thanh Hóa	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN09: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
884	1623801010188	Mai Thị Thủy Linh	Nữ	20/09/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN04: 7,5	KN08: 7,5	KN09: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
885	1623801010189	Ngô Thị Linh	Nữ	10/04/1998	Hà Tĩnh	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 10,0	KN08: 9,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
886	1623801010191	Nguyễn Thị Ngọc Linh	Nữ	21/02/1997	Long An	KN02: 7,0	KN03: 10,0	KN05: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
887	1624401120055	Đinh Nguyễn Trúc Linh	Nữ	30/08/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 8,0	KN09: 10,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
888	1624401120056	Đỗ Thị Trúc Linh	Nữ	12/06/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN05: 7,0	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
889	1624401120060	Nguyễn Thị Hoài Linh	Nữ	22/08/1998	Bình Định	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN05: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
890	1628501010047	Hà Tuyết Linh	Nữ	21/01/1998	Bình Dương	KN02: 6,5	KN06: 6,5	KN08: 7,0	KN09: 9,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
891	1628501010049	Lê Thị Thùy Linh	Nữ	17/10/1996	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
892	1623801010457	Nguyễn Thị Thanh Linh	Nữ	13/10/1998	Tây Ninh	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
893	1522202040079	Nguyễn Thị Thùy Loan	Nữ	16/07/1997	Bình Dương	KN01: 6,5	KN02: 8,0	KN03: 7,5	KN04: 8,0	KN06: 8,0	7,5	Khá
894	1522202040082	Đoàn Thị Kim Loan	Nữ	16/01/1997	Quảng Ngãi	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN04: 8,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
895	1523402010052	Ngô Nguyễn Phương Loan	Nữ	11/01/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 7,0	7,5	Khá

*Am*

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
896	1523403010140	Nguyễn Thúy Loan	Nữ	02/06/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN07: 7,0	KN09: 9,5	8,5	Giỏi
897	1523801010137	Nguyễn Thị Loan	Nữ	01/09/1997	Hà Tĩnh	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN06: 7,0	KN08: 9,5	8,0	Giỏi
898	1524403010072	Nguyễn Thị Yến Loan	Nữ	25/02/1997	Long An	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 10,0	8,0	Giỏi
899	1527601010014	Mai Thị Thảo Loan	Nữ	18/02/1997	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 10,0	KN07: 7,0	KN08: 10,0	9,0	Xuất sắc
900	1528501010164	Nguyễn Thị Hồng Loan	Nữ	15/06/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 8,5	KN05: 7,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
901	1621402010102	Nguyễn Thị Loan	Nữ	17/03/1998	Thừa Thiên - Huế	KN02: 7,0	KN03: 8,5	KN05: 8,5	KN08: 8,5	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
902	1622202040035	Trần Thị Thanh Loan	Nữ	12/10/1998	Thái Bình	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 10,0	KN08: 8,0	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
903	1623402010078	Nguyễn Trần Phương Loan	Nữ	29/03/1998	Bình Phước	KN02: 7,0	KN06: 10,0	KN08: 9,0	KN09: 8,5	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
904	1623403010131	Nguyễn Thị Phương Loan	Nữ	05/08/1998	Đaklak	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
905	1623403010132	Phạm Nguyễn Phương Loan	Nữ	08/05/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
906	1521402020050	Nguyễn Phi Long	Nam	08/09/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 9,5	KN03: 10,0	KN05: 9,5	KN06: 8,5	9,5	Xuất sắc
907	1523401010212	Lâm Thành Long	Nam	03/10/1997	Bình Phước	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 6,5	KN05: 8,5	KN06: 6,5	7,5	Khá
908	1524403010014	Nguyễn Hoàng Long	Nam	06/10/1996	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 7,0	KN05: 8,5	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
909	1524403010105	Dương Nguyễn Nhứt Long	Nam	29/07/1997	Tây Ninh	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN05: 8,5	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
910	1524403010109	Phan Thành Long	Nam	09/07/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 7,5	KN06: 7,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
911	1525802080065	Lê Huỳnh Long	Nam	20/08/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 5,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN10: 9,5	7,5	Khá
912	1527601010053	Đình Nhật Long	Nam	03/09/1996	Bình Phước	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN06: 9,5	KN07: 7,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
913	1521401010047	Huỳnh Tấn Lộc	Nam	09/03/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 7,0	KN04: 7,0	KN06: 9,0	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
914	1523401010002	Nguyễn Thị Kim Lộc	Nữ	07/12/1995	Tp.Hcm	KN01: 8,5	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN04: 7,5	KN05: 6,0	7,5	Khá
915	1523402010119	Ung Văn Lộc	Nam	07/02/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN08: 9,0	KN09: 9,0	8,5	Giỏi
916	1523403010097	Huỳnh Tấn Lộc	Nam	05/10/1997	Tp Hồ Chí Minh	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN05: 6,5	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
917	1523801010143	Nguyễn Hoàng Lộc	Nam	17/04/1997	Bình Dương	KN01: 6,5	KN02: 7,5	KN03: 7,0	KN08: 9,0	KN10: 5,5	7,0	Khá
918	1524801040020	Nguyễn Thành Lộc	Nam	06/08/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 6,5	KN06: 7,0	KN07: 8,0	KN10: 7,0	7,0	Khá
919	1527601010104	Hồ Minh Lộc	Nam	25/08/1996	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
920	1528501010101	Lê Trọng Lộc	Nam	12/11/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN07: 8,0	KN08: 10,0	KN09: 9,5	8,5	Giỏi
921	1621402020142	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	Nữ	22/09/1998	Bình Định	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 5,0	8,0	Giỏi
922	1623401010124	Trần Gia Lộc	Nam	02/02/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN03: 10,0	KN05: 9,0	KN08: 8,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
923	1524401120052	Nguyễn Tấn Lợi	Nam	10/02/1997	Tân Uyên	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 7,0	KN06: 7,0	KN08: 10,0	8,0	Giỏi
924	1525202010023	Nguyễn Tấn Lợi	Nam	10/06/1997	Bình Dương	KN01: 6,0	KN02: 7,5	KN03: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 7,0	7,0	Khá
925	1621402020144	Lê Lợi	Nam	15/02/1998	Thanh Hóa	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
926	1621402020145	Trịnh Thị Mỹ Lợi	Nữ	29/05/1998	Gia Lai	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN08: 10,0	KN09: 9,0	KN10: 7,5	8,5	Giỏi
927	1625202010135	Hồ Đức Lợi	Nam	28/11/1998	Bình Phước	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 9,5	KN08: 7,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
928	1623401010126	Đặng Hồng Lụa	Nữ	06/04/1998	Tây Ninh	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
929	1522202010147	Nguyễn Minh Luân	Nam	12/04/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN04: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	7,5	Khá
930	1523402010132	Phạm Thành Luân	Nam	10/03/1996	Sông Bé	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN08: 9,0	KN09: 9,0	8,5	Giỏi
931	1523801010312	Nguyễn Hữu Luân	Nam	11/12/1996	Lâm Đồng	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN04: 7,5	KN06: 7,0	KN08: 9,0	8,0	Giỏi
932	1623801010203	Phạm Thị Công Luận	Nữ	15/11/1998	Gia Lai	KN02: 8,5	KN04: 7,5	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
933	1625202010137	Lê Xuân Lược	Nam	13/04/1998	Thanh Hóa	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN06: 7,0	KN08: 7,5	KN10: 7,0	7,5	Khá
934	1521402020060	Trần Văn Luông	Nam	02/01/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
935	1524401120021	Hoàng Thị Kim Luy	Nữ	06/01/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
936	1521402010169	Nguyễn Thị Luyến	Nữ	03/06/1997	Quảng Ngãi	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN05: 7,5	KN06: 8,5	KN07: 8,0	8,5	Giỏi
937	1521402020184	Ngô Thị Luyến	Nữ	03/01/1997	Quảng Bình	KN01: 8,5	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN08: 10,0	KN09: 9,5	9,0	Xuất sắc

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
938	1628501010133	Nguyễn Lực	Nam	06/04/1998	Bình Định	KN02: 7,0	KN05: 6,5	KN06: 8,5	KN08: 10,0	KN10: 5,0	7,5	Khá
939	1521402170111	Từ Thị Hiền Lương	Nữ	07/03/1996	Ninh Thuận	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
940	1523402010010	Lê Thị Lương	Nữ	18/10/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN03: 6,5	KN05: 7,5	KN10: 8,5	7,5	Khá
941	1623401010129	Trần Xuân Lưu	Nam	28/04/1998	Hà Nam	KN02: 8,5	KN03: 8,5	KN05: 8,5	KN08: 9,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
942	1523801010131	Nguyễn Thị Hồng Lưu	Nữ	13/09/1996	Đắk Lắk	KN01: 9,0	KN02: 8,5	KN05: 7,0	KN08: 9,5	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
943	1521402010148	Võ Thị Ly	Nữ	28/09/1997	Quảng Ngãi	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN05: 8,0	KN06: 9,0	8,5	Giỏi
944	1523401010021	Đào Hương Ly	Nữ	30/09/1997	Hà Nội	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN05: 7,0	KN09: 7,0	8,0	Giỏi
945	1525106010005	Bùi Nguyễn Ngọc Ly	Nữ	29/09/1997	Tp. Hồ Chí Minh	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN06: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
946	1621401010023	Trần Thị Khánh Ly	Nữ	20/10/1998	Thanh Hóa	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
947	1621402010105	Nguyễn Thị Ly	Nữ	25/09/1998	Nghệ An	KN02: 9,5	KN03: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
948	1621402020148	Trương Thị Trúc Ly	Nữ	10/04/1998	Bình Định	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
949	1623402010084	Hoàng Vũ Thảo Ly	Nữ	17/06/1998	Kiên Giang	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 8,5	KN08: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
950	1524801040041	Đào Thanh Lý	Nam	30/09/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN05: 9,0	KN06: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
951	1621402010107	Nguyễn Thị Lý	Nữ	06/08/1997	Thanh Hóa	KN02: 8,0	KN03: 10,0	KN08: 9,0	KN09: 9,5	KN10: 7,5	9,0	Xuất sắc
952	1621402010108	Phạm Thị Lý	Nữ	13/05/1998	Gia Lai	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN06: 8,5	KN08: 8,0	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
953	1621402010109	Trần Thị Lý	Nữ	01/05/1998	Hà Tĩnh	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN08: 8,5	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
954	1521402010043	Nguyễn Thị Mai	Nữ	04/01/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
955	1521402010086	Lê Thị Tuyết Mai	Nữ	23/05/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 10,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
956	1521402020161	Trương Thị Tuyết Mai	Nữ	22/03/1996	Quảng Nam	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN07: 7,5	8,0	Giỏi
957	1521402020189	Phạm Thị Thu Mai	Nữ	04/10/1997	Đồng Nai	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN07: 7,0	KN08: 7,5	8,0	Giỏi
958	1521402180032	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Nữ	20/02/1996	Đồng Nai	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 8,5	KN09: 9,5	8,5	Giỏi
959	1522202010019	Nguyễn Huỳnh Mai	Nữ	09/08/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 6,5	KN05: 8,0	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
960	1522202010161	Đinh Thị Ngọc Mai	Nữ	18/03/1997	Hà Nội	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 8,0	8,5	Giỏi
961	1522202040091	Chu Thị Ngọc Mai	Nữ	29/01/1997	Bắc Giang	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN04: 9,0	KN06: 8,0	8,5	Giỏi
962	1523401010033	Nguyễn Thị Trúc Mai	Nữ	12/01/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,5	KN08: 9,5	KN09: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
963	1523402010011	Bùi Thị Hiền Mai	Nữ	15/11/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 9,5	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
964	1523402010044	Nguyễn Thị Hoàng Mai	Nữ	01/02/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN04: 9,5	KN06: 7,5	KN07: 7,5	8,0	Giỏi
965	1523403010110	Đặng Thị Xuân Mai	Nữ	18/05/1997	Hà Tĩnh	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 8,5	7,5	Khá
966	1524403010093	Nguyễn Thị Huỳnh Mai	Nữ	02/11/1997	Bình Dương	KN01: 6,5	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN05: 7,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
967	1527601010089	Trần Thị Thùy Mai	Nữ	03/01/1995	Quảng Ngãi	KN01: 8,5	KN02: 7,5	KN04: 8,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
968	1621401010024	Lê Thị Mai	Nữ	08/11/1997	Thanh Hóa	KN02: 9,5	KN06: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
969	1621402010110	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Nữ	09/05/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN08: 7,5	KN09: 9,0	KN10: 7,5	8,0	Giỏi
970	1621402010111	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Nữ	13/07/1997	Hà Tĩnh	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN08: 9,0	KN09: 9,5	KN10: 7,5	8,5	Giỏi
971	1621402010114	Trương Thị Quỳnh Mai	Nữ	01/11/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN03: 10,0	KN06: 9,5	KN08: 9,0	KN10: 10,0	9,5	Xuất sắc
972	1621402020149	Đào Thị Trúc Mai	Nữ	13/02/1998	Bình Dương	KN02: 6,0	KN03: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
973	1621402020150	Hồ Thị Thanh Mai	Nữ	04/10/1998	Nghệ An	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 7,0	KN08: 10,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
974	1621402020151	Huỳnh Thị Thúy Mai	Nữ	18/02/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN05: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
975	1621402020152	Nguyễn Ngọc Mai	Nữ	22/11/1998	Hà Tây	KN02: 8,5	KN05: 7,5	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
976	1622202010122	Trần Ngọc Xuân Mai	Nữ	03/11/1998	Vĩnh Long	KN02: 7,0	KN03: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
977	1623102050044	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Nữ	01/05/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 8,5	KN08: 8,0	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
978	1624401120067	Đỗ Thị Thanh Mai	Nữ	05/05/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN06: 7,0	KN07: 7,0	KN08: 7,5	KN10: 7,0	7,0	Khá
979	1624401120068	Nguyễn Thị Kiều Mai	Nữ	19/10/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN05: 7,5	KN06: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
980	1624401120069	Trần Thị Ngọc Mai	Nữ	02/01/1998	Tp.Hcm	KN02: 7,0	KN06: 6,0	KN07: 8,5	KN08: 9,5	KN10: 8,5	8,0	Giỏi

Am

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
981	1625106010070	Huỳnh Thị Trúc Mai	Nữ	06/10/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN04: 9,0	KN06: 7,0	KN08: 10,0	KN10: 7,0	8,5	Giỏi
982	1621402180035	Đặng Minh Mẫn	Nam	12/08/1998	Bình Dương	KN02: 6,0	KN05: 7,5	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 8,5	7,5	Khá
983	1624401120070	Nguyễn Uyên Mẫn	Nữ	11/09/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
984	1523801010275	Bùi Thị Mến	Nữ	03/02/1997	Thái Bình	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN05: 6,0	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
985	1524401120135	Nguyễn Thị Hoa Mến	Nữ	10/12/1997	Vĩnh Phúc	KN01: 7,0	KN02: 8,5	KN04: 7,5	KN06: 8,5	KN08: 7,0	7,5	Khá
986	1523401010210	Huỳnh Thị Trà Mi	Nữ	03/09/1997	Phù Yên	KN01: 9,0	KN02: 10,0	KN06: 7,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
987	1623402010087	Nguyễn Trà Mi	Nữ	24/11/1998	Bình Định	KN02: 7,0	KN06: 10,0	KN08: 9,0	KN09: 8,5	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
988	1521402020235	Nguyễn Thị Thu Minh	Nữ	27/07/1996	Ninh Thuận	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 10,0	8,5	Giỏi
989	1521402170163	Bùi Thị Minh	Nữ	23/05/1997	Nam Định	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN04: 7,5	KN05: 5,0	KN09: 7,5	7,0	Khá
990	1522202040002	Nguyễn Huệ Minh	Nữ	10/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN04: 6,5	KN05: 8,0	KN06: 6,0	7,0	Khá
991	1522202040025	Trần Duy Quang Minh	Nam	05/05/1997	Tp. Hồ Chí Minh	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN06: 6,0	KN07: 8,0	7,5	Khá
992	1523801010012	Mai Thị Hồng Minh	Nữ	27/01/1997	Gia Lai	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN06: 8,0	KN07: 7,5	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
993	1523801010085	Nguyễn Huỳnh Công Minh	Nam	17/12/1997	Tiền Giang	KN01: 9,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 9,5	8,0	Giỏi
994	1524403010036	Nguyễn Công Minh	Nam	21/10/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN04: 7,5	KN06: 9,5	KN08: 9,0	8,5	Giỏi
995	1524403010094	Nguyễn Công Minh	Nam	18/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 6,5	KN05: 9,0	KN09: 9,5	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
996	1524403010159	Trần Hoài Minh	Nam	07/02/1997	Tp. HCM	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 7,5	7,5	Khá
997	1525802080049	Trần Thiện Minh	Nam	10/05/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 6,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	KN09: 9,5	7,5	Khá
998	1622202010124	Nguyễn Thị Bình Minh	Nữ	14/11/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
999	1623801010211	Hồ Thị Ngọc Minh	Nữ	25/12/1997	Bình Dương	KN02: 7,0	KN04: 7,5	KN06: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
1000	1624401120071	Nguyễn Nhựt Minh	Nam	19/05/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 7,5	8,0	Giỏi
1001	1625202010143	Nguyễn Phan Trí Minh	Nam	06/04/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1002	1523801010357	Y Dôn Miô	Nam	27/07/1996	Đaklak	KN01: 7,5	KN03: 7,5	KN06: 7,5	KN08: 8,5	KN10: 7,5	7,5	Khá
1003	1523801010348	H. Hoài H. Mok	Nữ	13/10/1995	Đăklăk	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 10,0	KN05: 6,0	KN06: 7,5	7,5	Khá
1004	1621402010115	Đặng Thị Mộng	Nữ	24/08/1998	Hà Tĩnh	KN02: 8,0	KN03: 10,0	KN07: 9,0	KN08: 8,5	KN10: 6,5	8,5	Giỏi
1005	1623401010137	Nguyễn Thị Mơ	Nữ	07/05/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN06: 7,0	KN08: 6,5	KN09: 9,5	KN10: 6,5	7,5	Khá
1006	1624401120075	Đỗ Thị Ngọc Mơ	Nữ	28/05/1997	Bình Định	KN02: 7,0	KN06: 6,0	KN07: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 7,5	7,0	Khá
1007	1628501010060	Phạm Thị Mừng	Nữ	22/10/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 9,5	KN08: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1008	1521402010050	Trương Thị Thùy My	Nữ	13/11/1995	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 10,0	KN03: 10,0	KN05: 8,0	KN06: 7,0	8,5	Giỏi
1009	1521402020068	Đặng Kim My	Nữ	14/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN05: 9,0	KN06: 8,0	8,5	Giỏi
1010	1521402170178	Huỳnh Ngọc My	Nữ	20/10/1997	Tây Ninh	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN05: 5,0	KN06: 8,0	KN07: 7,0	7,0	Khá
1011	1521402180005	Nguyễn Hoa Trà My	Nữ	07/04/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 8,5	KN09: 8,5	8,0	Giỏi
1012	1521402180023	Nguyễn Quỳnh My	Nữ	22/10/1997	Long An	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN05: 9,0	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
1013	1521402180038	Dương Thảo My	Nữ	15/02/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 9,5	KN08: 10,0	8,5	Giỏi
1014	1523403010166	Trương Tiểu My	Nữ	18/02/1997	Bình Định	KN01: 5,5	KN02: 8,0	KN06: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 7,5	7,5	Khá
1015	1523801010048	Nguyễn Hà My	Nữ	28/03/1997	Bình Phước	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 9,0	7,5	Khá
1016	1528501010040	Ngô Thị Diễm My	Nữ	06/05/1996	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN06: 8,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
1017	1621402010116	Nguyễn Thị Trà My	Nữ	21/04/1998	Quảng Ngãi	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN08: 9,0	KN09: 10,0	KN10: 7,5	8,5	Giỏi
1018	1621402010117	Nguyễn Thị Trà My	Nữ	09/09/1998	Bình Thuận	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN08: 9,0	KN09: 9,5	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
1019	1621402020154	Bùi Thị Diễm My	Nữ	29/10/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN05: 8,0	KN06: 6,5	KN08: 7,0	KN10: 7,0	7,5	Khá
1020	1623401010140	Nguyễn Ngọc My My	Nữ	11/11/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN06: 8,5	KN08: 8,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1021	1623401010141	Nguyễn Quỳnh My	Nữ	18/05/1998	Thanh Hóa	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 9,0	KN08: 7,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1022	1623403010149	Trần Ngọc Thảo My	Nữ	20/06/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN05: 6,0	KN06: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 6,5	7,0	Khá
1023	1623403010150	Trần Thảo My	Nữ	12/10/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN04: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi

49



STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1024	162380101214	Nguyễn Trần Diễm My	Nữ	19/11/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 7,5	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1025	1625106010164	Đình Thị Trà My	Nữ	10/2/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 7,5	KN08: 10,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1026	1521402010120	Nguyễn Thị Mỹ	Nữ	02/09/1997	Hà Tĩnh	KN01: 6,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN06: 7,0	KN10: 6,5	7,0	Khá
1027	1521402020027	Nông Thị Ngọc Mỹ	Nữ	14/10/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN04: 9,5	KN05: 8,0	8,5	Giỏi
1028	1521402020128	Liêu Thế Mỹ	Nữ	11/03/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 8,5	8,5	Giỏi
1029	1524403010186	Đỗ Hồng Ngọc Mỹ	Nữ	03/09/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN06: 7,5	KN10: 7,0	7,5	Khá
1030	1621402170053	Phạm Thị Mỹ	Nữ	20/05/1997	Bình Định	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 6,5	KN08: 8,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
1031	1622202010128	Hứa Thuỳên Mỹ	Nữ	22/12/1998	Tp. Hồ Chí Minh	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1032	1521402010150	Huỳnh Thị Kim Na	Nữ	23/12/1997	Quảng Ngãi	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 9,0	KN06: 8,5	8,5	Giỏi
1033	1523801010182	Lê Thị Hồng Na	Nữ	23/03/1997	Quảng Trị	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN04: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 7,0	7,5	Khá
1034	1623401010143	Nguyễn Thị Na Na	Nữ	24/04/1998	Bình Định	KN02: 7,0	KN04: 7,5	KN06: 9,0	KN08: 6,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1035	1522202010023	Đặng Hoài Nam	Nam	23/01/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN05: 9,0	KN06: 8,5	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
1036	1522202010073	Bồ Thị Nhật Nam	Nữ	14/09/1996	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 7,5	KN05: 9,5	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
1037	1523402010038	Nguyễn Hoàng Nam	Nam	06/09/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
1038	1523801010013	Hồ Trọng Hoài Nam	Nam	02/06/1997	Nghệ An	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN06: 8,5	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
1039	1523801010076	Phan Thành Nam	Nam	15/04/1997	Bình Phước	KN01: 8,5	KN02: 10,0	KN03: 8,5	KN06: 9,5	KN08: 9,0	9,0	Xuất sắc
1040	1523801010083	Phạm Khắc Nam	Nam	18/10/1996	Đồng Nai	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN04: 9,5	KN06: 7,5	8,5	Giỏi
1041	1525202010048	Đặng Thanh Nam	Nam	11/08/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 8,5	KN04: 8,0	KN06: 6,5	7,5	Khá
1042	1623401010340	Đỗ Trường Nam	Nam	18/2/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 10,0	KN05: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 6,0	8,0	Giỏi
1043	1623403010151	Lê Doãn Nam	Nam	17/01/1998	Kiên Giang	KN02: 7,5	KN04: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
1044	1624401120076	Nguyễn Hoàn Nam	Nam	24/07/1998	Tp. Hồ Chí Minh	KN02: 6,5	KN05: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1045	1522202010176	Nguyễn Thị Lệ Ni	Nữ	20/06/1997	Quảng Ngãi	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN03: 7,0	KN05: 7,5	KN06: 7,0	7,5	Khá
1046	1522202040092	Phan Thị Mi Ni	Nữ	08/05/1997	Quảng Nam	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 7,5	KN04: 8,0	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
1047	1621402020157	Lê Thị Ni	Nữ	16/08/1996	Quảng Trị	KN02: 7,0	KN05: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
1048	1522202010136	Lê Thị Ninh	Nữ	11/08/1997	Thái Bình	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN03: 10,0	KN08: 9,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
1049	1522202010169	Đỗ An Ninh	Nữ	29/01/1997	Lâm Đồng	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 7,0	KN05: 6,5	KN06: 8,0	7,5	Khá
1050	1523801010264	Lê Khắc Ninh	Nam	12/04/1996	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN06: 6,0	KN08: 6,5	KN10: 9,5	7,5	Khá
1051	1621402020158	Âu Thị Tuyết Ninh	Nữ	12/02/1998	Bình Định	KN02: 8,5	KN05: 9,0	KN08: 9,0	KN09: 9,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
1052	1623801010218	Tống Thị Thảo Ninh	Nữ	04/05/1998	Bình Phước	KN02: 7,0	KN05: 9,5	KN06: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
1053	1521402010017	Nguyễn Thị Ngọc Nữ	Nữ	01/10/1996	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN06: 7,0	KN08: 8,0	7,5	Khá
1054	1621402020159	Nguyễn Thị Ngọc Nữ	Nữ	27/07/1998	Bến Tre	KN02: 8,5	KN05: 9,0	KN08: 10,0	KN09: 9,0	KN10: 10,0	9,5	Xuất sắc
1055	1522202040053	Trần Thị Kim Nương	Nữ	29/05/1996	Hồ Chí Minh	KN01: 8,0	KN03: 7,0	KN04: 9,0	KN05: 8,0	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
1056	1521402010033	Đoàn Thị Thúy Nga	Nữ	15/10/1995	Hà Tĩnh	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 10,0	KN04: 8,0	KN05: 8,0	8,0	Giỏi
1057	1521402010152	Nguyễn Thị Thanh Nga	Nữ	19/05/1997	Nghệ An	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN05: 6,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
1058	1521402020004	Phạm Tuyết Nga	Nữ	10/03/1997	Bình Phước	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN04: 9,5	KN05: 8,0	KN07: 8,0	8,5	Giỏi
1059	1521402020149	Lê Thị Nga	Nữ	26/04/1997	Lâm Đồng	KN01: 9,0	KN02: 7,0	KN04: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
1060	1521402020187	Nguyễn Thị Nga	Nữ	13/10/1996	Hà Tĩnh	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN05: 7,0	KN06: 8,5	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
1061	1521402020209	Trần Thị Nga	Nữ	22/07/1995	Hải Dương	KN01: 6,5	KN02: 9,0	KN03: 7,0	KN05: 6,0	KN06: 8,0	7,5	Khá
1062	1521402170134	Cao Thị Thanh Nga	Nữ	13/10/1996	Quảng Ngãi	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 7,5	KN05: 8,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
1063	1522202010085	Lê Thị Hằng Nga	Nữ	02/12/1997	Đồng Nai	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 7,5	KN09: 8,5	8,0	Giỏi
1064	1522202010175	Lê Thị Bích Nga	Nữ	28/07/1997	Trà Vinh	KN01: 8,0	KN02: 6,5	KN03: 8,5	KN05: 7,0	KN09: 8,0	7,5	Khá
1065	1522202010224	Nguyễn Thị Nga	Nữ	04/01/1997	Thanh Hóa	KN01: 6,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
1066	1523401010221	Trần Thị Thanh Nga	Nữ	03/07/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 6,0	KN03: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 7,0	7,0	Khá

Am

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1067	1523402010079	Phạm Thị Nga	Nữ	26/04/1997	Nam Định	KN01: 6,5	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 7,0	KN07: 7,0	7,0	Khá
1068	1523403010173	Phạm Thanh Nga	Nữ	15/03/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN08: 9,5	KN09: 9,0	KN10: 8,5	9,0	Xuất sắc
1069	1523403010227	Đỗ Thúy Nga	Nữ	27/01/1997	Hà Nam	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 7,5	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
1070	1523801010219	Lê Thị Nga	Nữ	02/06/1997	Đăklăk	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN06: 8,5	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
1071	1523801010269	Nguyễn Thị Nga	Nữ	21/06/1997	Thanh Hóa	KN01: 6,5	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN05: 7,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
1072	1524403010021	Nguyễn Thị Hồng Nga	Nữ	30/11/1996	Bình Dương	KN01: 5,0	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
1073	1528501010029	Nguyễn Thị Phương Nga	Nữ	25/12/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
1074	1621402010121	Huỳnh Thị Hồng Nga	Nữ	16/06/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 10,0	KN06: 9,5	KN08: 9,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
1075	1621402010122	Nguyễn Thị Hằng Nga	Nữ	01/04/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN03: 10,0	KN08: 8,0	KN09: 9,5	KN10: 7,0	8,5	Giỏi
1076	1621402020161	Nguyễn Thị Nga	Nữ	13/08/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN06: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
1077	1621402020163	Nguyễn Thị Thanh Nga	Nữ	15/11/1998	Quảng Nam	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1078	1622202010133	Nguyễn Thị Phương Nga	Nữ	05/09/1997	Daklak	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN06: 5,0	KN08: 8,5	KN10: 8,0	7,5	Khá
1079	1623102050048	Nguyễn Thị Dương Nga	Nữ	26/09/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 6,5	KN08: 7,5	KN10: 9,5	7,5	Khá
1080	1623401010147	Phan Thị Thúy Nga	Nữ	16/04/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN07: 8,0	KN08: 8,5	KN09: 9,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1081	1623403010154	Trần Thị Nga	Nữ	05/01/1998	Gia Lai	KN02: 6,5	KN03: 7,0	KN07: 7,0	KN08: 10,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1082	1623801010221	Nguyễn Thị Huỳnh Nga	Nữ	21/10/1998	Bình Phước	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
1083	1623801010222	Nguyễn Thị Nga	Nữ	13/06/1996	Đăklăk	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1084	1624403010031	Nguyễn Kim Nga	Nữ	02/02/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
1085	1521402010166	Tạ Thị Tuyết Nga	Nữ	16/06/1997	Quảng Ngãi	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN03: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
1086	1621402010124	Vân Thị Thanh Ngân	Nữ	09/07/1998	Ninh Thuận	KN02: 8,5	KN03: 9,0	KN08: 7,0	KN09: 9,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1087	1521401010058	Trần Ngọc Kim Ngân	Nữ	21/03/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN05: 8,0	KN06: 8,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1088	1521402010142	Phan Thị Thúy Ngân	Nữ	18/12/1997	Tây Ninh	KN01: 6,0	KN02: 6,0	KN05: 7,0	KN06: 9,5	KN09: 8,5	7,5	Khá
1089	1521402020044	Lâm Thị Thu Ngân	Nữ	11/03/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 7,5	8,5	Giỏi
1090	1521402020073	Lý Kim Ngân	Nữ	01/03/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 8,5	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
1091	1521402020082	Nguyễn Lê Hồng Ngân	Nữ	29/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1092	1521402020101	Ngô Thị Ngọc Ngân	Nữ	02/01/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN04: 8,5	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
1093	1521402020174	Nguyễn Thị Ngọc Ngân	Nữ	15/08/1997	Sông Bé	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN04: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
1094	1521402020179	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	02/04/1997	Nam Định	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 7,5	KN07: 8,5	7,5	Khá
1095	1521402170103	Trần Thị Thanh Ngân	Nữ	30/09/1997	Ninh Thuận	KN01: 8,5	KN02: 7,5	KN03: 9,5	KN05: 6,5	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
1096	1522202010249	Mai Thị Ngọc Ngân	Nữ	18/07/1997	Đăklăk	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
1097	1523401010034	Trần Kim Ngân	Nữ	02/02/1996	Tây Ninh	KN01: 8,5	KN02: 8,5	KN03: 8,5	KN04: 7,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1098	1523401010099	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	Nữ	05/08/1997	Bến Tre	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN03: 7,5	KN04: 9,0	KN06: 9,0	8,5	Giỏi
1099	1523401010118	Trần Thị Kim Ngân	Nữ	10/04/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN06: 9,0	KN07: 8,0	8,5	Giỏi
1100	1523402010086	Phạm Thị Kim Ngân	Nữ	24/03/1997	Bình Dương	KN01: 6,5	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	KN07: 6,0	7,0	Khá
1101	1523403010005	Lê Thị Thanh Ngân	Nữ	17/10/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN07: 7,0	7,5	Khá
1102	1523403010094	Hoàng Thị Ngân	Nữ	24/10/1997	Bình Phước	KN01: 8,5	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 7,0	KN07: 7,0	7,5	Khá
1103	1523403010205	Phan Thị Ngân	Nữ	04/02/1997	Nghệ An	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN07: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1104	1523403010212	Trương Kim Ngân	Nữ	29/04/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN04: 7,5	KN06: 8,5	8,5	Giỏi
1105	1523801010038	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	25/06/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 8,0	7,5	Khá
1106	1523801010106	Đinh Thị Hồng Ngân	Nữ	23/08/1997	Ninh Bình	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 10,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
1107	1523801010115	Huỳnh Thị Kim Ngân	Nữ	24/02/1996	Bình Định	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
1108	1523801010142	Nguyễn Lê Kim Ngân	Nữ	18/08/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN03: 10,0	KN05: 6,0	KN06: 6,5	7,5	Khá
1109	1524401120022	Phan Kim Ngân	Nữ	15/10/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,5	KN05: 6,0	KN08: 7,0	KN10: 7,5	7,0	Khá
1110	1524403010035	Lê Phương Ngân	Nữ	28/04/1997	Bình Dương	KN01: 6,0	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 9,0	8,0	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1111	1524403010056	Bùi Thị Kim Ngân	Nữ	06/08/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
1112	1525106010045	Huỳnh Ngọc Kim Ngân	Nữ	16/07/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN06: 9,0	KN07: 7,5	8,0	Giỏi
1113	1525106010050	Nguyễn Thị Thanh Ngân	Nữ	08/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN06: 9,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1114	1525202010107	Nguyễn Hải Ngân	Nam	20/10/1997	Lâm Đồng	KN01: 7,0	KN02: 9,5	KN04: 7,5	KN05: 8,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
1115	1528501010100	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	Nữ	30/03/1997	Tây Ninh	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1116	1621402010125	Lê Hồng Thanh Ngân	Nữ	28/09/1998	Tp. Hồ Chí Minh	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
1117	1621402020165	Giang Bảo Ngân	Nữ	21/03/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 7,5	KN08: 10,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1118	1621402020166	Lê Thị Thu Ngân	Nữ	11/01/1998	Bình Dương	KN02: 6,5	KN05: 8,0	KN06: 7,5	KN08: 10,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1119	1621402020167	Nguyễn Ngọc Bảo Ngân	Nữ	23/07/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1120	1621402020168	Nguyễn Phan Ngọc Ngân	Nữ	29/05/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1121	1621402020169	Nguyễn Thị Hồng Ngân	Nữ	19/03/1998	Quảng Ngãi	KN02: 8,5	KN05: 7,5	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 5,5	8,0	Giỏi
1122	1621402020170	Võ Thị Kim Ngân	Nữ	19/09/1998	Đồng Nai	KN02: 8,0	KN05: 6,5	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
1123	1621402170056	Trần Thị Kim Ngân	Nữ	06/09/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 5,0	KN08: 7,0	KN09: 9,0	KN10: 9,0	7,5	Khá
1124	1622202010135	Lê Thị Thanh Ngân	Nữ	08/11/1998	Lâm Đồng	KN02: 7,0	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN09: 10,0	KN10: 6,0	8,0	Giỏi
1125	1622202010140	Phạm Thị Kim Ngân	Nữ	26/10/1998	Tp. Hồ Chí Minh	KN02: 7,0	KN07: 8,0	KN08: 8,5	KN09: 9,5	KN10: 6,5	8,0	Giỏi
1126	1622202040040	Đỗ Phạm Kim Ngân	Nữ	06/12/1998	Tp. HCM	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 7,5	KN08: 7,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1127	1623102050049	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	15/07/1997	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 6,0	KN06: 7,0	KN08: 7,5	KN10: 10,0	7,5	Khá
1128	1623402010096	Trần Hoàng Kim Ngân	Nữ	04/12/1998	Cần Thơ	KN02: 7,0	KN03: 8,5	KN06: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1129	1623402010097	Trần Thị Kim Ngân	Nữ	24/11/1998	Tp. Hồ Chí Minh	KN02: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1130	1623801010225	Dương Thị Ngân	Nữ	06/03/1998	Cà Mau	KN02: 8,0	KN04: 9,0	KN06: 7,5	KN08: 9,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
1131	1623801010226	Nguyễn Thị Thanh Ngân	Nữ	30/05/1997	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 8,5	KN08: 8,5	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
1132	1623801010228	Phạm Thị Ngân	Nữ	20/02/1997	Nam Định	KN02: 7,0	KN04: 9,0	KN08: 8,5	KN09: 9,5	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
1133	1623801010229	Trần Thị Kim Ngân	Nữ	21/03/1998	Đắk Lắk	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN08: 8,5	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
1134	1624401120078	Nguyễn Huỳnh Kim Ngân	Nữ	09/07/1997	Đồng Nai	KN02: 7,0	KN06: 6,5	KN07: 7,5	KN08: 9,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
1135	1624401120079	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	13/05/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 6,5	KN07: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 8,5	7,5	Khá
1136	1522202010127	Phan Thảo Nghi	Nữ	03/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
1137	1523401010024	Nguyễn Đỗ Minh Nghi	Nữ	19/02/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN07: 7,0	KN09: 10,0	8,5	Giỏi
1138	1523401010094	Đỗ Phương Nghi	Nữ	07/07/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN05: 8,0	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
1139	1523403010074	Võ Thị Tuyết Nghi	Nữ	02/06/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN04: 7,0	KN06: 7,5	7,5	Khá
1140	1523801010304	Trương Minh Phương Nghi	Nữ	29/06/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
1141	1621402020171	Phan Châu Mẫn Nghi	Nữ	07/10/1998	Lâm Đồng	KN02: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 7,0	KN09: 7,5	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
1142	1525202010005	Mai Văn Nghĩa	Nam	15/08/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN04: 8,5	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
1143	1525202010119	Lê Trọng Nghĩa	Nam	20/06/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 9,5	KN03: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 8,0	8,5	Giỏi
1144	1623402010100	Trần Huỳnh Nhân Nghĩa	Nam	23/01/1998	Đồng Nai	KN02: 7,5	KN06: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 6,0	7,5	Khá
1145	1624403010036	Lương Hữu Nghĩa	Nam	03/02/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 6,0	8,0	Giỏi
1146	1521401010049	Nguyễn Thị Kim Ngọc	Nữ	26/01/1997	Bến Tre	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN04: 8,5	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
1147	1521401010068	Đoàn Thị Hồng Ngọc	Nữ	22/03/1997	Hà Tĩnh	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN10: 6,5	7,5	Khá
1148	1521402010057	Lê Thị Ngọc	Nữ	16/08/1996	Thanh Hóa	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN04: 7,0	KN05: 9,5	KN08: 7,0	8,0	Giỏi
1149	1521402010168	Nguyễn Thị Mộng Ngọc	Nữ	10/01/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN04: 9,5	KN05: 7,0	KN07: 7,5	8,0	Giỏi
1150	1521402010171	Lê Thị Ngọc	Nữ	16/02/1997	Thừa Thiên Huế	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 7,5	7,5	Khá
1151	1521402020116	Lê Thị Ngọc	Nữ	15/07/1997	Vĩnh Phúc	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN07: 7,5	8,0	Giỏi
1152	1521402170183	Trần Thị Hồng Ngọc	Nữ	26/01/1997	Tây Ninh	KN01: 8,5	KN02: 7,5	KN03: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 6,0	7,5	Khá
1153	1521402180067	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	27/02/1996	Bình Thuận	KN01: 8,0	KN02: 6,5	KN03: 8,0	KN08: 9,0	KN09: 9,0	8,0	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1154	1522202010074	Hoàng Thị Hồng Ngọc	Nữ	08/03/1997	Bình Dương	KN01: 6,5	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN06: 8,5	KN08: 7,0	7,5	Khá
1155	1522202010090	Phạm Thảo Ngọc	Nữ	10/06/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,5	KN03: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 8,5	8,5	Giỏi
1156	1522202010106	Trần Thái Như Ngọc	Nữ	26/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 8,5	KN09: 8,5	8,0	Giỏi
1157	1522202040069	Phạm Thị Ngọc	Nữ	22/05/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 6,5	7,5	Khá
1158	1523401010133	Phan Hồng Ngọc	Nữ	27/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN08: 7,5	KN09: 8,5	8,0	Giỏi
1159	1523401010220	Nguyễn Thị Thái Ngọc	Nữ	02/09/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN07: 7,0	8,0	Giỏi
1160	1523402010027	Bùi Thị Minh Ngọc	Nữ	26/02/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN04: 8,5	KN06: 8,5	KN07: 7,5	8,5	Giỏi
1161	1523402010147	Lê Thị Phú Ngọc	Nữ	16/09/1997	Quảng Ngãi	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN04: 8,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
1162	1523403010007	Thái Thị Ngọc	Nữ	10/10/1995	An Giang	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 6,0	KN06: 7,5	7,5	Khá
1163	1523403010048	Trần Anh Hoàng Ngọc	Nữ	22/12/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN06: 8,5	KN07: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1164	1523403010068	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	27/02/1997	Thái Bình	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 8,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1165	1523403010131	Võ Thị Hồng Ngọc	Nữ	03/02/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN07: 7,0	KN10: 7,0	7,5	Khá
1166	1523403010174	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	04/01/1997	Quảng Bình	KN01: 8,0	KN02: 6,5	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 8,5	7,5	Khá
1167	1523403010220	Trần Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	07/06/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
1168	1523403010230	Hồ Thị Hồng Ngọc	Nữ	05/04/1997	Thanh Hóa	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
1169	1523801010100	Nguyễn Thảo Ngọc	Nữ	06/03/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN04: 8,5	KN06: 9,5	8,5	Giỏi
1170	1523801010358	Hứa Thị Ngọc	Nữ	07/12/1995	Đaklak	KN01: 6,5	KN02: 7,0	KN03: 8,5	KN06: 10,0	KN08: 7,5	8,0	Giỏi
1171	1524401120113	Trần Thị Yến Ngọc	Nữ	03/01/1996	Tp. HCM	KN01: 8,0	KN02: 6,0	KN03: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
1172	1524403010128	Trần Bảo Ngọc	Nữ	08/05/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 6,0	KN03: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 9,0	7,5	Khá
1173	1525106010039	Nguyễn Thị Như Ngọc	Nữ	21/06/1997	Trà Vinh	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
1174	1528501010053	Lê Trần Bích Ngọc	Nữ	03/10/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 9,5	KN05: 8,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
1175	1621402010129	Lương Thị Như Ngọc	Nữ	19/05/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN06: 9,5	KN08: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
1176	1621402010133	Phan Lam Ngọc	Nữ	01/05/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN03: 10,0	KN06: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 10,0	9,5	Xuất sắc
1177	1621402010134	Võ Phương Ngọc	Nữ	25/11/1996	Bình Dương	KN02: 8,0	KN03: 10,0	KN06: 9,5	KN08: 9,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
1178	1621402020177	Lê Như Ngọc	Nữ	10/04/1998	Lâm Đồng	KN02: 8,5	KN05: 6,5	KN06: 8,5	KN08: 10,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1179	1621402020178	Lê Thị Hồng Ngọc	Nữ	27/07/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN05: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
1180	1621402020179	Nguyễn Thái Ngọc	Nữ	30/11/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
1181	1621402020181	Trần Hà Bích Ngọc	Nữ	10/03/1998	Đaklak	KN02: 8,0	KN05: 6,5	KN08: 9,0	KN09: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1182	1622202010148	Võ Thị Kim Ngọc	Nữ	24/06/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 8,5	KN09: 9,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
1183	1623403010158	Hồ Hồng Ngọc	Nữ	23/05/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN04: 7,5	KN06: 7,5	KN08: 10,0	KN10: 6,0	8,0	Giỏi
1184	1623403010160	Nguyễn Hồng Ngọc	Nữ	20/02/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN04: 7,5	KN05: 6,0	KN08: 8,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
1185	1623403010161	Nguyễn Thái Ngọc	Nữ	27/10/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN04: 9,0	KN06: 7,0	KN08: 10,0	KN10: 6,5	8,0	Giỏi
1186	1623403010162	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	23/09/1998	Nam Định	KN02: 7,0	KN05: 7,5	KN06: 7,0	KN08: 9,0	KN10: 6,5	7,5	Khá
1187	1625106010078	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	05/01/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN04: 8,5	KN06: 7,0	KN08: 8,5	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
1188	1521402020090	Nguyễn Thị Thảo Nguyễn	Nữ	01/01/1994	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN04: 8,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
1189	1521402020188	Lê Thị Cao Nguyễn	Nữ	07/12/1997	Đắk Lắk	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
1190	1521402170154	Nguyễn Thị Thanh Nguyễn	Nữ	05/09/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 7,0	KN05: 8,5	KN06: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1191	1522202010050	Lê Thị Mỹ Nguyễn	Nữ	10/03/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 7,5	KN04: 7,5	KN06: 8,5	KN07: 7,5	8,0	Giỏi
1192	1522202010208	Huỳnh Nguyễn Thanh Nguyễn	Nam	12/08/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN05: 8,5	KN06: 6,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1193	1523401010111	Nguyễn Thị Kim Nguyễn	Nữ	12/10/1997	Ninh Thuận	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN08: 8,5	KN09: 8,5	8,5	Giỏi
1194	1523403010009	Phan Kim Nguyễn	Nữ	05/12/1996	Cà Mau	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN04: 8,5	KN05: 8,0	KN06: 9,0	8,5	Giỏi
1195	1523403010045	Huỳnh Châu Thảo Nguyễn	Nữ	02/08/1997	Bình Dương	KN01: 6,0	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 10,0	8,0	Giỏi
1196	1523403010073	Ngô Thị Tú Nguyễn	Nữ	15/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 7,5	KN06: 9,0	KN08: 8,0	8,0	Giỏi

Ar

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1197	1523403010086	Nguyễn Thị Kim Nguyễn	Nữ	04/10/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 7,5	7,5	Khá
1198	1621402010136	Nguyễn Thị Thảo Nguyễn	Nữ	22/07/1998	Bình Định	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
1199	1621402020183	Nguyễn Trần Thảo Nguyễn	Nữ	22/04/1998	Lâm Đồng	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 8,5	KN08: 8,0	KN10: 7,5	8,0	Giỏi
1200	1623403010167	Nguyễn Thị Nguyễn	Nữ	03/02/1998	Gia Lai	KN02: 7,5	KN04: 9,5	KN06: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1201	1625106010082	Đỗ Bích Nguyễn	Nữ	15/09/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN06: 7,5	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 6,0	8,0	Giỏi
1202	1623102050054	Nguyễn Như Nguyễn	Nữ	19/09/1997	Bình Dương	KN02: 9,0	KN07: 7,0	KN08: 8,0	KN09: 10,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
1203	1423801010129	Lô Thị Nguyệt	Nữ	21/03/1996	Đắk Lắk	KN01: 8,5	KN02: 8,5	KN03: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	9,0	Xuất sắc
1204	1521402010044	Trần Thị Thu Nguyệt	Nữ	10/06/1996	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	7,5	Khá
1205	1521402020157	Đinh Thị Minh Nguyệt	Nữ	06/09/1996	Đồng Nai	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN04: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
1206	1523402010138	Võ Thị Nguyệt	Nữ	28/05/1997	Nghệ An	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 9,0	KN07: 7,0	8,0	Giỏi
1207	1523403010201	Phan Thị Nguyệt	Nữ	08/10/1997	Hà Tĩnh	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN05: 8,5	KN06: 9,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
1208	1524403010003	Phạm Thị Ánh Nguyệt	Nữ	09/07/1996	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1209	1621402010139	Vũ Thị Ánh Nguyệt	Nữ	14/11/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN08: 8,5	KN09: 10,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
1210	1621402020184	Phan Minh Nguyệt	Nữ	03/02/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN06: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
1211	1623402010106	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Nữ	01/05/1998	Bình Phước	KN02: 7,0	KN06: 10,0	KN08: 9,5	KN09: 8,5	KN10: 7,5	8,5	Giỏi
1212	1624401120085	Trần Thị Liễu Ngu	Nữ	19/05/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
1213	1523401010199	Lê Thị Thanh Nhã	Nữ	18/03/1997	Lâm Đồng	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 6,5	KN05: 7,0	KN06: 8,0	7,5	Khá
1214	1522202010160	Vương Thanh Nhân	Nữ	02/12/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 8,5	KN03: 8,5	KN05: 7,0	KN06: 9,0	8,5	Giỏi
1215	1523801010172	Nguyễn Thị Kim Nhân	Nữ	17/06/1997	Bình Định	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN06: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1216	1621402010140	Lê Thị Thanh Nhân	Nữ	15/04/1996	Bình Dương	KN02: 9,0	KN03: 10,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 9,5	9,5	Xuất sắc
1217	1621402020186	Lê Thanh Nhân	Nam	25/10/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 7,0	KN08: 8,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
1218	1621402170058	Vũ Thị Nhân	Nữ	15/09/1998	Bình Phước	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1219	1623801010238	Lê Mỹ Nhân	Nữ	25/08/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 6,5	7,5	Khá
1220	1625202010165	Trương Văn Nhân	Nam	16/12/1998	Bình Định	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN08: 7,5	KN09: 9,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
1221	1628501010067	Lê Thanh Nhân	Nữ	26/07/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN05: 7,5	KN06: 7,0	KN08: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1222	1521402020172	Võ Thị Hồng Nhân	Nữ	06/04/1995	Quảng Trị	KN01: 8,5	KN02: 8,5	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 8,5	8,5	Giỏi
1223	1523801010072	Trần Minh Nhân	Nam	14/08/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
1224	1523801010130	Nguyễn Thành Nhân	Nam	02/08/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN08: 9,0	KN09: 8,0	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
1225	1524801030026	Phùng Thành Nhân	Nam	18/05/1997	Tp Hồ Chí Minh	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN07: 8,0	KN09: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1226	1524801040057	Đỗ Trí Nhân	Nam	21/03/1996	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 6,0	KN04: 7,5	KN06: 10,0	KN09: 8,0	8,0	Giỏi
1227	1524801040067	Nguyễn Trung Nhân	Nam	28/06/1997	Đồng Nai	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
1228	1525202010012	Hồ Hữu Nhân	Nam	05/06/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN06: 7,0	KN08: 10,0	8,0	Giỏi
1229	1623102050056	Nguyễn Trần Hiền Nhân	Nữ	17/01/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 7,5	KN08: 7,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
1230	1523801010111	Lê Thị Bạch Nhật	Nữ	04/11/1996	Đăklắk	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN09: 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1231	1524403010062	Nguyễn Thị Minh Nhật	Nữ	05/12/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN05: 5,5	KN06: 8,5	KN07: 7,5	7,5	Khá
1232	1623801010444	Trịnh Quang Nhật	Nam	29/9/1997	Quảng Bình	KN02: 7,5	KN06: 7,0	KN07: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1233	1521401010059	Bùi Thị Yến Nhi	Nữ	27/05/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1234	1521402010066	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	08/08/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 10,0	KN03: 8,5	KN05: 9,0	KN06: 8,5	9,0	Xuất sắc
1235	1521402010075	Trần Huyền Thảo Nhi	Nữ	30/05/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN04: 7,5	KN05: 9,0	KN08: 7,5	8,0	Giỏi
1236	1521402010110	Nguyễn Lê Tuyết Nhi	Nữ	11/02/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 6,5	KN03: 7,5	KN04: 8,5	KN06: 7,5	7,5	Khá
1237	1521402020005	Dương Thị Thủy Nhi	Nữ	19/01/1997	Bà Rịa -Vũng Tàu	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN04: 7,0	KN05: 8,5	7,5	Khá
1238	1521402020020	Trương Thị Yến Nhi	Nữ	04/02/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN05: 8,0	KN07: 8,5	8,5	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1239	1521402020042	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	23/07/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN07: 9,0	KN09: 8,0	8,0	Giỏi
1240	1521402020125	Nguyễn Ngọc Linh Nhi	Nữ	05/05/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN04: 9,0	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
1241	1521402020127	Thi Ý Nhi	Nữ	06/04/1996	Tây Ninh	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
1242	1521402020220	Trần Lệ Nhi	Nữ	10/07/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN03: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
1243	1521402020238	Trần Thị Bích Nhi	Nữ	12/06/1997	Lâm Đồng	KN01: 9,0	KN02: 8,5	KN04: 7,5	KN05: 6,0	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
1244	1522202010049	Phạm Hồng Nhi	Nữ	06/02/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,5	KN03: 8,0	KN06: 7,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1245	1522202010137	Đặng Thị Ngọc Nhi	Nữ	11/10/1997	Long An	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN03: 9,0	KN05: 8,5	KN09: 7,5	8,0	Giỏi
1246	1522202010167	Lê Hoàng Yến Nhi	Nữ	24/09/1997	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 7,5	8,0	Giỏi
1247	1522202040046	Phạm Thị Bửu Nhi	Nữ	21/07/1997	Tp. Hồ Chí Minh	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN05: 9,0	KN06: 8,0	8,5	Giỏi
1248	1522202040052	Trần Thụy Yến Nhi	Nữ	14/01/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN04: 10,0	KN06: 8,0	9,0	Xuất sắc
1249	1522202040059	Trần Ngọc Yến Nhi	Nữ	29/09/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN04: 9,5	KN06: 8,0	8,5	Giỏi
1250	1522202040090	Đặng Thị Yến Nhi	Nữ	29/09/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 7,5	KN03: 8,5	KN04: 8,0	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
1251	1523401010081	Nguyễn Bình Phương Nhi	Nữ	31/08/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN07: 8,0	KN09: 9,0	KN10: 6,5	8,0	Giỏi
1252	1523401010117	Lâm Tuyết Nhi	Nữ	28/09/1997	Bình Phước	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN06: 9,5	KN07: 8,0	8,5	Giỏi
1253	1523402010034	Đoàn Thị Tuyết Nhi	Nữ	20/02/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 9,5	KN06: 7,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1254	1523402010073	Nguyễn Hoàng Nhi	Nữ	05/01/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 6,5	KN03: 9,0	KN07: 7,0	KN08: 6,5	7,0	Khá
1255	1523403010002	Trần Ngô Yến Nhi	Nữ	05/04/1996	Tây Ninh	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 8,0	KN07: 7,5	7,5	Khá
1256	1523403010016	Lê Thị Ngọc Nhi	Nữ	17/05/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN04: 10,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
1257	1523403010172	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	Nữ	22/06/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN08: 8,5	KN09: 8,5	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
1258	1523403010207	Mạc Thị Yến Nhi	Nữ	03/09/1997	Tiền Giang	KN01: 8,5	KN02: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 7,0	KN10: 6,0	8,0	Giỏi
1259	1523801010112	Trần Ngọc Tuyết Nhi	Nữ	23/05/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 9,5	KN04: 7,0	KN05: 8,0	8,0	Giỏi
1260	1523801010127	Nguyễn Huỳnh Gia Nhi	Nữ	03/12/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN03: 10,0	KN05: 9,0	KN06: 7,0	9,0	Xuất sắc
1261	1523801010180	Phùng Xuân Nhi	Nữ	21/10/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN04: 7,5	KN05: 7,0	8,0	Giỏi
1262	1524401120008	Võ Đức Nhi	Nữ	05/11/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 7,5	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
1263	1524403010063	Trần Khả Nhi	Nữ	15/07/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
1264	1524403010194	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	30/12/1997	Long An	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 7,5	7,5	Khá
1265	1528501010018	Phạm Thị Yến Nhi	Nữ	15/11/1995	Sông Bé	KN01: 8,5	KN02: 7,0	KN03: 8,5	KN05: 7,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
1266	1528501010027	Đặng Thị Tuyết Nhi	Nữ	17/11/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 9,0	KN07: 8,0	7,5	Khá
1267	1621402010142	Nguyễn Yến Nhi	Nữ	30/07/1997	Long An	KN02: 8,0	KN03: 10,0	KN08: 10,0	KN09: 10,0	KN10: 8,5	9,5	Xuất sắc
1268	1621402010143	Phạm Thị Yến Nhi	Nữ	18/12/1997	Bình Dương	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN08: 9,0	KN09: 10,0	KN10: 7,5	8,5	Giỏi
1269	1621402020190	Bạch Thị Yến Nhi	Nữ	20/10/1998	Lâm Đồng	KN02: 7,5	KN05: 8,5	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1270	1621402020196	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	07/05/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 7,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
1271	1621402170060	Huỳnh Hoàng Mai Nhi	Nữ	12/09/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 8,5	KN08: 8,0	KN09: 7,5	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
1272	1621402180039	Nguyễn Ngọc Nhi	Nữ	01/11/1998	Bình Dương	KN02: 6,0	KN05: 9,0	KN06: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
1273	1622202040048	Trương Thị Yến Nhi	Nữ	22/05/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN03: 8,5	KN07: 7,5	KN08: 9,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1274	1622202040092	Lương Thị Yến Nhi	Nữ	28/3/1998	Đồng Nai	KN02: 7,0	KN03: 9,5	KN05: 8,5	KN08: 8,5	KN10: 7,5	8,0	Giỏi
1275	1623102050057	Đặng Thị Thúy Nhi	Nữ	12/12/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 6,0	KN06: 5,5	KN08: 7,5	KN10: 8,5	7,0	Khá
1276	1623401010167	Nguyễn Huỳnh Trúc Nhi	Nữ	04/11/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN05: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1277	1623401010384	Hà Kiều Nhi	Nữ	05/03/1998	Daklak	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 6,0	7,5	Khá
1278	1623402010109	Nguyễn Tuyết Nhi	Nữ	19/08/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 8,5	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1279	1623402010113	Phạm Thị Yến Nhi	Nữ	01/07/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN03: 9,0	KN08: 9,5	KN09: 9,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
1280	1623403010172	Huỳnh Thị Yến Nhi	Nữ	23/07/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN05: 7,5	KN06: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1281	1623403010174	Lưu Ngọc Nhi	Nữ	06/03/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 5,0	KN06: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 6,5	7,0	Khá
1282	1623403010177	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	21/07/1998	Tp. Hồ Chí Minh	KN02: 7,5	KN04: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1283	1623403010179	Tăng Tiểu Nhi	Nữ	02/06/1998	Ninh Thuận	KN02: 9,0	KN07: 7,0	KN08: 7,5	KN09: 7,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1284	1625106010087	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	Nữ	28/07/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN04: 9,5	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 7,0	8,5	Giỏi
1285	1625106010180	Trần Nguyễn Ái Nhi	Nữ	25/10/1998	Bình Định	KN02: 9,0	KN05: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
1286	1628501010072	Nguyễn Yến Nhi	Nữ	11/09/1998	Cà Mau	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1287	1628501010073	Võ Hiếu Nhi	Nữ	17/10/1998	Vĩnh Long	KN02: 6,0	KN06: 10,0	KN07: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1288	1521402010058	Nguyễn Thị Hồng Nhị	Nữ	26/05/1996	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 8,5	KN04: 7,0	KN05: 8,0	KN08: 7,0	8,0	Giỏi
1289	1522202040068	Trần Thị Xuân Nhị	Nữ	25/03/1996	Quảng Ngãi	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	8,5	Giỏi
1290	1625202010172	Tô Hồng Nhị	Nam	27/05/1998	Bình Định	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN06: 6,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1291	1525106010090	Nguyễn Nữ Thuận Nhiên	Nữ	07/02/1997	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN05: 5,0	KN06: 8,0	7,5	Khá
1292	1621402020200	Châu Thị Kim Nho	Nữ	16/08/1998	Ninh Thuận	KN02: 6,0	KN05: 8,0	KN07: 7,0	KN08: 7,0	KN10: 6,0	7,0	Khá
1293	1523403010109	Nguyễn Thị Hồng Nhu	Nữ	02/03/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,5	KN04: 7,5	KN06: 8,0	KN10: 7,0	7,5	Khá
1294	1522202010114	Võ Hoàng Nhuận	Nữ	08/12/1997	Bình Định	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN08: 10,0	KN09: 9,5	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
1295	1521402010001	Phan Thị Thu Nhung	Nữ	07/10/1997	Bến Tre	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
1296	1521402010003	Trương Thị Hoài Nhung	Nữ	10/05/1997	Thừa Thiên Huế	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
1297	1521402020028	Lê Hồng Nhung	Nữ	04/11/1997	1521402020028	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN03: 7,5	KN04: 10,0	KN05: 9,0	9,0	Xuất sắc
1298	1521402020029	Doãn Thị Nhung	Nữ	20/12/1996	Cà Mau	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
1299	1521402020102	Nguyễn Phạm Tuyết Nhung	Nữ	04/05/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
1300	1521402020229	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	Nữ	26/08/1997	Gia Lai	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 9,0	KN07: 7,5	8,0	Giỏi
1301	1521402020245	Dương Thị Tuyết Nhung	Nữ	01/02/1997	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN05: 6,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
1302	1521402170100	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	06/01/1997	Hà Tĩnh	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 9,5	KN04: 9,5	KN06: 5,5	8,0	Giỏi
1303	1521402180048	Trần Hoàng Nhung	Nữ	05/10/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN08: 9,0	KN09: 9,5	8,5	Giỏi
1304	1522202010200	Bùi Thị Hoàn Nhung	Nữ	09/04/1997	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
1305	1522202040038	Trần Thị Phương Nhung	Nữ	17/06/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 10,0	KN03: 9,0	KN04: 9,0	KN06: 9,0	9,0	Xuất sắc
1306	1522202040093	Võ Thị Tuyết Nhung	Nữ	17/09/1997	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 7,5	KN06: 8,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1307	1523401010067	Đặng Thị Hồng Nhung	Nữ	03/07/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN05: 8,0	KN06: 10,0	8,5	Giỏi
1308	1523402010102	Lưu Tuyết Nhung	Nữ	16/10/1997	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN06: 7,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1309	1523403010152	Hồ Thị Nhung	Nữ	23/04/1997	Thanh Hóa	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN07: 7,5	KN09: 8,0	8,0	Giỏi
1310	1523801010017	Nguyễn Thị Quỳnh Nhung	Nữ	21/10/1997	Bình Phước	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 9,0	7,5	Khá
1311	1523801010206	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	26/11/1997	Tây Ninh	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 7,5	KN05: 7,5	KN06: 8,0	7,5	Khá
1312	1524401120027	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Nữ	05/11/1997	Bình Dương	KN01: 6,5	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 7,5	7,5	Khá
1313	1524401120054	Nguyễn Thị Mỹ Nhung	Nữ	22/01/1997	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN06: 7,0	KN08: 10,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
1314	1524401120078	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	03/11/1997	Tp. Hồ Chí Minh	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN05: 7,5	KN08: 8,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
1315	1621402010147	Nguyễn Thị Ánh Nhung	Nữ	16/07/1998	Tiền Giang	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN06: 7,5	KN08: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1316	1621402010148	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	26/10/1997	Bình Dương	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
1317	1621402010149	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	19/02/1998	Bình Dương	KN02: 6,0	KN03: 9,0	KN06: 7,5	KN08: 10,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1318	1621402020205	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	17/05/1998	Đắklak	KN02: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
1319	1621402020210	Thị Nhung	Nữ	14/02/1998	Bình Phước	KN02: 6,0	KN03: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1320	1621402020211	Trần Thị Cẩm Nhung	Nữ	11/12/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN08: 9,0	KN09: 8,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
1321	1621402020212	Võ Hồng Nhung	Nữ	16/07/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN05: 7,0	KN06: 10,0	KN08: 9,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
1322	1622202010158	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	17/09/1998	Kiên Giang	KN02: 7,0	KN03: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
1323	1622202010159	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	03/09/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN06: 6,0	KN08: 8,5	KN09: 9,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1324	1622202010161	Trần Thị Mỹ Nhung	Nữ	11/03/1998	Ninh Thuận	KN02: 9,0	KN07: 7,0	KN08: 8,5	KN09: 7,0	KN10: 8,5	8,0	Giỏi

*AP*

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1325	1623401010176	Lê Thị Hồng Nhung	Nữ	07/02/1998	Kiên Giang	KN02: 7,0	KN05: 6,5	KN06: 8,5	KN08: 10,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1326	1623401010177	Nguyễn Thị Kim Nhung	Nữ	20/03/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN06: 8,5	KN08: 8,5	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
1327	1623402010117	Trần Thị Hồng Nhung	Nữ	01/01/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 10,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
1328	1623402010216	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	21/10/1998	Lâm Đồng	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1329	1623403010184	Nguyễn Cẩm Nhung	Nữ	15/11/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN04: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 7,0	KN10: 7,0	7,5	Khá
1330	1624601010067	Nguyễn Kim Nhung	Nữ	12/12/1998	Tây Ninh	KN02: 7,0	KN05: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1331	1628501010074	Nguyễn Tuyết Nhung	Nữ	17/10/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 7,5	KN07: 7,0	KN08: 8,5	KN10: 8,0	7,5	Khá
1332	1623401010351	Võ Kim Nhụy	Nữ	19/2/1998	Kiên Giang	KN02: 7,0	KN04: 7,5	KN06: 8,5	KN08: 7,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1333	1423801010294	Ngô Thị Tố Như	Nữ	20/10/1996	Quảng Ngãi	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN04: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
1334	1521402010140	Võ Thị Huỳnh Như	Nữ	12/09/1997	Bến Tre	KN01: 7,0	KN02: 6,0	KN05: 8,0	KN06: 9,5	KN09: 9,0	8,0	Giỏi
1335	1521402010205	Nguyễn Thị Hoài Như	Nữ	26/04/1996	Bình Thuận	KN01: 8,0	KN02: 5,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	KN09: 9,0	8,0	Giỏi
1336	1521402020049	Nguyễn Thị Trúc Như	Nữ	21/09/1997	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN05: 8,5	KN06: 8,0	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
1337	1521402170166	Phạm Nguyễn Quỳnh Như	Nữ	23/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 10,0	KN06: 7,5	KN08: 9,0	8,5	Giỏi
1338	1521402180033	Nguyễn Phổ Như	Nữ	01/12/1997	Long An	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN07: 7,5	KN08: 8,5	KN09: 9,5	8,0	Giỏi
1339	1522202040042	Thái Huỳnh Như	Nữ	29/05/1997	Đồng Nai	KN01: 5,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN04: 9,0	KN06: 9,5	7,5	Khá
1340	1523401010128	Trần Huỳnh Như	Nữ	04/10/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1341	1523401010174	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Nữ	02/10/1997	Bình Định	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN04: 8,5	KN06: 8,5	KN08: 9,0	9,0	Xuất sắc
1342	1523402010030	Dương Nguyễn Ngọc Như	Nữ	12/09/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
1343	1523403010037	Huỳnh Thị Quỳnh Như	Nữ	19/07/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN03: 8,5	KN04: 9,5	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
1344	1523403010143	Hồ Võ Quỳnh Như	Nữ	17/07/1997	Tiền Giang	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN04: 7,5	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
1345	1523801010245	Ngô Gia Như	Nữ	04/08/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN06: 10,0	KN07: 7,5	8,5	Giỏi
1346	1523801010359	Lương Thị Như	Nữ	24/03/1994	Đắklak	KN01: 6,5	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 8,5	7,0	Khá
1347	1524401120063	Lê Thị Thùy Như	Nữ	09/09/1997	Long An	KN01: 8,5	KN02: 7,5	KN05: 6,0	KN06: 7,0	KN07: 8,0	7,5	Khá
1348	1524403010188	Đỗ Đoàn Khánh Như	Nữ	14/07/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 10,0	KN05: 9,0	KN06: 9,0	9,0	Xuất sắc
1349	1525106010034	Nguyễn Thị Huỳnh Như	Nữ	16/12/1995	Đồng Nai	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN06: 9,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1350	1621401010031	Nguyễn Phương Quỳnh Như	Nữ	18/10/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 8,0	KN10: 5,5	8,0	Giỏi
1351	1621402010152	Đặng Quỳnh Như	Nữ	27/07/1998	Bình Thuận	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN08: 8,5	KN09: 9,5	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
1352	1621402010153	Nguyễn Huỳnh Như	Nữ	24/12/1998	An Giang	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN08: 6,0	KN09: 9,5	KN10: 7,0	7,5	Khá
1353	1621402020213	Hồ Thị Ngọc Như	Nữ	17/10/1997	Ninh Thuận	KN02: 6,0	KN05: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 7,0	7,5	Khá
1354	1621402020214	Mai Thị Quỳnh Như	Nữ	22/12/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
1355	1621402170065	Lê Thị Ngọc Như	Nữ	17/12/1997	Đắklak	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
1356	1621402170066	Phạm Thị Quỳnh Như	Nữ	15/11/1998	Tp.Hcm	KN02: 8,0	KN04: 7,0	KN05: 9,0	KN08: 8,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1357	1623401010180	Nguyễn Lê Huỳnh Như	Nữ	15/01/1998	Đồng Nai	KN02: 7,5	KN05: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
1358	1623801010252	Ao Quỳnh Như	Nữ	20/03/1998	Tp. Hồ Chí Minh	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1359	1623801010253	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Nữ	08/04/1997	Phú Yên	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN06: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1360	1624401120093	Trần Thị Cẩm Như	Nữ	01/03/1998	Thừa Thiên Huế	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 6,0	8,0	Giỏi
1361	1624601010070	Nguyễn Thị Huỳnh Như	Nữ	31/07/1998	Cần Thơ	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
1362	1624601010134	Trần Ngọc Thanh Như	Nữ	21/12/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN07: 7,0	KN08: 10,0	KN09: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1363	1627601010034	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Nữ	15/10/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN06: 7,5	KN08: 7,5	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
1364	1628501010075	Ninh Huỳnh Như	Nữ	26/01/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 7,5	KN07: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
1365	1523403010085	Phùng Minh Nhựt	Nam	02/05/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 7,5	KN04: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
1366	1625106010098	Lữ Thái Nhựt	Nam	04/01/1998	Đồng Tháp	KN02: 8,5	KN04: 9,5	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 7,0	8,5	Giỏi
1367	1521402010025	Châu Yến Oanh	Nữ	16/12/1996	Ninh Thuận	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 10,0	KN05: 8,0	KN06: 7,5	8,5	Giỏi

Am



STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1368	1521402010038	Thạch Thị Kim Oanh	Nữ	15/09/1995	Dầu Tiếng	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
1369	1521402010162	Ngô Thị Ngọc Oanh	Nữ	01/12/1996	Bình Dương	KN01: 6,0	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 7,0	7,0	Khá
1370	1521402170013	Võ Thị Thùy Oanh	Nữ	20/09/1997	Đồng Nai	KN01: 9,0	KN02: 8,5	KN03: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	8,5	Giỏi
1371	1522202040033	Nguyễn Hoàng Oanh	Nữ	25/06/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN04: 7,5	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
1372	1523801010018	Trần Thị Tú Oanh	Nữ	16/11/1997	Nghệ An	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN06: 8,5	KN07: 7,0	8,0	Giỏi
1373	1524401120097	Dương Thị Kiều Oanh	Nữ	05/07/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN04: 8,5	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
1374	1525801020019	Phan Thị Kim Oanh	Nữ	31/12/1997	An Giang	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN07: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1375	1527601010073	Dương Lê Hoàng Oanh	Nữ	09/02/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
1376	1621402010157	Trần Thị Kiều Oanh	Nữ	07/11/1998	Gia Lai	KN02: 8,0	KN03: 10,0	KN06: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
1377	1621402020217	Lê Thị Kim Oanh	Nữ	02/01/1998	Thanh Hóa	KN02: 8,5	KN05: 7,5	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1378	1621402020218	Nguyễn Trần Phương Oanh	Nữ	16/12/1997	Tây Ninh	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 8,5	KN08: 7,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
1379	1623402010121	Bùi Thị Kiều Oanh	Nữ	09/05/1998	Phú Yên	KN02: 7,5	KN06: 9,0	KN08: 8,0	KN09: 9,0	KN10: 6,5	8,0	Giỏi
1380	1623801010255	Châu Ngọc Kiều Oanh	Nữ	10/02/1998	Bình Định	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 9,0	KN08: 7,0	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
1381	1623801010256	Trương Thị Lâm Oanh	Nữ	20/09/1998	Quảng Bình	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 7,5	KN08: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1382	1628501010076	Đoàn Thị Phương Oanh	Nữ	25/11/1998	Bình Phước	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 7,5	8,0	Giỏi
1383	1523401010029	Phan Sĩ Pen	Nam	11/05/1997	Tiền Giang	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN03: 10,0	KN06: 6,5	KN10: 7,0	7,5	Khá
1384	1521402010131	Lê Thị Châu Pha	Nữ	05/03/1997	Tp. HCM	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN04: 8,5	KN08: 7,0	KN09: 8,5	8,0	Giỏi
1385	1521402010210	Lê Thị Châu Pha	Nữ	26/04/1997	Long An	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 8,5	KN07: 7,0	7,5	Khá
1386	1523801010336	Lê Xuân Phát	Nam	23/04/1997	Dầu Tiếng	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN05: 6,5	KN06: 9,0	7,5	Khá
1387	1524801040063	Trần Tiến Phát	Nam	13/12/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 7,0	KN04: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 9,0	8,5	Giỏi
1388	1528501010113	Nguyễn Đại Phát	Nam	24/07/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 10,0	KN05: 7,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1389	1621402180075	Trần Hữu Phát	Nam	23/1/1998	Bình Dương	KN02: 6,0	KN05: 6,0	KN06: 9,0	KN08: 9,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1390	1625202010177	Võ Tư Duy Phát	Nam	31/08/1998	Bình Dương	KN02: 6,0	KN06: 6,0	KN07: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 9,0	7,5	Khá
1391	1522202010251	Trần Tuyết Phân	Nữ	17/07/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 8,5	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
1392	1621402180042	Nguyễn Thị Hồng Phần	Nữ	15/08/1998	Bình Thuận	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN07: 8,5	KN08: 7,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1393	1623801010259	Phạm Thị Hồng Phần	Nữ	06/07/1997	Quảng Ngãi	KN02: 8,5	KN05: 9,0	KN06: 9,5	KN08: 8,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
1394	1523401010089	Trần Thương Phi	Nam	28/08/1997	Tp.HCM	KN01: 7,0	KN02: 8,5	KN03: 7,0	KN04: 7,0	KN08: 8,0	7,5	Khá
1395	1523403010091	Võ Thị Vương Phi	Nữ	21/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 8,5	8,5	Giỏi
1396	1528501010004	Huỳnh Đạt Phi	Nam	13/12/1996	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	7,5	Khá
1397	1523801010145	Lâm Duy Phong	Nam	29/07/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN03: 7,5	KN06: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1398	1524403010147	Trần Phong	Nam	19/11/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 10,0	KN05: 9,0	KN06: 9,0	9,0	Xuất sắc
1399	1525202010038	Triệu Văn Phong	Nam	14/04/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN04: 7,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
1400	1528501010085	Võ Hoàng Hoài Phong	Nam	12/10/1996	Đồng Nai	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 8,5	KN04: 8,5	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
1401	1528501010182	Hồ Thanh Phong	Nam	10/11/1996	Tp.HCM	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN06: 7,0	KN08: 10,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1402	1621402180043	Trịnh Thanh Phong	Nam	13/07/1998	Tp.HCM	KN02: 7,0	KN05: 9,0	KN08: 8,0	KN09: 9,5	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
1403	1623401010191	Lê Thanh Phong	Nam	09/09/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 7,0	7,5	Khá
1404	1623402010214	Nguyễn Văn Phong	Nam	16/02/1998	Bình Định	KN02: 6,0	KN05: 6,0	KN06: 6,5	KN07: 7,5	KN08: 9,5	7,0	Khá
1405	1623102050067	Nguyễn Triệu Phú	Nam	13/03/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 8,5	KN05: 7,0	KN08: 9,0	KN10: 7,0	7,5	Khá
1406	1624401120097	Nguyễn Trần Nhật Phú	Nam	20/01/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
1407	1522202010154	Đoàn Ngọc Tâm Phúc	Nữ	22/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 6,5	KN03: 7,5	KN05: 9,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
1408	1522202010206	Trần Ngọc Phúc	Nữ	04/06/1997	Đồng Nai	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
1409	1523401010079	Nguyễn Thị Như Phúc	Nữ	30/08/1997	Tây Ninh	KN01: 8,0	KN02: 10,0	KN03: 8,5	KN05: 8,0	KN06: 10,0	9,0	Xuất sắc
1410	1523402010008	Nguyễn Văn Phúc	Nam	12/04/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN06: 8,5	KN08: 8,5	KN09: 8,5	8,5	Giỏi
1411	1523402010142	Nguyễn Thị Ngọc Phúc	Nữ	02/05/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 7,0	KN03: 10,0	KN05: 6,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi

Am

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1412	1523403010029	Nguyễn Văn Phúc	Nam	01/01/1997	An Giang	KN01: 7,0	KN02: 6,0	KN06: 9,0	KN09: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1413	1523403010182	Nguyễn Thị Hồng Phúc	Nữ	05/06/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN06: 9,0	KN10: 7,0	8,5	Giỏi
1414	1523801010281	Phạm Thị Hồng Phúc	Nữ	12/08/1995	Long An	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN07: 7,5	KN08: 9,0	8,0	Giỏi
1415	1525106010108	Lê Mỹ Phúc	Nữ	27/02/1996	Đồng Nai	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN04: 9,0	KN05: 7,0	8,0	Giỏi
1416	1621402010158	Nguyễn Hồng Phúc	Nữ	08/03/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN06: 7,5	KN08: 9,0	KN10: 6,5	8,0	Giỏi
1417	1623801010263	Đỗ Hồng Phúc	Nữ	02/11/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN04: 9,5	KN05: 8,5	KN08: 10,0	KN10: 8,5	9,0	Xuất sắc
1418	1628501010080	Trần Thị Phúc	Nữ	12/12/1998	Bình Dương	KN02: 6,0	KN05: 8,0	KN07: 7,0	KN08: 7,5	KN10: 10,0	7,5	Khá
1419	1528501010048	Nguyễn Thị Thanh Phụng	Nữ	05/11/1997	Tp Ho Chi Minh	KN01: 6,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN04: 7,0	KN06: 8,0	7,5	Khá
1420	1521402020211	Nguyễn Thị Phụng	Nữ	05/10/1997	Bình Phước	KN01: 7,0	KN02: 9,5	KN03: 9,0	KN04: 8,0	KN06: 8,5	8,5	Giỏi
1421	1521402020275	Phạm Kim Phụng	Nữ	22/05/1997	Tp.Hcm	KN01: 9,0	KN02: 8,5	KN03: 10,0	KN06: 8,0	KN07: 7,5	8,5	Giỏi
1422	1521402180045	Lê Thị Kim Phụng	Nữ	25/08/1996	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN07: 7,5	KN08: 8,0	7,5	Khá
1423	1522202010129	Tô Mỹ Phụng	Nữ	27/10/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN06: 7,5	KN07: 8,0	KN08: 9,0	8,5	Giỏi
1424	1522202010207	Nguyễn Thị Kim Phụng	Nữ	27/12/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 10,0	KN05: 9,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
1425	1525202010039	Nguyễn Hoàng Phụng	Nam	18/03/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 10,0	KN04: 8,5	KN06: 7,5	8,5	Giỏi
1426	1528501010080	Nguyễn Thị Kim Phụng	Nữ	01/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 6,5	KN03: 9,0	KN05: 6,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
1427	1623401010193	Phạm Thị Ngọc Phụng	Nữ	16/10/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN05: 6,5	KN06: 8,0	KN08: 6,5	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
1428	1521401010106	Vì Văn Phước	Nam	27/09/1996	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 9,0	KN08: 8,5	8,0	Giỏi
1429	1521402010184	Nguyễn Thị Phước	Nữ	20/02/1997	Bình Thuận	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN04: 9,5	KN05: 8,0	KN06: 6,5	8,0	Giỏi
1430	1525202010020	Nguyễn Hữu Phước	Nam	20/10/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 10,0	KN03: 9,0	KN04: 7,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
1431	1621402020221	Nguyễn Thị Hồng Phước	Nữ	14/11/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
1432	1621402170067	Lê Kim Phước	Nữ	01/10/1998	Bình Dương	KN02: 6,0	KN03: 8,0	KN05: 8,5	KN08: 10,0	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
1433	1628501010081	Nguyễn Ngọc Phước	Nam	23/08/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN03: 8,5	KN05: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1434	1521401010092	Lê Thị Yến Phương	Nữ	29/05/1997	Tp. Hồ Chí Minh	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN04: 9,5	KN05: 9,0	KN06: 8,5	9,0	Xuất sắc
1435	1521402010077	Trịnh Thụy Phương Phương	Nữ	19/11/1995	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 8,5	KN09: 9,0	8,5	Giỏi
1436	1521402010155	Nguyễn Thị Bích Phương	Nữ	09/04/1997	Phú Yên	KN01: 6,0	KN02: 6,0	KN05: 7,5	KN06: 9,5	KN09: 10,0	8,0	Giỏi
1437	1521402020071	Nguyễn Thị Phương	Nữ	07/05/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 6,5	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 8,5	7,5	Khá
1438	1521402020165	Kiều Thị Phương	Nữ	20/12/1997	Hà Tĩnh	KN01: 9,0	KN02: 7,0	KN03: 7,5	KN05: 8,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
1439	1521402020195	Nguyễn Thị Mai Phương	Nữ	11/08/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
1440	1521402020218	Phạm Xuân Phương	Nữ	10/09/1996	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 7,0	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
1441	1522202010067	Dương Hồ Bảo Phương	Nữ	20/12/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,5	KN03: 8,0	KN06: 7,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1442	1522202010178	Nguyễn Lê Diệp Phương	Nữ	26/06/1997	Bình Định	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN05: 6,0	KN06: 8,0	KN07: 8,5	7,5	Khá
1443	1522202010184	Dương Ngọc Phương	Nữ	20/07/1997	Tp. Hồ Chí Minh	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
1444	1522202010243	Nguyễn Phú Thiên Phương	Nữ	09/08/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 10,0	KN03: 7,5	KN05: 8,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
1445	1522202040004	Trần Thị Minh Phương	Nữ	28/06/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN04: 6,5	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
1446	1523401010037	Nguyễn Thị Nam Phương	Nữ	26/02/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 8,5	KN03: 8,5	KN04: 7,5	KN09: 8,5	8,5	Giỏi
1447	1523401010072	Nguyễn Thị Kim Phương	Nữ	16/08/1997	Quảng Ngãi	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN04: 8,0	KN07: 7,0	KN09: 9,0	7,5	Khá
1448	1523401010131	Đoàn Thị Mỹ Phương	Nữ	20/09/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN03: 7,5	KN06: 8,5	KN07: 8,0	8,5	Giỏi
1449	1523401010147	Bùi Thị Chúc Phương	Nữ	01/09/1996	Sóc Trăng	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN04: 8,5	KN06: 8,0	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
1450	1523401010189	Đỗ Thị Thanh Phương	Nữ	14/11/1997	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN06: 7,5	KN07: 8,0	KN09: 8,0	8,0	Giỏi
1451	1523402010053	Nguyễn Thị Nam Phương	Nữ	16/08/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN05: 8,5	KN06: 8,0	KN07: 7,5	8,0	Giỏi
1452	1523403010052	Trần Thị Mai Phương	Nữ	20/02/1997	Đồng Nai	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
1453	1523403010114	Trần Thị Hồng Phương	Nữ	26/09/1997	Hà Tĩnh	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN05: 8,5	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
1454	1523403010119	Võ Thảo Phương	Nữ	10/04/1995	Sông Bé	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN05: 8,5	KN06: 7,0	KN08: 6,5	8,0	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1455	1523403010139	Hoàng Thị Phương	Nữ	10/10/1997	Thanh Hóa	KN01: 7,0	KN02: 8,5	KN03: 7,0	KN06: 8,5	KN08: 10,0	8,0	Giỏi
1456	1523801010079	Hồ Vũ Minh Phương	Nữ	25/06/1997	Ninh Thuận	KN01: 9,0	KN02: 8,5	KN04: 8,5	KN05: 9,0	KN06: 8,0	8,5	Giỏi
1457	1523801010129	Trương Thị Ái Phương	Nữ	02/02/1997	Ninh Thuận	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN09: 8,5	8,5	Giỏi
1458	1523801010199	Nguyễn Thị Quế Phương	Nữ	26/07/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN09: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1459	1523801010308	Đoàn Ngọc Bình Phương	Nam	07/04/1997	Bình Phước	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN06: 7,5	KN08: 7,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1460	1524401120019	Đặng Lê Thanh Phương	Nữ	22/10/1997	Bình Dương	KN01: 6,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 7,0	7,0	Khá
1461	1524403010187	Nguyễn Lê Hoàng Phương	Nữ	21/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 7,5	KN05: 9,0	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
1462	1525106010101	Phan Thị Phương	Nữ	14/12/1997	Hà Tĩnh	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN04: 7,5	KN05: 6,0	7,0	Khá
1463	1621402010161	Nguyễn Minh Phương	Nữ	01/05/1998	Bến Tre	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN08: 8,0	KN09: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1464	1621402170069	Nguyễn Thanh Phương	Nữ	27/08/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 5,0	KN07: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 7,5	7,0	Khá
1465	1622202010174	Trần Thị Thu Phương	Nữ	10/04/1998	Quảng Ngãi	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1466	1622202040054	Lê Như Phương	Nữ	20/10/1998	Đăklak	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
1467	1623401010197	Võ Thị Hoàng Phương	Nữ	18/03/1998	Bình Dương	KN02: 6,0	KN03: 9,0	KN06: 8,5	KN08: 7,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1468	1623402010128	Liêu Trúc Phương	Nữ	26/03/1998	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 7,0	7,5	Khá
1469	1623402010130	Nguyễn Thị Thanh Phương	Nữ	21/08/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 6,0	KN07: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
1470	1623402010217	Hoàng Thị Thanh Phương	Nữ	15/2/1998	Đăklak	KN02: 8,0	KN06: 6,5	KN08: 9,0	KN09: 8,0	KN10: 6,5	7,5	Khá
1471	1623403010199	Thái Thị Phương	Nữ	22/07/1998	Thanh Hóa	KN02: 7,5	KN04: 7,5	KN05: 7,5	KN08: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1472	1623801010266	Hà Thị Thanh Phương	Nữ	25/04/1997	Bình Phước	KN02: 7,5	KN05: 6,0	KN06: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
1473	1623801010268	Lê Thị Thu Phương	Nữ	04/10/1998	Phú Yên	KN02: 8,5	KN05: 9,5	KN06: 7,5	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1474	1623801010269	Ngô Thị Lan Phương	Nữ	03/09/1998	Đăklak	KN02: 8,0	KN05: 8,5	KN06: 7,0	KN08: 8,0	KN10: 5,5	7,5	Khá
1475	1623801010270	Nguyễn Thị Xuân Phương	Nữ	30/08/1998	Ninh Thuận	KN02: 7,0	KN05: 8,5	KN06: 10,0	KN08: 10,0	KN10: 8,5	9,0	Xuất sắc
1476	1623801010271	Phạm Thị Yên Phương	Nữ	28/03/1998	Phú Yên	KN02: 7,0	KN05: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 7,5	7,5	Khá
1477	1628501010082	Đỗ Thị Thanh Phương	Nữ	23/08/1998	Bình Dương	KN02: 6,0	KN05: 7,5	KN07: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 10,0	7,5	Khá
1478	1521402010070	Nguyễn Thị Thanh Phương	Nữ	10/02/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN06: 7,0	KN08: 9,0	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
1479	1521402010143	Phan Thị Hoa Phương	Nữ	30/06/1997	Hà Tĩnh	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 10,0	KN08: 8,5	8,0	Giỏi
1480	1521402020019	Võ Kim Phương	Nữ	23/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN05: 7,5	KN09: 7,0	8,0	Giỏi
1481	1521402020063	Cao Thị Hồng Phương	Nữ	02/01/1997	Đồng Nai	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN05: 9,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	8,5	Giỏi
1482	1522202010058	Nguyễn Trương Hồng Phương	Nữ	17/09/1996	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN03: 8,0	KN06: 7,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1483	1523401010235	Huỳnh Thị Phương	Nữ	16/12/1997	Quảng Ngãi	KN01: 9,0	KN02: 6,0	KN03: 6,5	KN05: 7,0	KN06: 7,0	7,0	Khá
1484	1523403010008	Nguyễn Thị Thanh Phương	Nữ	19/07/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN04: 9,5	KN06: 8,5	8,5	Giỏi
1485	1523801010053	Lê Thị Út Phương	Nữ	02/07/1997	Bình Phước	KN01: 8,5	KN02: 8,5	KN04: 8,0	KN05: 8,5	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
1486	1524401120098	Nguyễn Thị Thu Phương	Nữ	14/09/1996	Sông Bé	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN04: 8,5	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
1487	1524403010051	Huỳnh Thanh Phương	Nữ	30/06/1997	Bình Dương	KN01: 6,5	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 7,0	7,0	Khá
1488	1527601010121	Nguyễn Thị Bích Phương	Nữ	22/08/1997	An Giang	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 7,5	7,5	Khá
1489	1621402010166	Lê Trần Như Phương	Nữ	28/07/1997	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 8,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
1490	1621402020227	Phạm Thị Hồng Phương	Nữ	26/08/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN05: 10,0	KN06: 9,5	KN08: 7,5	KN10: 8,0	9,0	Xuất sắc
1491	1623401010200	Nguyễn Thị Bích Phương	Nữ	31/08/1998	Quảng Ngãi	KN02: 7,0	KN04: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 5,0	7,5	Khá
1492	1623401010201	Vũ Thị Thủy Phương	Nữ	24/08/1998	Đồng Nai	KN02: 7,0	KN04: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 7,5	8,0	Giỏi
1493	1623402010132	Võ Thị Ngọc Phương	Nữ	06/06/1997	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 7,0	KN07: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1494	1623403010202	Nguyễn Thị Hồng Phương	Nữ	05/06/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN04: 9,5	KN06: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1495	1627601010037	Lê Huỳnh Ngọc Phương	Nữ	25/04/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 9,0	KN06: 10,0	KN08: 7,5	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
1496	1525202010086	Nguyễn Hữu Quang	Nam	28/02/1997	Đồng Nai	KN01: 9,0	KN02: 7,0	KN04: 8,5	KN06: 8,0	KN10: 8,5	8,0	Giỏi

AP

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng				ĐTB	Xếp loại	
1497	1523801010196	Lê Hồng Quân	Nam	13/11/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 10,0	KN06: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1498	1625106010106	Nguyễn Văn Quân	Nam	16/04/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN04: 9,0	KN06: 7,5	KN08: 9,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
1499	1525801050067	Nguyễn Thị Ngọc Quế	Nữ	27/02/1997	Phú Yên	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
1500	1621402020230	Từ Thanh Quế	Nữ	16/08/1998	Tp.Hcm	KN02: 8,5	KN05: 10,0	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
1501	1523403010192	Lê Thị Ngọc Quí	Nữ	28/09/1997	Đồng Tháp	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN03: 10,0	KN05: 6,5	KN10: 7,5	8,5	Giỏi
1502	1523801010316	Thái Thị Ánh Quy	Nữ	08/06/1997	Bình Thuận	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN05: 6,0	KN08: 7,5	KN10: 5,0	7,0	Khá
1503	1521401010105	Vũ Thị Thanh Quý	Nữ	02/12/1996	Nam Định	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 7,5	KN05: 9,0	KN06: 9,0	8,5	Giỏi
1504	1522202040089	Trần Kim Quý	Nữ	04/03/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN04: 9,0	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
1505	1524403010034	Trần Ngọc Kim Quý	Nữ	01/02/1997	Bình Dương	KN01: 6,0	KN02: 9,0	KN05: 9,0	KN08: 8,5	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
1506	1524403010168	Phạm Thị Quý	Nữ	22/03/1996	Hà Tĩnh	KN01: 6,0	KN02: 6,5	KN04: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 7,5	7,0	Khá
1507	1521402010002	Nguyễn Thị Mai Quyền	Nữ	10/04/1997	Tây Ninh	KN01: 6,5	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN07: 7,0	KN09: 9,5	8,0	Giỏi
1508	1521402010009	Lý Thị Tố Quyền	Nữ	18/11/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN06: 7,0	KN09: 8,0	8,0	Giỏi
1509	1521402010163	Nguyễn Thị Quyền	Nữ	10/04/1997	Hà Tĩnh	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN05: 7,5	KN06: 9,0	KN07: 8,0	8,5	Giỏi
1510	1622202010180	Lê Thị Quyền	Nữ	02/02/1998	Gia Lai	KN02: 9,5	KN04: 7,5	KN06: 8,5	KN08: 8,0	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
1511	1623801010281	Nguyễn Thị Bích Quyền	Nữ	13/01/1998	Bình Dương	KN02: 6,0	KN05: 9,5	KN06: 9,0	KN08: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1512	1623801010283	Nguyễn Thị Kim Quyền	Nữ	09/03/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN04: 7,0	KN05: 8,5	KN08: 7,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
1513	1623801010284	Trần Thị Kim Quyền	Nữ	28/04/1998	Tây Ninh	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1514	1624601010078	Bùi Thị Lệ Quyền	Nữ	21/11/1998	Bình Phước	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
1515	1627601010042	Nguyễn Thị Xuân Quyền	Nữ	30/09/1998	Bình Định	KN02: 7,0	KN05: 9,0	KN06: 10,0	KN08: 8,0	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
1516	1523403010118	Nguyễn Thị Khánh Quyền	Nữ	13/11/1997	Ninh Thuận	KN01: 9,0	KN02: 9,5	KN03: 7,0	KN05: 9,0	KN06: 8,0	8,5	Giỏi
1517	1623401010203	Giang Hôn Quyền	Nam	02/02/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN06: 8,5	KN08: 7,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1518	1623801010285	Nguyễn Đăng Quyền	Nam	24/07/1996	Bình Dương	KN02: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 8,5	KN09: 10,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
1519	1522202010115	Nguyễn Văn Quyết	Nam	22/02/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN07: 7,5	KN08: 10,0	KN09: 10,0	9,0	Xuất sắc
1520	1523801010248	Lê Văn Quyết	Nam	15/04/1996	Thái Bình	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 7,5	8,0	Giỏi
1521	1421402020169	Phạm Nguyễn Như Quỳnh	Nữ	05/10/1996	Bình Dương	KN01: 6,0	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN06: 6,0	KN08: 10,0	7,5	Khá
1522	1521402020084	Cao Thị Thảo Quỳnh	Nữ	23/01/1997	Tp.Hcm	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	8,5	Giỏi
1523	1521402170005	Đỗ Thị Như Quỳnh	Nữ	03/01/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 10,0	KN05: 9,0	KN08: 10,0	9,0	Xuất sắc
1524	1521402170173	Trần Bảo Phương Quỳnh	Nữ	09/09/1996	Tp.Hcm	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN04: 7,5	KN05: 9,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
1525	1521402180001	Hồ Thị Liễu Quỳnh	Nữ	02/11/1997	Bình Phước	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
1526	1522202010017	Mai Ngọc Đông Quỳnh	Nữ	25/08/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 6,0	KN05: 8,0	KN07: 8,0	7,5	Khá
1527	1523403010188	Trần Thị Thúy Quỳnh	Nữ	01/08/1997	Hải Phòng	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN03: 10,0	KN05: 8,5	KN06: 8,5	9,0	Xuất sắc
1528	1523403010202	Trần Như Quỳnh	Nữ	26/08/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN04: 9,5	KN06: 7,5	8,5	Giỏi
1529	1523801010059	Vũ Ngọc Kim Quỳnh	Nữ	07/07/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN05: 6,0	KN06: 7,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
1530	1523801010230	Nguyễn Ngọc Thúy Quỳnh	Nữ	24/08/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN06: 8,5	KN08: 10,0	8,5	Giỏi
1531	1524401120143	Trần Lê Như Quỳnh	Nữ	06/12/1996	Bình Thuận	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN06: 8,5	KN08: 7,0	8,0	Giỏi
1532	1525202010037	Nguyễn Nguyên Quỳnh	Nam	01/03/1997	Bình Định	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN06: 7,0	KN08: 9,5	8,0	Giỏi
1533	1528501010050	Phan Thiên Quỳnh	Nữ	15/11/1997	Quảng Ngãi	KN01: 7,5	KN02: 6,0	KN03: 8,0	KN04: 7,5	KN06: 7,0	7,0	Khá
1534	1621402020235	Nguyễn Thị Vũ Quỳnh	Nữ	20/11/1998	Ninh Thuận	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 8,5	KN08: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1535	1621402170071	Lâm Trần Thúy Quỳnh	Nữ	26/04/1998	Sóc Trăng	KN02: 8,0	KN04: 7,0	KN05: 9,0	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1536	1621402180050	Lê Nguyễn Trúc Quỳnh	Nữ	26/11/1998	Bình Dương	KN02: 6,0	KN05: 7,5	KN06: 9,0	KN08: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1537	1623402010137	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	Nữ	31/12/1998	Biên Hòa	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN05: 7,5	KN08: 9,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
1538	1623801010286	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	29/09/1997	Bình Phước	KN02: 9,0	KN05: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 10,0	9,5	Xuất sắc

*Handwritten signature*

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1539	1624401120171	Bùi Thị Như Quỳnh	Nữ	24/10/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
1540	1624401120175	Ngô Võ Như Quỳnh	Nữ	20/10/1997	Bình Dương	KN02: 7,5	KN05: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 6,0	7,5	Khá
1541	1624601010128	Lê Như Quỳnh	Nữ	14/9/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN06: 10,0	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1542	1521402010204	Trần Thị Thu Sang	Nữ	14/11/1997	Quảng Nam	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN04: 9,5	KN05: 8,0	KN06: 8,5	8,5	Giỏi
1543	1523401010102	Trương Phạm Hoàng Sang	Nam	14/03/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN04: 9,0	KN06: 6,5	8,0	Giỏi
1544	1523401010115	Nguyễn Hoàng Sang	Nam	09/07/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN06: 7,0	KN07: 8,0	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
1545	1523801010046	Phan Tuấn Sang	Nam	27/09/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN04: 7,0	KN05: 9,0	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
1546	1523801010225	Đoàn Thanh Sang	Nam	24/12/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 8,5	KN03: 8,5	KN04: 9,5	KN05: 7,0	8,5	Giỏi
1547	1524403010006	Đặng Hoàng Sang	Nam	16/11/1997	Đồng Tháp	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN04: 7,5	KN06: 9,5	KN08: 9,0	8,5	Giỏi
1548	1524403010122	Huỳnh Thị Thanh Sang	Nữ	13/08/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 6,0	KN03: 8,0	KN06: 7,0	KN08: 9,0	7,5	Khá
1549	1524801030023	Nguyễn Hoàng Sang	Nam	21/09/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN07: 8,5	KN08: 7,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
1550	1522202010171	Nguyễn Quang Sáng	Nam	22/10/1997	Bình Dương	KN01: 6,5	KN02: 6,5	KN05: 8,5	KN08: 9,0	KN09: 10,0	8,0	Giỏi
1551	1623801010290	Võ Nhân Sâm	Nam	04/03/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN04: 7,5	KN08: 9,0	KN09: 9,5	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
1552	1523403010054	Nguyễn Thị Sen	Nữ	14/02/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN04: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 8,5	8,0	Giỏi
1553	1524401120056	Phạm Thị Sen	Nữ	22/09/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 5,0	KN03: 7,5	KN06: 7,0	KN08: 9,5	7,0	Khá
1554	1524401120121	Mạch Thị Cẩm Siêu	Nữ	11/04/1997	Tây Ninh	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN04: 9,0	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
1555	1621402170075	Nguyễn Thị Sim	Nữ	09/01/1998	Đắklak	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1556	1623401010208	Nguyễn Dũng Đạt Sinh	Nam	12/12/1998	Bình Định	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 9,0	KN08: 9,5	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
1557	1523402010067	Vòng Ân Sơn	Nam	02/11/1997	Đồng Nai	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
1558	1524801040059	Võ Hồng Sơn	Nam	18/11/1997	Tây Ninh	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN08: 9,5	KN09: 10,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1559	1623102050073	Nguyễn Ngọc Sơn	Nam	16/04/1997	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 6,5	KN06: 6,0	KN08: 8,0	KN10: 8,5	7,5	Khá
1560	1623401010209	Nguyễn Thái Sơn	Nam	10/01/1998	Trà Vinh	KN02: 6,5	KN03: 8,0	KN05: 9,0	KN08: 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1561	1623801010293	Vũ Đức Sơn	Nam	22/12/1998	Daklak	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 7,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
1562	1521402010021	Lê Thị Mai Sương	Nữ	22/05/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 6,0	KN03: 9,0	KN04: 6,5	KN06: 7,0	7,0	Khá
1563	1521402020166	Bùi Thị Diễm Sương	Nữ	10/12/1997	Hà Tĩnh	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 6,0	KN05: 7,5	KN06: 8,0	7,5	Khá
1564	1522202010168	Lê Thị Tuyết Sương	Nữ	09/05/1997	Bình Phước	KN01: 8,5	KN02: 5,0	KN03: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 8,5	7,5	Khá
1565	1523401010126	Lê Trần Thị Diễm Sương	Nữ	29/08/1997	Bà Rịa- Vũng Tàu	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN06: 8,5	KN07: 8,0	8,5	Giỏi
1566	1523403010117	Trương Nữ Quỳnh Sương	Nữ	20/08/1997	Ninh Thuận	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN03: 9,5	KN06: 9,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
1567	1523801010341	Nguyễn Thị Thu Sương	Nữ	25/09/1996	Quảng Nam	KN01: 9,0	KN02: 7,5	KN04: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
1568	1524401120128	Nguyễn Thị Sương	Nữ	19/02/1997	Bình Định	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 9,0	7,5	Khá
1569	1524401120142	Nguyễn Thị Thu Sương	Nữ	07/12/1997	Tp Hồ Chí Minh	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	8,5	Giỏi
1570	1525106010003	Nguyễn Thị Sương	Nữ	01/01/1997	Quảng Ngãi	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1571	1621402170076	Lê Thị Tuyết Sương	Nữ	21/12/1997	Kien Giang	KN02: 7,5	KN05: 9,0	KN08: 9,0	KN09: 9,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
1572	1624601010081	Tăng Thị Thu Sương	Nữ	09/08/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN03: 9,5	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
1573	1521402170127	Nguyễn Văn Tài	Nam	03/08/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 8,5	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
1574	1522202010192	Bùi Công Minh Tài	Nam	27/07/1996	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN06: 7,5	KN07: 9,0	8,5	Giỏi
1575	1523403010141	Lê Thị Tài	Nữ	09/10/1996	Tây Ninh	KN01: 6,0	KN02: 7,0	KN04: 8,0	KN06: 9,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
1576	1523801010108	Hồ Quốc Tài	Nam	31/08/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN08: 9,0	KN10: 5,0	7,5	Khá
1577	1525202010008	Trần Tấn Tài	Nam	10/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN04: 7,5	KN06: 6,5	7,5	Khá
1578	1525202010011	Phùng Thiên Tài	Nam	13/01/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN04: 7,0	KN06: 6,5	8,0	Giỏi
1579	1525202010129	Lê Hữu Tài	Nam	25/06/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN06: 7,0	KN07: 8,0	7,5	Khá
1580	1621402170077	Nguyễn Văn Tài	Nam	24/05/1997	Thanh Hóa	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN08: 9,5	KN09: 9,5	KN10: 7,5	8,5	Giỏi
1581	1623401010214	Nguyễn Văn Tài	Nam	03/02/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN05: 6,5	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 7,5	7,5	Khá

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1582	1623801010298	Nguyễn Thanh Tài	Nam	29/11/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 8,5	KN09: 9,5	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
1583	1623801010299	Nguyễn Thị Ngọc Tài	Nữ	15/08/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN05: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
1584	1625801020068	Lê Thị Ngọc Tài	Nữ	22/09/1998	Bình Dương	KN02: 9,5	KN05: 8,0	KN06: 8,5	KN08: 8,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
1585	1521402020135	Nguyễn Thị Tâm	Nữ	12/06/1997	Hà Tĩnh	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN03: 9,0	KN05: 8,5	KN09: 7,5	8,5	Giỏi
1586	1523402010059	Trương Minh Tâm	Nam	23/06/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN06: 7,5	KN07: 6,5	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
1587	1523403010039	Bùi Thanh Tâm	Nữ	24/06/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 9,0	7,5	Khá
1588	1523403010078	Kim Thị Thu Tâm	Nữ	02/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 7,5	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
1589	1523403010154	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Nữ	10/11/1996	Quảng Nam	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN04: 8,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
1590	1523801010019	Nguyễn Thị Minh Tâm	Nữ	12/09/1995	1523801010019	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN04: 7,0	KN05: 9,0	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
1591	1524403010121	Nguyễn Thị Kiều Tâm	Nữ	15/12/1997	Bình Định	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN05: 8,0	KN06: 8,5	8,5	Giỏi
1592	1525802080038	Nguyễn Thái Nhật Tâm	Nam	04/12/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN07: 7,0	KN09: 9,0	8,0	Giỏi
1593	1621402010173	Đặng Thị Thanh Tâm	Nữ	07/03/1998	Đăklăk	KN02: 7,0	KN05: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1594	1621402010175	Lê Thị Tâm	Nữ	17/02/1998	Nghệ An	KN02: 7,0	KN05: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 8,5	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
1595	1622202010190	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Nữ	19/06/1998	Đăklak	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1596	1623403010213	Nguyễn Ngọc Như Tâm	Nữ	09/07/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN05: 5,5	KN06: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
1597	1623801010447	Vô Thị Tâm	Nữ	19/06/1998	Quảng Trị	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1598	1623801010449	Nguyễn Thị Tâm	Nữ	20/11/1998	Đăklak	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 8,5	KN08: 7,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
1599	1625106010114	Lê Thị Thanh Tâm	Nữ	30/05/1998	Bình Phước	KN02: 8,5	KN06: 7,5	KN07: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 5,0	8,0	Giỏi
1600	1627601010046	Huỳnh Châu Tâm	Nam	12/07/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 10,0	KN07: 9,0	KN08: 9,5	KN10: 7,5	8,5	Giỏi
1601	1523801010184	Đặng Văn Tân	Nam	10/12/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN08: 8,5	KN10: 6,0	7,5	Khá
1602	1524401120166	Lê Thành Tân	Nam	15/04/1997	Thanh Hóa	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 7,0	KN06: 9,0	KN07: 7,0	7,5	Khá
1603	1524801030069	Phạm Nhật Tân	Nam	22/04/1997	Khánh Hòa	KN01: 6,5	KN02: 7,0	KN05: 7,5	KN06: 8,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
1604	1525202010115	Trần Nguyễn Duy Tân	Nam	20/05/1997	Đồng Nai	KN01: 6,5	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 6,0	KN06: 9,0	7,5	Khá
1605	1522202010142	Phạm Hồng Tân	Nam	17/10/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN03: 7,0	KN05: 7,5	KN06: 8,0	7,5	Khá
1606	1525202010027	Lưu Văn Tân	Nam	08/06/1996	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 6,5	7,5	Khá
1607	1522202010194	Lại Hà Tây	Nam	02/05/1997	Đồng Nai	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN04: 7,0	KN05: 9,0	KN08: 7,0	8,0	Giỏi
1608	1521401010004	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	Nữ	07/09/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN04: 7,5	KN06: 9,5	KN07: 8,0	8,5	Giỏi
1609	1521401010006	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	Nữ	12/10/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN04: 7,5	KN06: 9,5	KN07: 7,5	8,0	Giỏi
1610	1521402010055	Đỗ Thị Thủy Tiên	Nữ	18/01/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 7,5	KN09: 9,0	8,0	Giỏi
1611	1521402010063	Đào Thị Kim Tiên	Nữ	15/07/1997	Đồng Nai	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN05: 9,0	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
1612	1521402010109	Phạm Thị Cẩm Tiên	Nữ	10/04/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 8,5	8,5	Giỏi
1613	1521402020006	Phạm Thị Thủy Tiên	Nữ	25/11/1996	Lâm Đồng	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	7,5	Khá
1614	1521402170011	Hà Thị Thủy Tiên	Nữ	20/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN07: 9,0	KN09: 9,5	KN10: 8,0	9,0	Xuất sắc
1615	1521402170015	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	Nữ	24/07/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 10,0	KN05: 8,0	KN07: 6,5	8,5	Giỏi
1616	1522202010077	Nguyễn Trường Giao Tiên	Nữ	06/11/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN05: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 7,5	8,0	Giỏi
1617	1522202010078	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Nữ	26/04/1996	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 7,0	KN07: 8,0	KN08: 6,0	7,0	Khá
1618	1522202010189	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	Nữ	07/08/1997	Kiên Giang	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 9,0	KN06: 7,5	8,5	Giỏi
1619	1522202010213	Vân Thị Cẩm Tiên	Nữ	06/11/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN04: 10,0	KN05: 8,5	KN08: 7,0	8,5	Giỏi
1620	1522202010242	Phạm Thị Triều Tiên	Nữ	22/08/1997	Bình Phước	KN01: 9,0	KN02: 7,0	KN03: 7,5	KN05: 8,0	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
1621	1523401010005	Hà Tiên	Nữ	03/05/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN04: 7,0	KN09: 8,5	8,0	Giỏi
1622	1523401010036	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Nữ	07/08/1997	Tp. Hồ Chí Minh	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1623	1523401010050	Thái Lê Mộng Tiên	Nữ	10/03/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 10,0	KN03: 9,0	KN04: 7,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
1624	1523401010144	Lê Thị Cẩm Tiên	Nữ	04/05/1997	Đồng Nai	KN01: 9,5	KN02: 8,5	KN03: 9,5	KN06: 9,0	KN07: 7,5	9,0	Xuất sắc
1625	1523402010091	Vô Thị Thủy Tiên	Nữ	01/07/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN06: 7,5	KN07: 8,0	8,0	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1626	1523402010113	Lê Thị Cẩm Tiên	Nữ	16/06/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN07: 7,0	8,0	Giỏi
1627	1523402010135	Nguyễn Thị Tiên	Nữ	10/06/1996	Nghệ An	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 8,5	KN05: 7,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
1628	1523403010098	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	Nữ	30/10/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN04: 7,5	KN06: 8,5	7,5	Khá
1629	1523403010169	Trần Thị Cẩm Tiên	Nữ	29/03/1997	Tp. HCM	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN06: 7,5	KN07: 7,0	8,0	Giỏi
1630	1523801010056	Phan Thị Cẩm Tiên	Nữ	29/09/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
1631	1523801010061	Lâm Thị Cẩm Tiên	Nữ	17/10/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN04: 8,5	KN06: 9,5	8,5	Giỏi
1632	1523801010068	Lê Thùy Tiên	Nữ	29/06/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN06: 9,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
1633	1523801010084	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Nữ	15/03/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN03: 10,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	9,0	Xuất sắc
1634	1525106010073	Lê Ngọc Thủy Tiên	Nữ	27/06/1997	Bình Dương	KN01: 6,5	KN02: 8,0	KN04: 7,5	KN05: 6,5	KN06: 7,5	7,0	Khá
1635	1525106010106	Mai Thùy Tiên	Nữ	07/12/1995	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1636	1525802080019	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Nữ	06/02/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN04: 8,0	KN07: 7,0	7,5	Khá
1637	1621402010178	Vũ Thị Thủy Tiên	Nữ	10/11/1997	Bình Dương	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN05: 9,0	KN08: 9,5	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
1638	1621402020237	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	Nữ	29/07/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 7,0	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
1639	1621402020238	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	Nữ	09/08/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 8,5	KN08: 8,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
1640	1621402170080	Trần Thị Á Tiên	Nữ	05/10/1998	Đồng Tháp	KN02: 8,0	KN05: 9,5	KN06: 7,5	KN08: 7,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1641	1621402170081	Trương Thị Cẩm Tiên	Nữ	23/03/1997	Trà Vinh	KN02: 7,0	KN05: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1642	1622202010192	Bùi Ngọc Cẩm Tiên	Nữ	08/12/1998	Phú Yên	KN02: 7,0	KN06: 8,5	KN07: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1643	1622202010193	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	Nữ	16/09/1998	Bình Dương	KN02: 6,5	KN06: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1644	1622202010194	Nguyễn Thị Kiều Tiên	Nữ	20/06/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 8,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1645	1623401010220	Trần Hà Yến Tiên	Nữ	01/01/1998	Bình Dương	KN02: 6,0	KN05: 6,0	KN06: 6,5	KN08: 8,5	KN10: 9,0	7,0	Khá
1646	1623401010221	Trần Thị Cẩm Tiên	Nữ	30/09/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1647	1623401010358	Trần Diệu Tiên	Nữ	7/4/1998	Daklak	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN08: 8,0	KN09: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1648	1623403010217	Đoàn Triều Tiên	Nữ	22/10/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1649	1623403010218	Đỗ Thị Cẩm Tiên	Nữ	15/07/1997	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 8,5	KN08: 8,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1650	1623801010442	Đặng Hạnh Tiên	Nữ	10/2/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN06: 7,0	KN07: 8,5	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1651	1625106010176	Cao Trần Mỹ Tiên	Nữ	4/1/1998	Tp.HCM	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 7,5	KN08: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1652	1628501010089	Trương Thị Cẩm Tiên	Nữ	09/09/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1653	1521402020015	Nguyễn Thị Kim Tiên	Nữ	09/11/1996	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 9,5	KN03: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 9,5	9,0	Xuất sắc
1654	1523401010153	Vũ Thị Minh Tiên	Nữ	18/08/1997	Long An	KN01: 9,0	KN02: 7,0	KN03: 10,0	KN04: 7,0	KN05: 8,0	8,0	Giỏi
1655	1524403010079	Huỳnh Minh Tiên	Nam	14/08/1997	Bình Dương	KN01: 6,5	KN02: 9,5	KN03: 9,5	KN05: 6,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
1656	1528501010124	Phan Thị Minh Tiên	Nữ	27/10/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN07: 8,0	KN09: 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1657	1625202010219	Lý Đồi Tiên	Nam	04/08/1998	Bình Phước	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN07: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1658	1621402170082	Dương Thị Út Tiêu	Nữ	09/09/1997	Hải Dương	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN05: 9,0	KN08: 8,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1659	1521402020098	Trần Trọng Tín	Nam	10/03/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 7,5	KN03: 10,0	KN04: 7,0	KN06: 8,0	8,5	Giỏi
1660	1521402180081	Nguyễn Huỳnh Thế Tín	Nam	26/09/1996	Tây Ninh	KN01: 9,0	KN02: 7,0	KN04: 7,5	KN05: 8,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
1661	1621402180054	Nguyễn Trọng Tín	Nam	10/04/1998	Đồng Nai	KN02: 6,5	KN05: 7,5	KN06: 9,0	KN08: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1662	1623801010307	Đặng Trung Tín	Nam	22/12/1997	Bình Dương	KN02: 8,0	KN04: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 7,5	8,0	Giỏi
1663	1523403010228	Nguyễn Thị Kim Tinh	Nữ	25/02/1997	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 7,0	7,5	Khá
1664	1623102050077	Nguyễn Thị Vui Tinh	Nữ	16/01/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 6,5	KN08: 8,5	KN10: 8,0	7,5	Khá
1665	1623401010226	Đỗ Thanh Tinh	Nam	17/10/1998	Daklak	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1666	1521401010007	Đỗ Thanh Toàn	Nam	19/03/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	KN09: 8,5	8,0	Giỏi
1667	1525202010022	Trần Văn Toàn	Nam	02/06/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN04: 9,5	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
1668	1623801010308	Đào Võ Tông	Nam	27/06/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN04: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
1669	1523403010224	Đình Cẩm Tố	Nữ	14/02/1997	Quy Nhơn	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc

AT

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1670	1521401010015	Nguyễn Ngọc Cẩm Tú	Nữ	11/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN05: 7,0	KN06: 8,0	KN09: 9,0	8,0	Giỏi
1671	1521402010197	Đặng Thị Cẩm Tú	Nữ	13/11/1997	Bến Tre	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN07: 7,0	KN09: 8,0	8,0	Giỏi
1672	1521402020054	Nguyễn Thanh Tú	Nam	26/08/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN06: 8,5	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
1673	1521402020162	Trần Thị Cẩm Tú	Nữ	07/11/1997	Bình Thuận	KN01: 9,0	KN02: 8,5	KN03: 8,5	KN05: 6,0	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
1674	1522202010140	Lưu Thị Cẩm Tú	Nữ	15/02/1997	Bình Định	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN03: 10,0	KN08: 10,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
1675	1522202010226	Vũ Thị Cẩm Tú	Nữ	07/05/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN04: 9,5	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
1676	1523401010119	Trần Thị Cẩm Tú	Nữ	10/02/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN04: 9,0	KN06: 8,5	8,5	Giỏi
1677	1523402010048	Hồ Thị Cẩm Tú	Nữ	29/05/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN04: 7,0	KN05: 6,0	7,5	Khá
1678	1523403010165	Phan Thị Tú	Nữ	17/11/1996	Hà Tĩnh	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
1679	1523801010026	Đỗ Thị Cẩm Tú	Nữ	22/08/1996	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
1680	1523801010124	Lương Việt Tú	Nam	16/11/1997	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
1681	1524401120074	Nguyễn Thị Cẩm Tú	Nữ	28/12/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN05: 6,5	KN06: 9,0	KN07: 7,0	7,5	Khá
1682	1524403010061	Hoàng Thanh Tú	Nam	25/02/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 6,5	7,5	Khá
1683	1524403010081	Trương Phước Tú	Nam	26/11/1996	Sóc Trăng	KN01: 9,0	KN02: 10,0	KN03: 8,5	KN05: 9,0	KN06: 9,0	9,0	Xuất sắc
1684	1525801020003	Hoàng Ngọc Tú	Nam	11/10/1987	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN07: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
1685	1525801050012	Trương Nguyễn Tuấn Tú	Nam	08/07/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 7,5	8,5	Giỏi
1686	1525802080087	Trần Hoàng Tú	Nam	10/09/1995	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN05: 6,0	KN06: 9,0	KN09: 10,0	8,5	Giỏi
1687	1527601010085	Bùi Thị Cẩm Tú	Nữ	15/12/1997	Phú Yên	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
1688	1621402020242	Nguyễn Thị Cẩm Tú	Nữ	27/07/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 5,5	8,0	Giỏi
1689	1621402020243	Trần Cẩm Tú	Nữ	12/10/1998	Phú Yên	KN02: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 8,5	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
1690	1621402180055	Phan Minh Tú	Nam	26/04/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 6,5	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
1691	1623102050078	Phùng Bội Nguyệt Tinh Tú	Nữ	04/06/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 10,0	KN09: 9,0	KN10: 7,5	8,5	Giỏi
1692	1221210043	Nguyễn Lê Tuấn	Nam	06/06/1994	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 7,5	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
1693	1521402010118	Nguyễn Thanh Tuấn	Nam	29/03/1996	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 10,0	KN03: 10,0	KN04: 8,5	KN06: 7,5	9,0	Xuất sắc
1694	1521402170091	Phan Văn Tuấn	Nam	07/12/1996	Dak Lak	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
1695	1523401010100	Phạm Minh Tuấn	Nam	30/03/1996	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,5	KN06: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1696	1523801010163	Vũ Anh Tuấn	Nam	24/11/1995	Nghệ An	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
1697	1523801010234	Nguyễn Mạnh Tuấn	Nam	28/09/1995	Hải Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN04: 5,5	KN06: 6,5	KN08: 9,0	7,5	Khá
1698	1524401120137	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	21/05/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 8,0	7,5	Khá
1699	1524403010099	Huỳnh Thanh Tuấn	Nam	20/10/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 8,5	7,5	Khá
1700	1524403010172	Nguyễn Hoàng Tuấn	Nam	04/05/1996	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
1701	1524801040004	Ngô Thanh Tuấn	Nam	10/11/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN06: 7,5	KN07: 7,0	KN10: 7,0	7,5	Khá
1702	1524801040044	Chu Đức Tuấn	Nam	02/06/1997	Bình Dương	KN01: 6,5	KN02: 6,0	KN05: 5,5	KN06: 7,5	KN07: 7,0	6,5	Trung bình khá
1703	1525202010018	Đặng Anh Tuấn	Nam	12/02/1997	Hồ Chí Minh	KN01: 6,0	KN02: 9,0	KN03: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 7,5	7,5	Khá
1704	1623102050080	Thái Quốc Tuấn	Nam	19/09/1995	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1705	1624801040087	Lê Anh Tuấn	Nam	19/05/1997	Ca Mau	KN02: 6,0	KN05: 9,0	KN06: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1706	1627601010049	Nguyễn Hoàng Tuấn	Nam	13/07/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 8,5	KN08: 7,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
1707	1524403010049	Nguyễn Văn Tùng	Nam	17/08/1997	Tp. Hồ Chí Minh	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN05: 6,5	KN07: 8,5	KN08: 7,5	7,5	Khá
1708	1521402010106	Đoàn Thị Tuyền	Nữ	10/03/1996	Thanh Hóa	KN01: 6,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN06: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1709	1521402010193	Phạm Thị Mộng Tuyền	Nữ	10/10/1997	Tây Ninh	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN05: 8,5	KN08: 8,5	8,5	Giỏi
1710	1521402010194	Phạm Thị Thanh Tuyền	Nữ	10/10/1997	Tây Ninh	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN08: 8,5	8,0	Giỏi
1711	1521402020032	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Nữ	24/05/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN07: 7,5	8,0	Giỏi
1712	1521402020069	Nguyễn Thị Bích Tuyền	Nữ	21/07/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1713	1521402020147	Đào Thị Tuyền	Nữ	16/09/1997	Đăklăk	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN04: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 7,0	7,5	Khá



STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1714	1521402170010	Phạm Thị Ngọc Tuyền	Nữ	28/01/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN07: 8,0	KN09: 9,0	8,0	Giỏi
1715	1521402170050	Nguyễn Bội Tuyền	Nữ	13/02/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 10,0	KN08: 9,0	9,0	Xuất sắc
1716	1522202010125	Lê Huỳnh Thanh Tuyền	Nữ	15/10/1997	Đồng Nai	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
1717	1522202010126	Nguyễn Thanh Tuyền	Nữ	07/09/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN06: 9,5	KN08: 8,5	KN09: 9,5	8,5	Giỏi
1718	1522202040012	Trần Ngọc Thu Tuyền	Nữ	16/02/1995	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN04: 6,5	KN06: 7,0	7,5	Khá
1719	1523401010045	Nguyễn Thanh Tuyền	Nữ	08/08/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN07: 7,0	KN09: 7,0	7,5	Khá
1720	1523401010106	Phạm Thị Minh Tuyền	Nữ	08/04/1997	Bình Phước	KN01: 8,5	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN06: 8,5	KN08: 8,0	8,0	Giỏi
1721	1523402010056	Nguyễn Thị Bích Tuyền	Nữ	07/10/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN05: 8,5	KN06: 8,0	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
1722	1523403010075	Nguyễn Ngọc Bích Tuyền	Nữ	20/04/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
1723	1524403010058	Dương Bích Tuyền	Nữ	28/05/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 7,0	KN05: 9,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
1724	1525106010097	Lê Ngọc Phương Tuyền	Nữ	23/08/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 7,0	KN05: 7,5	KN06: 7,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1725	1621402010179	Lê Nguyễn Thanh Tuyền	Nữ	29/08/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 9,5	KN07: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1726	1621402010180	Lê Thị Thanh Tuyền	Nữ	26/08/1997	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN07: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
1727	1621402010182	Nguyễn Thị Lam Tuyền	Nữ	09/07/1998	Tp.Hcm	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 8,5	KN08: 7,5	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
1728	1621402010183	Phạm Thị Thanh Tuyền	Nữ	09/04/1998	Đàklak	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1729	1621402010184	Vũ Thị Thanh Tuyền	Nữ	10/10/1998	Tp.Hcm	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 7,5	8,0	Giỏi
1730	1621402020247	Nguyễn Ngọc Tuyền	Nữ	09/01/1998	Bình Định	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 7,5	KN08: 7,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1731	1621402020249	Trần Thị Thanh Tuyền	Nữ	22/07/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 7,0	7,5	Khá
1732	1622202010204	Phạm Thị Thanh Tuyền	Nữ	01/06/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1733	1623402010150	Phạm Thanh Tuyền	Nữ	13/10/1998	Sóc Trăng	KN02: 7,0	KN05: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1734	1623801010316	Nguyễn Bích Tuyền	Nữ	13/09/1998	Ca Mau	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 7,0	KN08: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1735	1623801010317	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Nữ	16/04/1998	Phú Yên	KN02: 9,0	KN05: 9,5	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
1736	1523801010321	Nguyễn Ngọc Tuyền	Nữ	03/02/1997	Tây Ninh	KN01: 7,0	KN02: 6,5	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
1737	1521402020075	Đào Thị Tuyền	Nữ	24/10/1996	Thanh Hóa	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 8,0	7,5	Khá
1738	1522202010135	Nguyễn Thị Kim Tuyền	Nữ	15/09/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 7,5	KN05: 9,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
1739	1523801010366	Phạm Thị Kim Tuyền	Nữ	17/12/1996	Quảng Ngãi	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN04: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
1740	1528501010077	Nguyễn Thị Kim Tuyền	Nữ	14/07/1996	Bình Dương	KN01: 6,5	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN04: 10,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
1741	1621402020251	Bùi Hoàng Kim Tuyền	Nữ	27/06/1998	Tp.Hcm	KN02: 7,5	KN05: 7,0	KN08: 7,5	KN09: 7,5	KN10: 9,0	7,5	Khá
1742	1521402010022	Võ Thị Tuyết	Nữ	24/06/1997	Bình Thuận	KN01: 6,5	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN04: 8,0	KN05: 7,0	7,5	Khá
1743	1521402020047	Lê Ngọc Tuyết	Nữ	04/02/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,5	KN06: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 7,5	8,5	Giỏi
1744	1521402020154	Bùi Thị Tuyết	Nữ	30/08/1996	Thanh Hóa	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN04: 9,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
1745	1521402020176	Nhâm Thị Ánh Tuyết	Nữ	15/12/1997	Đắk Lắk	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN03: 8,5	KN04: 10,0	KN05: 9,0	9,0	Xuất sắc
1746	1521402020194	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	Nữ	25/07/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 6,5	7,5	Khá
1747	1522202010075	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Nữ	13/04/1997	Bình Phước	KN01: 9,0	KN02: 9,5	KN04: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
1748	1522202010177	Trần Thị Tuyết	Nữ	20/09/1997	Nghệ An	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN04: 8,5	KN05: 8,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
1749	1523401010022	Nguyễn Ngọc Tuyết	Nữ	11/02/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 10,0	KN10: 7,5	8,5	Giỏi
1750	1523401010066	Trương Thị Tuyết	Nữ	01/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN04: 7,0	KN06: 7,5	7,5	Khá
1751	1523402010198	Đinh Thị Ánh Tuyết	Nữ	21/03/1997	Bình Định	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 10,0	KN04: 8,5	KN06: 8,0	8,5	Giỏi
1752	1524401120164	Trần Thị Ngọc Tuyết	Nữ	17/01/1996	Long An	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
1753	1621402010185	Huỳnh Thị Ánh Tuyết	Nữ	14/07/1998	Lâm Đồng	KN02: 7,0	KN05: 6,0	KN06: 9,0	KN08: 8,0	KN10: 7,0	7,5	Khá
1754	1621402010186	Lê Thị Ngọc Tuyết	Nữ	05/11/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 6,0	8,0	Giỏi
1755	1621402010187	Trần Thị Ánh Tuyết	Nữ	27/10/1997	Vĩnh Phúc	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1756	1521402020207	Lê Thị Bê Tư	Nữ	15/10/1997	Tây Ninh	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN05: 6,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	7,5	Khá
1757	1521402170171	Đạt Thị Tươi	Nữ	05/02/1993	Ninh Thuận	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN09: 9,0	8,0	Giỏi
1758	1523402010175	Nguyễn Thị Tươi	Nữ	16/03/1997	Nghệ An	KN01: 8,5	KN02: 6,0	KN03: 6,5	KN07: 9,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1759	1523403010067	Nguyễn Thị Tươi	Nữ	14/12/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN06: 7,5	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
1760	1621402010189	Nguyễn Thị Thắm Tươi	Nữ	17/02/1998	Bình Dương	KN02: 6,5	KN06: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1761	1621402020253	Quảng Nữ Hồng Tươi	Nữ	24/11/1997	Ninh Thuận	KN02: 7,5	KN03: 10,0	KN06: 9,0	KN08: 8,5	KN10: 7,5	8,5	Giỏi
1762	1623401010238	Huỳnh Lanh Ty	Nam	24/12/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1763	1628501010099	Đỗ Thị Kim Ty	Nữ	01/02/1998	Bình Dương	KN02: 6,0	KN06: 9,0	KN07: 7,0	KN08: 7,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
1764	1523801010327	Lê Văn Tý	Nam	15/08/1997	Kiên Giang	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN04: 7,5	KN06: 8,0	KN09: 8,0	7,5	Khá
1765	1623801010321	Nguyễn Anh Thái	Nam	20/05/1997	Bình Dương	KN02: 8,0	KN03: 7,5	KN06: 7,5	KN08: 9,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1766	1523801010362	Phạm Thị Thang	Nữ	10/05/1996	Quảng Ngãi	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN04: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 7,5	7,5	Khá
1767	1521402020036	Nguyễn Thị Thanh Thanh	Nữ	01/08/1996	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN06: 9,0	KN07: 7,5	8,5	Giỏi
1768	1521402020159	Võ Thị Yến Thanh	Nữ	21/07/1997	Quảng Nam	KN01: 9,0	KN02: 8,5	KN05: 6,0	KN06: 9,0	KN07: 7,5	8,0	Giỏi
1769	1521402170023	Lê Thị Yến Thanh	Nữ	19/03/1994	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 10,0	KN03: 9,0	KN05: 8,5	KN06: 9,0	9,0	Xuất sắc
1770	1521402170152	Phan Thanh Thanh	Nam	13/04/1997	Tp. Hồ Chí Minh	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN03: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
1771	1522202010013	Đỗ Huỳnh Phương Thanh	Nữ	05/02/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN06: 8,5	KN07: 8,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
1772	1522202010122	Võ Nguyễn Thiên Thanh	Nữ	30/09/1991	Tp.Hcm	KN01: 9,0	KN02: 8,5	KN03: 10,0	KN06: 9,5	KN08: 9,0	9,0	Xuất sắc
1773	1523401010049	Trần Ngọc Phương Thanh	Nữ	08/08/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN04: 7,0	KN05: 7,0	8,0	Giỏi
1774	1523402010049	Trần Thị Thanh Thanh	Nữ	29/03/1997	Bến Tre	KN01: 9,0	KN02: 8,5	KN03: 7,5	KN05: 9,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
1775	1523403010069	Lê Thị Thu Thanh	Nữ	01/10/1997	Thừa Thiên - Huế	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 7,5	KN10: 8,5	7,5	Khá
1776	1523801010207	Lý Văn Thanh	Nam	23/01/1997	Vĩnh Long	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 9,5	KN07: 7,5	KN08: 7,0	8,0	Giỏi
1777	1524401120004	Nguyễn Thùy Kim Thanh	Nữ	09/08/1993	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN06: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1778	1524401120065	Lê Đào Thiên Thanh	Nữ	14/01/1997	Tp.Hcm	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN06: 8,0	KN07: 7,0	KN10: 5,5	7,0	Khá
1779	1524401120155	Lê Thị Thanh	Nữ	01/08/1997	Nghệ An	KN01: 7,0	KN02: 9,5	KN03: 7,5	KN05: 6,5	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
1780	1524403010170	Trần Mai Thanh	Nữ	06/01/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN04: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 7,5	7,0	Khá
1781	1525802080067	Phan Mạnh Thanh	Nam	08/06/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 10,0	KN05: 8,0	KN09: 9,0	9,0	Xuất sắc
1782	1528501010123	Nguyễn Thị Tuyết Thanh	Nữ	26/09/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN04: 6,5	KN06: 7,5	KN08: 7,0	7,5	Khá
1783	1621402010190	Nguyễn Ngọc Thanh	Nữ	11/09/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 8,5	KN06: 10,0	KN08: 6,5	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
1784	1621402020254	Bùi Thị Thanh	Nữ	20/06/1998	Nghệ An	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN08: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1785	1621402020255	Trần Nguyễn Minh Thanh	Nữ	04/08/1997	Tp.Hcm	KN02: 9,0	KN05: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 7,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1786	1622202040091	Hồ Thị Cẩm Thanh	Nữ	14/9/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN03: 8,5	KN05: 5,0	KN08: 8,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
1787	1623401010243	Phạm Thị Kim Thanh	Nữ	13/11/1998	Bình Phước	KN02: 7,0	KN05: 6,0	KN06: 6,0	KN08: 8,5	KN10: 8,0	7,0	Khá
1788	1623401010245	Trần Thị Ngọc Thanh	Nữ	21/10/1998	Bình Dương	KN02: 6,0	KN03: 9,0	KN05: 8,5	KN08: 7,5	KN10: 7,0	7,5	Khá
1789	1623801010323	Đoàn Thị Thanh	Nữ	19/07/1997	Lâm Đồng	KN02: 9,5	KN05: 9,5	KN06: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
1790	1521402020100	Huỳnh Văn Thành	Nam	05/04/1996	Sông Bé	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN03: 9,0	KN04: 7,5	KN06: 9,0	8,5	Giỏi
1791	1523801010301	Lê Tuấn Thành	Nam	05/05/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN05: 6,0	KN06: 9,0	KN09: 8,5	7,5	Khá
1792	1524801030067	Nguyễn Minh Thành	Nam	07/07/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 6,0	KN05: 8,5	KN07: 7,0	KN09: 9,0	7,5	Khá
1793	1525202010015	Trần Minh Thành	Nam	15/12/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 8,5	KN03: 8,5	KN04: 7,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
1794	1525802080001	Dương Ngọc Thành	Nam	16/08/1997	Gia Lai	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 7,5	KN08: 9,0	7,5	Khá
1795	1624801040059	Đoàn Trung Thành	Nam	06/07/1998	Đaklak	KN02: 7,5	KN05: 8,5	KN06: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1796	1625202010253	Nguyễn Tiến Thành	Nam	23/04/1998	Tp.Hcm	KN02: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 10,0	KN09: 9,5	KN10: 10,0	9,5	Xuất sắc
1797	1521402010081	Võ Thị Thao	Nữ	24/06/1996	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
1798	1523801010151	Nguyễn Thị Xuân Thao	Nữ	20/09/1997	Kon Tum	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN04: 7,0	KN06: 8,0	KN09: 8,0	7,5	Khá
1799	1521402010145	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	27/05/1997	Lâm Đồng	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN06: 6,0	KN10: 7,0	7,0	Khá

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1800	1521402020081	Trần Thị Phương Thảo	Nữ	21/09/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN06: 8,0	KN07: 7,0	8,0	Giỏi
1801	1521402020186	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	24/12/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN04: 9,5	KN06: 8,5	9,0	Xuất sắc
1802	1521402020208	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	13/09/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 8,5	8,5	Giỏi
1803	1521402020210	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Nữ	16/05/1997	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN05: 7,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
1804	1521402020243	Đoàn Thu Thảo	Nữ	09/05/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 9,5	8,5	Giỏi
1805	1521402020247	Đoàn Thị Thảo	Nữ	17/03/1997	Lâm Đồng	KN01: 9,0	KN02: 9,5	KN03: 8,5	KN05: 6,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
1806	1521402020272	Huỳnh Thị Phương Thảo	Nữ	19/09/1996	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
1807	1521402170077	Thái Trần Thanh Thảo	Nữ	23/03/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 7,0	8,0	Giỏi
1808	1521402180022	Bùi Ngọc Phương Thảo	Nữ	29/04/1997	Tây Ninh	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 7,5	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
1809	1522202010029	Huỳnh Thị Ngọc Thảo	Nữ	23/09/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,5	KN03: 10,0	KN07: 7,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1810	1522202010033	Hồ Trần Thanh Thảo	Nữ	24/07/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 6,5	KN05: 8,0	KN07: 8,0	7,5	Khá
1811	1522202010102	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	28/12/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1812	1522202010205	Vũ Thị Thu Thảo	Nữ	26/09/1996	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN05: 7,5	KN06: 8,5	7,5	Khá
1813	1522202010218	Võ Lê Phương Thảo	Nữ	21/12/1997	Tp.Hcm	KN01: 7,5	KN02: 9,5	KN03: 9,0	KN04: 9,5	KN05: 9,0	9,0	Xuất sắc
1814	1522202010221	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	17/12/1997	Gia Lai	KN01: 8,5	KN02: 7,0	KN04: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
1815	1522202010245	Nguyễn Đặng Thanh Thảo	Nữ	22/06/1996	Bình Phước	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1816	1523401010043	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Nữ	00/00/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN09: 7,0	7,5	Khá
1817	1523401010082	Đinh Thu Thảo	Nữ	11/11/1997	Đắk Lắk	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN05: 7,5	KN07: 8,0	KN08: 9,5	8,0	Giỏi
1818	1523401010084	Hà Như Thảo	Nữ	04/08/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN07: 7,0	KN09: 8,5	8,0	Giỏi
1819	1523401010134	Lê Thị Thảo	Nữ	04/05/1997	Thanh Hóa	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 8,5	8,5	Giỏi
1820	1523401010138	Lê Huỳnh Diệu Thảo	Nữ	19/09/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	8,5	Giỏi
1821	1523402010014	Đoàn Thị Thanh Thảo	Nữ	05/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1822	1523402010022	Phạm Võ Kim Thảo	Nữ	01/12/1997	Bình Phước	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN04: 8,5	KN08: 7,0	8,0	Giỏi
1823	1523402010130	Lê Thị Thu Thảo	Nữ	15/09/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN04: 8,0	KN06: 8,5	8,5	Giỏi
1824	1523402010184	Phạm Thị Thu Thảo	Nữ	20/01/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 7,5	KN05: 9,0	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
1825	1523402010191	Đỗ Thị Phương Thảo	Nữ	03/09/1997	Bình Phước	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN06: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1826	1523402010201	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Nữ	15/10/1997	Vũng Tàu	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN06: 8,5	KN08: 8,5	KN09: 9,5	8,5	Giỏi
1827	1523403010061	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	15/01/1997	Hung Yên	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 8,5	7,5	Khá
1828	1523403010076	Ung Thị Kiều Thảo	Nữ	24/09/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 7,5	7,0	Khá
1829	1523403010112	Đỗ Thị Thu Thảo	Nữ	29/08/1997	Cần Thơ	KN01: 6,5	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 7,0	KN07: 7,0	7,0	Khá
1830	1523801010160	Lê Thị Thảo	Nữ	02/09/1996	Thanh Hóa	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 10,0	KN05: 6,0	KN09: 9,5	8,0	Giỏi
1831	1523801010223	Trương Thùy Phương Thảo	Nữ	13/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN04: 9,0	KN06: 7,5	8,5	Giỏi
1832	1523801010314	Lê Thị Thu Thảo	Nữ	20/01/1997	Bình Phước	KN01: 6,5	KN02: 9,5	KN03: 8,5	KN06: 9,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
1833	1524401120049	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	14/05/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,5	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	8,5	Giỏi
1834	1524401120077	Nguyễn Thị Huyền Thảo	Nữ	03/10/1997	Nghệ An	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN06: 7,0	KN08: 9,0	KN10: 6,5	8,0	Giỏi
1835	1524403010018	Hồ Minh Thảo	Nữ	26/07/1997	Đồng Nai	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
1836	1524403010068	Huỳnh Thị Thu Thảo	Nữ	20/08/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
1837	1524801040074	Lương Thị Thu Thảo	Nữ	24/07/1996	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
1838	1525106010023	Trần Thị Thảo	Nữ	25/05/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 7,0	KN06: 6,0	KN10: 7,0	7,0	Khá
1839	1525106010024	Đỗ Thị Ngọc Thảo	Nữ	29/08/1997	An Giang	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN05: 7,5	KN06: 7,0	7,5	Khá
1840	1525106010035	Phạm Thị Thảo	Nữ	26/06/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 7,0	KN05: 7,5	KN06: 9,0	7,5	Khá
1841	1525106010046	Nguyễn Thị Như Thảo	Nữ	22/10/1997	Đắk Lắk	KN01: 6,5	KN02: 9,0	KN03: 7,0	KN05: 7,5	KN06: 8,5	7,5	Khá
1842	1525106010067	Trần Thị Thanh Thảo	Nữ	03/01/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN06: 6,5	KN10: 9,0	7,5	Khá
1843	1525801050002	Võ Thanh Thảo	Nữ	31/07/1996	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN09: 8,0	8,0	Giỏi
1844	1527601010100	Ngô Mai Phương Thảo	Nữ	11/11/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 8,5	KN06: 7,0	KN10: 7,0	7,5	Khá

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1845	1528501010044	Trần Thị Thu Thảo	Nữ	05/12/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 6,5	KN06: 8,0	7,5	Khá
1846	1528501010045	Phan Thanh Thảo	Nữ	05/06/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 7,5	8,0	Giỏi
1847	1528501010046	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Nữ	19/08/1997	Bình Phước	KN01: 8,5	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN06: 8,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1848	1528501010088	Đinh Thị Thanh Thảo	Nữ	27/07/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 10,0	KN05: 8,5	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
1849	1528501010157	Nguyễn Trần Thanh Thảo	Nữ	10/11/1997	Tp. HCM	KN01: 8,5	KN02: 9,5	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	8,5	Giỏi
1850	1621402010192	Huỳnh Thị Ngọc Thảo	Nữ	04/12/1997	Dong Nai	KN02: 8,0	KN04: 7,0	KN08: 8,5	KN09: 9,0	KN10: 7,5	8,0	Giỏi
1851	1621402010193	Lê Xuân Thảo	Nữ	09/01/1998	Bình Dương	KN02: 6,0	KN05: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 6,5	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
1852	1621402020256	Bùi Thị Thanh Thảo	Nữ	06/06/1997	Bình Định	KN02: 9,0	KN03: 10,0	KN05: 7,0	KN08: 7,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1853	1621402020259	Nguyễn Thanh Thảo	Nữ	12/12/1998	Bình Dương	KN02: 9,5	KN05: 7,5	KN06: 9,5	KN08: 7,5	KN10: 5,0	8,0	Giỏi
1854	1621402020263	Nguyễn Thị Mai Thảo	Nữ	13/01/1998	Lâm Đồng	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 6,5	7,5	Khá
1855	1621402020267	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Nữ	12/07/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN05: 5,0	KN06: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1856	1621402020268	Phạm Thị Phương Thảo	Nữ	05/02/1997	Lâm Đồng	KN02: 9,0	KN05: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
1857	1621402020270	Trương Thị Lệ Thảo	Nữ	13/05/1997	Bình Phước	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
1858	1621402020271	Vô Thị Minh Thảo	Nữ	11/04/1998	Tp.HCM	KN02: 8,5	KN05: 10,0	KN06: 9,0	KN08: 8,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
1859	1621402170090	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	25/11/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN08: 6,5	KN09: 9,0	KN10: 7,0	7,5	Khá
1860	1621402170092	Ví Thị Thảo	Nữ	21/06/1997	Đaklak	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
1861	1622202010208	Đỗ Trần Phương Thảo	Nữ	09/08/1998	Bình Dương	KN02: 6,0	KN05: 8,5	KN06: 8,5	KN08: 9,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1862	1622202010211	Nguyễn Bích Thảo	Nữ	01/01/1998	Gia Lai	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1863	1622202010212	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	22/02/1998	Bình Phước	KN02: 6,5	KN06: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1864	1622202010214	Phan Thanh Thảo	Nữ	10/07/1998	Bình Dương	KN02: 6,5	KN06: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1865	1622202010215	Quách Thị Thảo	Nữ	24/10/1998	Ninh Bình	KN02: 6,5	KN06: 9,0	KN07: 8,5	KN08: 10,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
1866	1622202010217	Trương Nguyễn Hiền Thảo	Nữ	11/08/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN07: 8,5	KN08: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1867	1622202010295	Đặng Thị Ngọc Thảo	Nữ	27/05/1998	Bình Dương	KN02: 6,5	KN05: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 8,0	7,5	Khá
1868	1623401010249	Đoàn Thu Thảo	Nữ	31/12/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN06: 6,0	KN07: 8,5	KN08: 8,5	KN10: 7,0	7,5	Khá
1869	1623401010250	Huỳnh Thị Thu Thảo	Nữ	21/03/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN06: 8,5	KN07: 8,5	KN08: 7,5	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
1870	1623401010253	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	11/11/1998	Quảng Ngãi	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 10,0	KN09: 9,0	KN10: 6,0	8,0	Giỏi
1871	1623401010348	Đào Phương Thảo	Nữ	17/10/1998	Hà Tây	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1872	1623402010157	Trần Phương Thảo	Nữ	01/05/1998	Tp.HCM	KN02: 8,0	KN04: 10,0	KN08: 8,5	KN09: 9,5	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
1873	1623403010233	Đặng Thị Thanh Thảo	Nữ	07/01/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 7,5	KN08: 9,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1874	1623403010234	Lê Thị Thu Thảo	Nữ	20/03/1998	Đồng Tháp	KN02: 6,5	KN05: 6,5	KN06: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
1875	1623403010239	Son Thị Thu Thảo	Nữ	04/12/1998	Bình Phước	KN02: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1876	1623403010240	Trần Thị Thạch Thảo	Nữ	22/05/1998	Đaklak	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 9,5	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
1877	1624401120132	Phạm Thị Thanh Thảo	Nữ	08/03/1998	Tp. Hồ Chí Minh	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN08: 10,0	KN09: 9,0	KN10: 7,0	9,0	Xuất sắc
1878	1624601010089	Châu Thị Thanh Thảo	Nữ	28/02/1998	Bình Phước	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 9,5	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
1879	1625106010126	Lê Thị Thu Thảo	Nữ	26/12/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN07: 7,0	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1880	1625801050009	Bùi Thị Minh Thảo	Nữ	03/12/1998	Quảng Ngãi	KN02: 6,0	KN06: 7,5	KN07: 7,5	KN08: 9,0	KN10: 7,5	7,5	Khá
1881	1628501010129	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	1/2/1998	Bình Phước	KN02: 7,0	KN05: 7,5	KN06: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1882	1521402010138	Vô Thị Thắm	Nữ	28/02/1997	Quảng Ngãi	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
1883	1521402010149	Lê Thị Thắm	Nữ	10/10/1996	Hà Tĩnh	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
1884	1521402010211	Nguyễn Thị Hồng Thắm	Nữ	05/03/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN04: 7,0	KN05: 9,0	KN08: 7,5	8,0	Giỏi
1885	1523403010019	Nhữ Thị Thu Thắm	Nữ	25/05/1996	Sông Bé	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 9,0	7,5	Khá
1886	1523403010041	Nguyễn Thị Hồng Thắm	Nữ	06/03/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN04: 8,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
1887	1523801010135	Huỳnh Thị Hồng Thắm	Nữ	12/12/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 7,5	KN06: 7,5	7,5	Khá

Am

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
						KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN04: 7,5	KN05: 9,0		
1888	1523801010185	Đặng Thị Thắm	Nữ	08/02/1997	Bình Định	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN04: 7,5	KN05: 9,0	8,5	Giỏi
1889	1621402010198	Trần Thị Hồng Thắm	Nữ	10/01/1997	Nghệ An	KN02: 7,0	KN05: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 6,5	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
1890	1623402010158	Đinh Thị Thắm	Nữ	01/09/1998	Nghệ An	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN05: 7,5	KN08: 7,5	KN10: 7,0	7,5	Khá
1891	1623801010335	Đậu Thị Hồng Thắm	Nữ	02/02/1998	Hà Tĩnh	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN05: 6,0	KN08: 10,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1892	1625106010170	Trần Ngọc Thắm	Nữ	31/1/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1893	1628501010102	Hà Phúc Hoài Thắm	Nữ	29/11/1998	Tp.Hcm	KN02: 7,0	KN05: 7,5	KN06: 9,0	KN08: 7,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1894	1628501010103	Lê Thị Hồng Thắm	Nữ	02/09/1998	Bình Thuận	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 7,5	KN08: 9,0	KN10: 7,5	8,0	Giỏi
1895	1525802080020	Nguyễn Chiến Thắng	Nam	23/07/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN04: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
1896	1522202040009	Nguyễn Thị Thêm	Nữ	06/09/1992	Sông Bé	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 8,5	KN05: 8,0	KN06: 8,0	7,5	Khá
1897	1521402010032	Nguyễn Thị Mai Thi	Nữ	06/07/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN05: 8,5	KN06: 7,0	8,5	Giỏi
1898	1521402170070	Nguyễn Thị Thanh Thi	Nữ	27/09/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1899	1522202010042	Huỳnh Khánh Thi	Nữ	29/09/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 8,5	KN06: 7,5	KN07: 7,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1900	1523402010095	Trương Thị Kim Thi	Nữ	22/11/1997	Bình Phước	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN06: 7,5	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
1901	1523801010093	Nguyễn Thị Kim Thi	Nữ	17/05/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN06: 9,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
1902	1523801010324	Lương Anh Thi	Nam	02/07/1997	Phủ Yên	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
1903	1621402020273	Đỗ Thị Minh Thi	Nữ	31/08/1997	Bình Thuận	KN02: 7,5	KN03: 10,0	KN06: 9,0	KN08: 6,0	KN10: 7,5	8,0	Giỏi
1904	1522202010159	Nguyễn Sỹ Lộc Thiên	Nam	04/07/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 5,5	KN03: 7,5	KN05: 6,0	KN06: 8,0	7,0	Khá
1905	1523801010238	Lê Thị Hoàng Thiện	Nữ	17/08/1997	Bình Dương	KN01: 6,5	KN02: 7,5	KN03: 8,5	KN05: 7,0	KN09: 8,5	7,5	Khá
1906	1524403010189	Hà Chí Thiện	Nam	13/02/1996	Tây Ninh	KN01: 9,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN07: 8,5	8,0	Giỏi
1907	1623401010261	Võ Minh Thiện	Nam	08/12/1998	Long An	KN02: 6,0	KN03: 9,0	KN05: 8,5	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1908	1623801010343	Phạm Hoàng Thiện	Nam	12/11/1997	Daklak	KN02: 7,5	KN05: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
1909	1521402020109	Nguyễn Thị Ngọc Thiệt	Nữ	26/01/1996	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN07: 7,0	7,5	Khá
1910	1523401010097	Đỗ Văn Thịnh	Nam	20/03/1997	Hải Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 8,5	KN06: 8,0	KN08: 10,0	8,5	Giỏi
1911	1523401010132	Hồ Duy Thịnh	Nam	20/02/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN06: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1912	1525106010078	Trần Tấn Thịnh	Nam	12/02/1997	Bình Dương	KN01: 6,5	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN10: 7,5	7,5	Khá
1913	1525202010121	Vũ Văn Thịnh	Nam	12/05/1997	Đồng Nai	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	KN09: 8,0	8,0	Giỏi
1914	1525802080003	Huỳnh Tiến Thịnh	Nam	24/03/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN04: 9,0	KN05: 5,0	KN08: 8,5	7,5	Khá
1915	1623401010262	Lê Thái Quốc Thịnh	Nam	16/07/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 8,5	KN06: 6,0	KN08: 6,5	KN10: 9,0	7,5	Khá
1916	1523402010101	Phạm Phước Thọ	Nam	16/09/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN09: 9,0	8,0	Giỏi
1917	1525802080006	Nguyễn Thọ	Nam	26/02/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1918	1521402010200	Lê Thị Kim Thoa	Nữ	02/02/1997	Gia Lai	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN05: 7,5	KN06: 7,0	7,5	Khá
1919	1521402170138	Nguyễn Anh Thoa	Nữ	12/01/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 6,0	7,5	Khá
1920	1523403010134	Nguyễn Thị Kim Thoa	Nữ	01/05/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 8,5	KN05: 7,0	KN07: 7,0	7,5	Khá
1921	1621402170094	Ngô Thị Kim Thoa	Nữ	11/05/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN05: 9,5	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
1922	1623801010346	Nguyễn Thị Ngọc Thoa	Nữ	10/02/1997	Bình Định	KN02: 8,5	KN05: 8,5	KN06: 7,0	KN08: 10,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1923	1623801010347	Nguyễn Thị Thoa	Nữ	01/12/1998	Nam Định	KN02: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN09: 9,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
1924	1521402020131	Hoàng Thị Thòa	Nữ	10/02/1997	Bình Phước	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 6,0	KN06: 8,0	7,5	Khá
1925	1521402020232	Nại Nữ Kim Thoại	Nữ	10/06/1996	Ninh Thuận	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN06: 6,0	KN08: 9,5	8,0	Giỏi
1926	1523402010121	Trần Huyền Thoại	Nữ	06/11/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN04: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
1927	1523801010025	Võ Lê Nhật Thông	Nam	25/06/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
1928	1523801010338	Trần Quốc Thông	Nam	15/06/1997	Lâm Đồng	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 8,5	KN07: 8,0	KN08: 6,5	7,5	Khá
1929	1521402010068	Tô Minh Thơ	Nữ	26/02/1996	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 8,5	KN09: 8,0	8,0	Giỏi
1930	1521402010154	Trương Thị Thơ	Nữ	13/09/1997	Bến Tre	KN01: 6,0	KN02: 6,0	KN05: 7,5	KN06: 9,5	KN09: 9,0	7,5	Khá
1931	1521402020008	Nguyễn Thị Kim Thơ	Nữ	05/12/1997	Lâm Đồng	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN04: 7,0	KN05: 8,0	KN07: 7,0	7,5	Khá
1932	1621402180062	Nguyễn Anh Thơ	Nữ	12/07/1998	Tp. Hồ Chí Minh	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 8,5	KN08: 8,0	KN10: 6,0	7,5	Khá

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1933	1622202010223	Phạm Hoàng Thơ	Nữ	17/10/1998	Bình Dương	KN02: 6,5	KN06: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
1934	1623403010245	Vương Thị Thơ	Nữ	02/05/1997	Nghệ An	KN02: 7,0	KN03: 8,5	KN07: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
1935	1521402180043	Nguyễn Thị Thời	Nữ	13/08/1997	Phú Thọ	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN08: 10,0	KN09: 10,0	8,5	Giỏi
1936	1522202040070	Nguyễn Thị Thơm	Nữ	25/11/1997	Nghệ An	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN04: 7,0	KN05: 6,0	7,5	Khá
1937	1521402010027	Đỗ Thị Thu	Nữ	03/01/1997	Nam Định	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 8,0	8,0	Giỏi
1938	1521402010073	Mai Đoàn Cẩm Thu	Nữ	23/06/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN04: 7,0	KN05: 9,5	KN08: 7,0	7,5	Khá
1939	1521402010165	Nguyễn Thị Lệ Thu	Nữ	18/01/1997	Quảng Ngãi	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN03: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 6,0	7,5	Khá
1940	1521402020031	Nguyễn Thị Hồng Thu	Nữ	16/06/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN05: 9,0	KN06: 8,5	9,0	Xuất sắc
1941	1521402020121	Trần Thị Ngọc Thu	Nữ	28/07/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN04: 7,0	KN06: 8,0	7,5	Khá
1942	1523402010016	Nguyễn Thị Linh Thu	Nữ	25/10/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
1943	1523403010170	Nguyễn Thị Thu	Nữ	09/07/1997	Yên Bái	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN04: 8,0	KN07: 8,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
1944	1523801010091	Hoàng Thị Thu	Nữ	03/08/1997	Thanh Hóa	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 7,5	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
1945	1523801010260	Nguyễn Thị Thu	Nữ	07/04/1996	Bình Phước	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN05: 8,5	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
1946	1524403010010	Nguyễn Lê Hoài Thu	Nữ	20/10/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN05: 7,5	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
1947	1528501010177	Nguyễn Thị Thu	Nữ	30/10/1997	Nghệ An	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN04: 8,0	KN06: 6,5	KN08: 7,0	7,5	Khá
1948	1621402010204	Nguyễn Thị Thu	Nữ	02/09/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
1949	1621402020277	Lư Ngọc Thu	Nữ	04/02/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1950	1623402010160	Nguyễn Thị Hoài Thu	Nữ	04/03/1998	Đăklăk	KN02: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN09: 9,5	KN10: 6,5	8,5	Giỏi
1951	1623403010316	Nguyễn Thị Thiện Thu	Nữ	02/03/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN06: 10,0	KN08: 8,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
1952	1624403010059	Đặng Thị Hoài Thu	Nữ	01/09/1998	Bến Tre	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
1953	1522202010110	Trần Phạm Bích Thuận	Nữ	12/08/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 9,5	KN06: 8,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1954	1523801010222	Trần Văn Thuận	Nam	25/09/1995	Bình Phước	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 5,5	KN06: 8,5	7,5	Khá
1955	1525106010020	Nguyễn Thị Bích Thuận	Nữ	21/06/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
1956	1525801050018	Nguyễn Minh Thuận	Nam	23/04/1997	Nghệ An	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN03: 7,0	KN05: 6,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
1957	1528501010122	Nguyễn Hiếu Thuận	Nam	22/05/1997	Tp. HCM	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
1958	1623401010347	Phan Thị Mỹ Thuận	Nữ	20/09/1998	Bình Định	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 7,5	KN08: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1959	1625106010132	Nguyễn Mai Thuận	Nữ	02/09/1998	Bình Định	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN08: 10,0	KN09: 9,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1960	1523402010192	Bùi Thị Minh Thủy	Nữ	31/03/1997	Thái Bình	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 7,5	KN04: 7,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
1961	1528501010008	Nguyễn Ngọc Thủy	Nữ	22/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN05: 6,5	KN06: 8,5	KN07: 7,5	8,0	Giỏi
1962	1523401010051	Trần Thị Thanh Thủy	Nữ	26/12/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN04: 8,5	KN07: 8,0	KN09: 9,0	8,0	Giỏi
1963	1621402010206	Nguyễn Thị Lệ Thủy	Nữ	23/08/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1964	1621402180063	Đỗ Thị Thu Thủy	Nữ	17/04/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1965	1521402020017	Nguyễn Thu Thủy	Nữ	23/02/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN05: 8,5	KN06: 8,0	KN07: 8,0	8,5	Giỏi
1966	1521402020160	Đoàn Thị Thanh Thủy	Nữ	27/12/1996	Lâm Đồng	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN04: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 8,0	7,5	Khá
1967	1521402020214	Trịnh Thị Xuân Thủy	Nữ	25/05/1997	Bình Dương	KN01: 6,5	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN05: 7,5	KN06: 8,0	7,5	Khá
1968	1523801010190	Trần Lê Phương Thủy	Nữ	27/08/1997	Tp. Hồ Chí Minh	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 8,5	KN04: 7,0	KN06: 7,5	7,5	Khá
1969	1524401120110	Vũ Dương Thủy	Nữ	14/03/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
1970	1528501010144	Đặng Thị Thu Thủy	Nữ	04/01/1997	Gia Lai	KN01: 8,5	KN02: 9,5	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	8,5	Giỏi
1971	1621402020279	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	18/01/1998	Quảng Trị	KN02: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 8,5	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1972	1621402180064	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	23/04/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN07: 8,5	KN08: 10,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
1973	1521402010061	Nguyễn Ngọc Như Thủy	Nữ	13/03/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 8,5	KN05: 8,0	KN06: 8,5	KN09: 8,5	8,5	Giỏi
1974	1521402020055	Lê Thị Thủy	Nữ	29/01/1996	Thanh Hóa	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN07: 9,0	8,5	Giỏi
1975	1521402020077	Phạm Thị Thu Thủy	Nữ	10/01/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
1976	1521402020126	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	05/10/1996	Đắk Lắk	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN06: 7,5	KN07: 8,0	7,5	Khá

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1977	1521402020132	Đỗ Hồng Thủy	Nữ	15/05/1997	Bình Thuận	KN01: 6,0	KN02: 7,0	KN04: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 7,5	7,0	Khá
1978	1521402170084	Tô Thị Thủy	Nữ	16/10/1995	Hà Tĩnh	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 6,0	8,0	Giỏi
1979	1521402170146	Trương Hồng Thủy	Nữ	23/02/1997	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 6,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	7,5	Khá
1980	1521402180011	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Nữ	08/04/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN06: 8,5	KN08: 8,5	KN09: 9,5	8,5	Giỏi
1981	1522202010047	Trương Thị Thanh Thủy	Nữ	18/11/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,5	KN03: 8,5	KN06: 7,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1982	1522202010157	Lê Thị Thủy	Nữ	26/08/1997	Thanh Hóa	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN05: 9,0	KN06: 9,0	KN09: 7,5	8,5	Giỏi
1983	1522202010182	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	07/06/1997	Hà Tĩnh	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN06: 8,5	KN07: 7,5	8,0	Giỏi
1984	1522202010209	Phạm Thị Thủy	Nữ	06/08/1996	Bình Phước	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN03: 7,5	KN09: 9,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
1985	1523401010151	Phan Thị Thu Thủy	Nữ	25/09/1997	Bình Thuận	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN06: 8,0	KN07: 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1986	1523402010040	Vương Bích Thủy	Nữ	28/02/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN04: 9,5	KN06: 7,5	KN07: 7,0	8,0	Giỏi
1987	1523402010093	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Nữ	19/01/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN05: 9,0	KN06: 9,0	KN07: 8,0	8,5	Giỏi
1988	1523801010034	Võ Thị Thanh Thủy	Nữ	08/06/1996	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 6,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
1989	1523801010082	Trần Thị Thanh Thủy	Nữ	15/10/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 8,5	KN03: 8,5	KN04: 8,5	KN06: 9,5	9,0	Xuất sắc
1990	1523801010303	Lê Thị Thủy	Nữ	18/01/1996	Thanh Hóa	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	7,5	Khá
1991	1524401120104	Bùi Thị Thu Thủy	Nữ	17/04/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
1992	1524403010023	Hồ Thu Thủy	Nữ	11/01/1996	Bạc Liêu	KN01: 6,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 7,5	KN09: 9,0	8,0	Giỏi
1993	1528501010094	Hồ Thanh Thủy	Nữ	02/02/1997	Bình Phước	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN04: 8,0	KN06: 9,5	KN08: 10,0	8,5	Giỏi
1994	1528501010173	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Nữ	17/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN09: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1995	1621402010211	Phan Thị Thu Thủy	Nữ	06/08/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 10,0	KN05: 9,5	KN08: 7,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1996	1621402020280	Đinh Thị Thủy	Nữ	13/10/1998	Đaklak	KN02: 8,5	KN05: 7,0	KN06: 8,5	KN08: 8,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1997	1621402020281	Lê Thị Thủy	Nữ	20/04/1998	Thanh Hóa	KN02: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 8,0	KN10: 6,5	7,5	Khá
1998	1621402020284	Nguyễn Thị Lệ Thủy	Nữ	29/07/1998	Lâm Đồng	KN02: 7,5	KN05: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 6,5	KN10: 7,5	7,5	Khá
1999	1621402020285	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Nữ	16/08/1996	Tp.Hcm	KN01: 7,5	KN05: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
2000	1623102050086	Huỳnh Thị Thanh Thủy	Nữ	09/05/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 7,5	KN07: 7,5	KN08: 9,5	KN10: 7,0	7,5	Khá
2001	1623403010249	Hạ Thị Thanh Thủy	Nữ	28/04/1998	Thanh Hóa	KN02: 6,0	KN05: 7,5	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 7,0	7,5	Khá
2002	1623801010357	Trần Thị Như Thủy	Nữ	06/01/1996	Đồng Nai	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
2003	1625106010133	Dương Ngọc Thủy	Nữ	01/12/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 8,5	KN08: 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
2004	1628501010106	Hoàng Nguyễn Thu Thủy	Nữ	13/10/1998	Đaklak	KN02: 6,0	KN05: 6,0	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 7,0	7,0	Khá
2005	1521402010113	Trương Thị Thủy	Nữ	09/11/1996	Thanh Hóa	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN04: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
2006	1521402020038	Nguyễn Thị Phương Thủy	Nữ	11/07/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN04: 7,5	KN06: 8,5	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
2007	1521402020137	Nguyễn Thị Cẩm Thủy	Nữ	07/01/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN04: 7,0	KN05: 8,5	8,0	Giỏi
2008	1521402020141	Lê Thị Cẩm Thủy	Nữ	09/12/1997	Đồng Nai	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN04: 7,0	KN05: 8,5	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
2009	1521402170061	Lê Thị Thanh Thủy	Nữ	06/03/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
2010	1522202010015	Đỗ Thị Thanh Thủy	Nữ	23/04/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN06: 7,5	KN08: 7,0	8,0	Giỏi
2011	1522202010098	Đặng Minh Thủy	Nữ	28/02/1997	Vũng Tàu	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN06: 8,5	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
2012	1523401010095	Ngô Thị Diễm Thủy	Nữ	27/12/1996	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN07: 7,0	KN09: 9,0	8,0	Giỏi
2013	1523401010209	Nguyễn Ngọc Minh Thủy	Nữ	14/01/1996	Ninh Thuận	KN01: 6,5	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN07: 7,0	KN10: 7,0	7,5	Khá
2014	1523801010318	Lê Thị Thanh Thủy	Nữ	26/01/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 6,5	KN07: 7,5	KN08: 9,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
2015	1524403010108	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Nữ	26/11/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 10,0	8,5	Giỏi
2016	1621402020288	Lê Thị Thu Thủy	Nữ	07/01/1998	Quảng Ngãi	KN02: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 8,5	KN08: 8,0	KN10: 6,5	7,5	Khá
2017	1621402020289	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Nữ	17/02/1998	Đồng Nai	KN02: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 6,5	KN10: 7,5	7,5	Khá
2018	1621402020291	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	14/09/1998	Thái Bình	KN02: 6,0	KN05: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
2019	1622202010229	Hoàng Thị Thanh Thủy	Nữ	12/12/1998	Bình Định	KN02: 7,0	KN06: 8,5	KN07: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
2020	1623401010276	Phạm Thị Thanh Thủy	Nữ	04/10/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 8,0	KN09: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi

Am

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
2021	1623402010167	Nguyễn Thị Thu Thủy	Nữ	02/02/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN08: 7,5	KN09: 8,5	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
2022	1623403010253	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	Nữ	02/03/1997	Quảng Bình	KN02: 7,0	KN05: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
2023	1623801010358	Đàm Mộng Thủy	Nữ	01/04/1998	Cần Thơ	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN08: 7,5	KN09: 9,5	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
2024	1623801010359	Vũ Thị Thủy	Nữ	04/05/1996	Thái Bình	KN02: 7,0	KN05: 6,5	KN06: 9,0	KN08: 7,0	KN10: 5,5	7,0	Khá
2025	1521402020051	Hứa Vũ Hải Thủy	Nữ	10/01/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 6,5	KN03: 8,0	KN05: 8,5	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
2026	1523403010164	Vương Thị Thuý	Nữ	03/07/1995	Nghệ An	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 5,0	KN04: 8,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
2027	1623401010277	Trần Thị Ngọc Thuý	Nữ	20/04/1998	Bình Định	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN08: 8,0	KN09: 8,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
2028	1623801010360	Nguyễn Thị Mỹ Thuý	Nữ	09/05/1998	Quảng Ngãi	KN02: 7,0	KN05: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 5,0	7,5	Khá
2029	1521402020180	Nguyễn Minh Thư	Nữ	26/01/1997	Bình Thuận	KN01: 7,5	KN02: 9,5	KN03: 8,0	KN05: 6,0	KN09: 9,5	8,0	Giỏi
2030	1521402020201	Trần Hoàng Thư	Nữ	21/12/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,5	KN03: 9,5	KN04: 7,0	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
2031	1521402020274	Lê Nguyễn Anh Thư	Nữ	26/10/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	8,5	Giỏi
2032	1522202010012	Lê Hoàng Anh Thư	Nữ	20/12/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 6,5	KN03: 6,5	KN05: 8,0	KN07: 8,0	7,5	Khá
2033	1522202010210	Bùi Ngọc Anh Thư	Nữ	08/10/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN05: 8,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
2034	1523401010175	Võ Thị Thư	Nữ	16/03/1997	Phú Yên	KN01: 7,0	KN02: 6,0	KN07: 7,5	KN09: 7,5	KN10: 10,0	7,5	Khá
2035	1523402010076	Nguyễn Phong Hoài Thư	Nữ	27/04/1997	Đăklăk	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN06: 7,5	KN07: 7,0	8,0	Giỏi
2036	1523402010088	Trương Thị Minh Thư	Nữ	30/12/1997	Bình Dương	KN01: 6,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN06: 7,5	KN07: 7,0	7,5	Khá
2037	1523801010065	Nguyễn Minh Thư	Nữ	10/10/1996	Sông Bé	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 7,5	KN05: 8,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
2038	1523801010220	Tăng Thị Anh Thư	Nữ	05/11/1996	Bình Phước	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 9,0	8,5	Giỏi
2039	1524401120046	Phan Anh Thư	Nữ	22/01/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 7,5	KN07: 7,0	7,5	Khá
2040	1524401120119	Âu Hồng Ánh Thư	Nữ	21/03/1997	Quảng Ngãi	KN01: 8,5	KN02: 7,0	KN03: 8,5	KN05: 5,0	KN06: 8,0	7,5	Khá
2041	1621402020293	Nguyễn Thị Minh Thư	Nữ	25/03/1998	Đaklak	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 8,5	KN08: 7,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
2042	1621402020296	Trần Thị Minh Thư	Nữ	14/08/1997	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 8,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
2043	1622202010230	Nguyễn Thị Minh Thư	Nữ	17/07/1998	Phú Yên	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
2044	1622202040072	Nguyễn Kiều Minh Thư	Nữ	28/06/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 6,5	KN08: 7,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
2045	1622202040073	Võ Hoàng Minh Thư	Nữ	07/11/1998	Tiền Giang	KN02: 8,0	KN05: 6,5	KN07: 8,5	KN08: 7,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
2046	1623402010220	Lê Nhựt Anh Thư	Nữ	27/06/1998	Tây Ninh	KN02: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN09: 8,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
2047	1623801010361	Đào Vũ Anh Thư	Nữ	14/04/1998	Bình Phước	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN06: 7,5	KN08: 9,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
2048	1624401120139	Hồ Anh Thư	Nữ	11/12/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN08: 10,0	KN09: 10,0	KN10: 7,5	8,5	Giỏi
2049	1625106010137	Nguyễn Tuyền Vân Thư	Nữ	17/10/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 8,5	KN08: 9,0	KN09: 10,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
2050	1522202010130	Võ Duy Thức	Nam	24/03/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN08: 9,5	8,5	Giỏi
2051	1521402010111	Phạm Thị Hoài Thương	Nữ	10/06/1997	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN05: 6,0	KN06: 9,5	KN08: 8,0	7,5	Khá
2052	1521402020200	Trần Kim Thương	Nữ	15/06/1995	Tp.Hcm	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN05: 7,5	KN06: 8,5	8,5	Giỏi
2053	1521402020248	Trần Thị Thương	Nữ	01/10/1997	Quảng Bình	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN05: 6,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
2054	1521402020251	Đặng Thị Thương	Nữ	23/09/1997	Tuyên Quang	KN01: 9,0	KN02: 8,5	KN04: 7,0	KN05: 9,0	KN06: 8,0	8,5	Giỏi
2055	1521402020276	Lâm Thị Thương	Nữ	22/01/1997	Quảng Ngãi	KN01: 9,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
2056	1521402170125	Lê Thị Ngọc Thương	Nữ	03/07/1997	Bình Định	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN06: 8,0	KN09: 8,0	8,0	Giỏi
2057	1521402170137	Mai Thị Hoài Thương	Nữ	29/09/1997	Bình Phước	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN04: 7,5	KN05: 8,0	KN09: 8,0	8,0	Giỏi
2058	1521402170148	Cao Thị Thương	Nữ	10/09/1996	Bình Phước	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN04: 7,5	KN05: 7,5	KN09: 7,5	8,0	Giỏi
2059	1522202010223	Trần Thị Hoài Thương	Nữ	09/08/1997	Ninh Thuận	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN04: 9,0	KN05: 6,0	7,5	Khá
2060	1523402010028	Trịnh Nguyễn Kim Thương	Nữ	05/08/1994	Tp. Hồ Chí Minh	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN07: 7,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
2061	1523801010258	Lương Thị Thương	Nữ	20/11/1997	Kon Tum	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
2062	1523801010292	Nguyễn Thị Mỹ Thương	Nữ	03/12/1996	Bình Thuận	KN01: 7,0	KN02: 6,5	KN05: 6,0	KN06: 9,0	KN07: 8,0	7,5	Khá
2063	1524401120136	Nguyễn Thị Hoài Thương	Nữ	03/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN04: 9,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi

AT



STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
						KN01: 6,0	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 7,0		
2064	1524403010017	Trần Hoài Thương	Nữ	18/07/1997	Bình Dương	KN01: 6,0	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
2065	1524403010129	Hồ Thị Hoài Thương	Nữ	07/02/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN05: 6,5	KN06: 9,0	8,5	Giỏi
2066	1528501010174	Hồ Sỹ Thương	Nam	28/05/1996	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN09: 6,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
2067	1621402020298	Ngô Thị Thương	Nữ	12/12/1998	Gia Lai	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN05: 7,5	KN08: 9,0	KN10: 6,0	8,0	Giỏi
2068	1621402020299	Nguyễn Đỗ Minh Thương	Nam	26/05/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
2069	1621402180065	Nguyễn Thị Diệp Thương	Nữ	22/09/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
2070	1622202010238	Trần Phạm Thùy Thương	Nữ	22/04/1998	Đồng Nai	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN08: 9,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
2071	1622202040075	Phan Thị Hoài Thương	Nữ	02/01/1998	Bình Phước	KN02: 8,5	KN04: 7,5	KN07: 8,5	KN08: 10,0	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
2072	1622202040103	Ngô Thị Thương	Nữ	18/06/1997	Đaklak	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 6,0	KN08: 7,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
2073	1623403010261	Đào Thị Thương	Nữ	12/10/1998	Nam Định	KN02: 9,0	KN05: 6,0	KN06: 9,0	KN08: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
2074	1624401120140	Nguyễn Quyền Thương	Nữ	16/03/1998	Bình Định	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN08: 8,5	KN09: 9,0	KN10: 6,5	8,0	Giỏi
2075	1628501010107	Nguyễn Thanh Thương	Nữ	12/07/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
2076	1524801030015	Nguyễn Thị Mộng Thương	Nữ	28/06/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN06: 8,0	KN10: 7,5	8,0	Giỏi
2077	1523403010004	Phan Đoàn Uyên Thy	Nữ	16/03/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 8,5	KN04: 8,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
2078	1523403010096	Võ Hoàng Thy	Nữ	08/11/1997	Tp Hồ Chí Minh	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN03: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
2079	1523801010243	Nguyễn Thị Kim Thy	Nữ	25/05/1997	Bình Dương	KN01: 6,5	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN04: 8,0	KN10: 9,0	7,5	Khá
2080	1621402010218	Lê Thị Mai Thy	Nữ	02/07/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN04: 8,0	KN05: 6,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
2081	1623402010172	Nguyễn Hoàng Mai Thy	Nữ	17/11/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
2082	1623801010371	Lê Thị Anh Thy	Nữ	15/05/1998	Bình Thuận	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 10,0	KN09: 9,0	KN10: 7,5	8,5	Giỏi
2083	1624401120143	Nguyễn Mai Thy	Nữ	13/09/1998	Tp. Hồ Chí Minh	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 7,5	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
2084	1521402010052	Lý Thị Thanh Trà	Nữ	15/01/1997	Bến Tre	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 7,0	7,5	Khá
2085	1522202040077	Trần Thị Trà	Nữ	20/06/1996	Nghệ An	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN06: 8,0	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
2086	1523402010065	Trần Thị Ngọc Trà	Nữ	23/10/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN07: 7,5	8,0	Giỏi
2087	1524401120057	Cao Thị Hoài Trà	Nữ	24/12/1996	Sông Bé	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 7,0	KN06: 9,0	KN07: 7,0	7,5	Khá
2088	1525802080008	Lê Anh Trà	Nam	24/04/1997	Đồng Nai	KN01: 8,5	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN07: 7,0	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
2089	1521402010024	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	24/05/1996	Đồng Nai	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 8,0	8,0	Giỏi
2090	1521402010030	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	10/12/1997	Tp.Hcm	KN01: 6,5	KN02: 6,5	KN03: 10,0	KN06: 7,0	KN08: 8,5	7,5	Khá
2091	1521402010036	Trần Thị Thanh Trang	Nữ	30/12/1996	Bình Dương	KN01: 6,5	KN02: 7,0	KN03: 8,5	KN08: 9,0	KN09: 10,0	8,0	Giỏi
2092	1521402010040	Hoàng Thị Quỳnh Trang	Nữ	11/09/1996	Nghệ An	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN05: 6,5	KN06: 7,0	7,5	Khá
2093	1521402010125	Hoàng Thị Hoài Trang	Nữ	09/07/1997	Gia Lai	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 7,5	KN05: 9,0	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
2094	1521402010164	Trương Thùy Trang	Nữ	01/11/1997	Quảng Ngãi	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 7,0	KN05: 7,5	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
2095	1521402010177	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Nữ	19/10/1997	Gia Lai	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN08: 7,5	KN09: 9,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
2096	1521402010202	Đậu Thị Trang	Nữ	01/03/1997	Hà Tĩnh	KN01: 7,0	KN02: 6,0	KN05: 5,0	KN06: 6,0	KN08: 9,0	6,5	Trung bình khá
2097	1521402020014	Đào Mai Trang	Nữ	24/12/1997	Bình Phước	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 8,0	KN07: 8,5	8,0	Giỏi
2098	1521402020030	Nguyễn Thị Bảo Trang	Nữ	17/08/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN04: 7,0	KN05: 9,0	KN06: 9,0	8,5	Giỏi
2099	1521402020053	Nguyễn Thị Vân Trang	Nữ	10/12/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN05: 9,0	KN09: 8,5	8,5	Giỏi
2100	1521402020080	Lê Thị Huyền Trang	Nữ	16/09/1997	Bình Dương	KN01: 6,5	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 8,5	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
2101	1521402020105	Lý Kim Trang	Nữ	18/06/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	7,5	Khá
2102	1521402020118	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	26/12/1996	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
2103	1521402020124	Trần Thị Minh Trang	Nữ	20/03/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 7,5	KN03: 10,0	KN04: 9,0	KN06: 7,5	8,5	Giỏi
2104	1521402020145	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	05/08/1997	Quảng Ngãi	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN04: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
2105	1521402020155	Hoàng Thị Trang	Nữ	18/04/1997	Gia Lai	KN01: 9,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
2106	1521402020167	Nguyễn Thị Trang	Nữ	20/07/1996	Lâm Đồng	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN04: 7,5	KN05: 6,0	KN06: 8,5	7,5	Khá
2107	1521402020240	Đoàn Thị Phương Trang	Nữ	27/09/1997	Bình Phước	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	8,5	Giỏi

*Am*

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					DTB	Xếp loại
2108	1521402020254	Phan Thị Trang	Nữ	15/03/1996	Đăklák	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN05: 6,5	KN06: 7,0	7,5	Khá
2109	1521402170033	Nguyễn Thị Trang	Nữ	26/05/1997	Đák Lák	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 10,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	8,5	Giỏi
2110	1521402170085	Nguyễn Thị Phương Trang	Nữ	22/11/1996	Quảng Ngãi	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN05: 7,5	KN06: 7,5	KN10: 9,0	7,5	Khá
2111	1522202010014	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	10/06/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
2112	1522202010061	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	16/11/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN04: 7,0	KN06: 8,0	7,5	Khá
2113	1522202040032	Tô Thị Thùy Trang	Nữ	02/06/1997	Tp. Hồ Chí Minh	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN04: 7,0	KN05: 10,0	KN09: 9,5	8,5	Giỏi
2114	1523401010011	Đỗ Thị Trang	Nữ	19/08/1997	Thanh Hóa	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 10,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
2115	1523401010150	Phạm Thị Thùy Trang	Nữ	18/01/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN06: 8,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
2116	1523401010226	Nguyễn Thị Trang	Nữ	01/11/1997	Thanh Hóa	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN08: 10,0	8,5	Giỏi
2117	1523402010080	Đoàn Thị Thùy Trang	Nữ	20/07/1997	Bình Dương	KN01: 6,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN06: 7,0	KN07: 7,0	7,5	Khá
2118	1523402010143	Trần Thị Hồng Trang	Nữ	03/07/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
2119	1523403010012	Trần Thị Thùy Trang	Nữ	15/05/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN04: 8,0	KN05: 6,0	8,0	Giỏi
2120	1523403010099	Nguyễn Thị Kim Trang	Nữ	12/09/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN08: 8,5	KN09: 9,5	8,5	Giỏi
2121	1523403010107	Nguyễn Ngọc Trang	Nữ	03/01/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
2122	1523403010161	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	08/12/1997	Gia Lai	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN04: 8,0	KN06: 6,0	7,0	Khá
2123	1523403010183	Lê Thị Trang	Nữ	18/04/1997	Thanh Hóa	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 7,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
2124	1523403010191	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	02/10/1997	Đồng Tháp	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN06: 7,0	KN08: 8,0	KN10: 7,0	7,5	Khá
2125	1523801010109	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	07/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN06: 8,0	KN09: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
2126	1523801010120	Lê Thị Trang	Nữ	03/07/1996	Thanh Hóa	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
2127	1523801010171	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	09/05/1997	Lâm Đồng	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 8,5	7,5	Khá
2128	1524401120002	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Nữ	20/04/1997	Lâm Đồng	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 6,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	7,5	Khá
2129	1524401120053	Đỗ Lý Thu Trang	Nữ	03/03/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN06: 7,0	KN08: 10,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
2130	1524401120106	Đoàn Ngọc Minh Trang	Nữ	08/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN04: 8,5	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
2131	1524403010004	Lý Thị Nguyễn Trang	Nữ	30/01/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 7,5	KN04: 7,5	KN06: 8,5	KN08: 9,0	8,5	Giỏi
2132	1524403010074	Trần Thị Phương Trang	Nữ	09/07/1997	Bình Dương	KN01: 6,5	KN02: 7,5	KN05: 5,5	KN06: 8,5	KN07: 8,0	7,0	Khá
2133	1524403010104	Trần Thị Mỹ Trang	Nữ	14/12/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN05: 8,5	KN06: 9,0	8,5	Giỏi
2134	1525106010107	Nguyễn Thị Trang	Nữ	10/05/1997	Thái Nguyên	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN04: 7,5	KN05: 6,5	KN06: 8,0	7,5	Khá
2135	1527601010052	Phạm Thị Thùy Trang	Nữ	01/12/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
2136	1621401010048	Thái Thùy Trang	Nữ	14/06/1997	Bình Dương	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN06: 7,5	KN07: 8,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
2137	1621402020302	Bùi Thị Thùy Trang	Nữ	04/09/1998	Đăklák	KN02: 6,0	KN05: 7,5	KN06: 9,5	KN08: 7,5	KN10: 8,0	7,5	Khá
2138	1621402020303	Đinh Thị Trang	Nữ	25/02/1997	Thanh Hóa	KN02: 8,5	KN03: 8,5	KN05: 7,5	KN08: 8,5	KN10: 6,0	8,0	Giỏi
2139	1621402020304	Hoàng Thị Thùy Trang	Nữ	14/02/1998	Thái Bình	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN05: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 6,0	8,0	Giỏi
2140	1621402020307	Lê Thị Thùy Trang	Nữ	17/09/1998	Tp.Hcm	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN08: 8,5	KN09: 10,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
2141	1621402020309	Nguyễn Thị Ngọc Trang	Nữ	22/09/1998	Đồng Nai	KN02: 9,5	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 7,0	8,5	Giỏi
2142	1622202010249	Lê Thị Thuỳ Trang	Nữ	17/08/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
2143	1622202010251	Lưu Huyền Trang	Nữ	05/03/1998	Bình Định	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN08: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
2144	1622202010252	Lưu Thị Huyền Trang	Nữ	03/02/1998	Nam Định	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
2145	1623102050088	Võ Thủy Trang	Nữ	31/10/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 10,0	KN08: 9,0	KN10: 7,0	8,5	Giỏi
2146	1623401010287	Huỳnh Minh Trang	Nữ	16/04/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 7,5	KN08: 8,0	KN09: 8,0	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
2147	1623401010292	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	20/08/1998	Tây Ninh	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 7,5	8,5	Giỏi
2148	1623403010268	Dương Quỳnh Trang	Nữ	05/09/1997	Hà Tĩnh	KN02: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 9,0	KN08: 9,5	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
2149	1623403010269	Đỗ Thị Huyền Trang	Nữ	06/02/1998	Gia Lai	KN02: 9,0	KN05: 6,5	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 7,5	8,0	Giỏi
2150	1623801010373	Đặng Thị Thu Trang	Nữ	10/08/1998	Bình Phước	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 7,5	8,5	Giỏi

*Handwritten signature*

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
2151	1623801010377	Hoàng Thị Thu Trang	Nữ	03/01/1998	Daklak	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN07: 6,0	KN08: 7,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
2152	1623801010385	Nguyễn Thị Thủy Trang	Nữ	27/06/1998	Đồng Nai	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 10,0	KN09: 10,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
2153	1623801010389	Phan Thị Thủy Trang	Nữ	16/08/1998	Đồng Tháp	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN06: 6,5	KN08: 9,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
2154	1623801010390	Trịnh Thị Huyền Trang	Nữ	13/03/1998	Nam Định	KN02: 6,5	KN03: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 7,0	KN10: 5,5	7,5	Khá
2155	1624202030011	Trương Thị Thủy Trang	Nữ	03/09/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN08: 9,0	KN09: 9,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
2156	1624401120146	Luong Thị Thu Trang	Nữ	03/02/1997	Hà Nam	KN02: 7,0	KN06: 6,5	KN07: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
2157	1624401120147	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	01/10/1998	Thai Nguyên	KN02: 7,0	KN06: 5,0	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
2158	1521401010014	Nguyễn Trần Ngọc Trâm	Nữ	06/09/1995	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN04: 7,5	KN06: 9,5	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
2159	1521402010006	Lê Thị Bích Trâm	Nữ	13/02/1997	Đồng Nai	KN01: 6,5	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN04: 8,0	KN05: 7,0	7,5	Khá
2160	1521402010042	Nguyễn Thị Châu Trâm	Nữ	09/06/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN06: 8,5	KN09: 7,5	8,0	Giỏi
2161	1521402020035	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Nữ	30/03/1996	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN06: 8,5	KN07: 8,5	KN08: 9,5	9,0	Xuất sắc
2162	1521402020046	Nguyễn Thị Bích Trâm	Nữ	30/04/1997	Đồng Nai	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	8,5	Giỏi
2163	1521402020059	Nào Nữ Thắm Thủy Trâm	Nữ	10/02/1997	Ninh Thuận	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
2164	1521402020139	Nguyễn Trần Thanh Duy Trâm	Nữ	20/07/1997	Đồng Nai	KN01: 8,5	KN02: 8,5	KN03: 9,0	KN05: 6,0	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
2165	1521402020151	Nguyễn Thị Trâm	Nữ	12/12/1995	Đăklăk	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN07: 7,5	8,0	Giỏi
2166	1521402180083	Thái Thị Thu Trâm	Nữ	08/03/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN07: 9,0	KN08: 9,0	8,5	Giỏi
2167	1522202010128	Phan Thị Ngọc Trâm	Nữ	23/08/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
2168	1522202010131	Trương Ngọc Trâm	Nữ	11/05/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 7,5	KN10: 6,5	7,5	Khá
2169	1522202010143	Trần Ngọc Trâm	Nữ	31/07/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
2170	1522202010170	Mai Hoàng Huế Trâm	Nữ	10/08/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 7,0	KN03: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 8,5	7,5	Khá
2171	1522202040026	Nguyễn Thị Bích Trâm	Nữ	03/08/1997	Bình Dương	KN01: 6,0	KN02: 7,5	KN03: 8,5	KN04: 7,5	KN06: 8,0	7,5	Khá
2172	1522202040080	Trương Ngọc Trâm	Nữ	11/09/1997	Bình Phước	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN04: 8,0	KN06: 8,5	8,5	Giỏi
2173	1522202040081	Nguyễn Thị Kiều Trâm	Nữ	06/11/1997	Thái Bình	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN04: 9,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
2174	1523403010040	Nguyễn Ngọc Trâm	Nữ	27/07/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	KN07: 7,5	8,0	Giỏi
2175	1523801010066	Nguyễn Thị Bích Trâm	Nữ	22/07/1997	Bình Phước	KN01: 9,0	KN02: 8,5	KN04: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
2176	1523801010096	Trần Ngọc Thủy Trâm	Nữ	03/09/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN03: 10,0	KN05: 7,0	KN06: 7,0	8,5	Giỏi
2177	1524403010011	Nguyễn Thị Thanh Trâm	Nữ	03/02/1997	Tp. Hcm	KN01: 9,0	KN02: 8,5	KN04: 7,5	KN06: 8,5	KN08: 9,5	8,5	Giỏi
2178	1524801030046	Nguyễn Ngọc Trâm	Nữ	02/10/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN04: 7,0	KN06: 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
2179	1525801050062	Bồ Thị Ngọc Trâm	Nữ	17/01/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
2180	1525802080030	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Nữ	13/01/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 6,0	8,0	Giỏi
2181	1621402020316	Huỳnh Thị Ngọc Trâm	Nữ	31/03/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN08: 7,0	KN09: 9,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
2182	1621402020319	Phan Thị Bích Trâm	Nữ	20/07/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN08: 8,0	KN09: 9,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
2183	1621402020320	Vũ Thị Huyền Trâm	Nữ	16/09/1997	Thái Bình	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN08: 8,5	KN09: 10,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
2184	1622202010262	Lê Phan Huỳnh Trâm	Nữ	02/11/1998	Tây Ninh	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
2185	1622202040077	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Nữ	04/11/1997	Quảng Trị	KN02: 7,5	KN03: 7,0	KN05: 7,5	KN08: 7,5	KN10: 8,5	7,5	Khá
2186	1623402010176	Nguyễn Thị Trâm	Nữ	05/03/1998	Phú Yên	KN02: 8,0	KN06: 7,0	KN08: 9,0	KN09: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
2187	1624403010073	Trần Thị Bích Trâm	Nữ	20/3/1998	Bình Định	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN07: 8,5	KN08: 10,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
2188	1624601010100	Lê Trần Hồng Trâm	Nữ	26/01/1998	Tp. Hồ Chí Minh	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 9,5	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
2189	1521402010091	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Nữ	21/04/1997	Đầu Tiếng	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN04: 7,0	KN05: 9,0	KN08: 7,5	8,0	Giỏi
2190	1521402020130	Đàng Thị Kim Trâm	Nữ	04/05/1997	Ninh Thuận	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN04: 8,0	KN06: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
2191	1523401010197	Phan Thị Ngọc Trâm	Nữ	02/01/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN05: 7,5	KN06: 8,0	7,5	Khá
2192	1621402010234	Nguyễn Lê Ngọc Trâm	Nữ	30/03/1998	Đồng Nai	KN02: 8,0	KN04: 8,0	KN05: 6,0	KN08: 10,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
2193	1521401010025	Lê Thị Khánh Trâm	Nữ	28/10/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 10,0	KN04: 7,0	KN06: 9,0	KN07: 7,5	8,5	Giỏi

Am

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
2194	1521402020064	Nguyễn Chánh Trần Trần	Nữ	25/11/1995	An Giang	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 7,0	7,0	Khá
2195	1522202010139	Lê Bảo Trần	Nữ	13/10/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 6,0	KN03: 9,0	KN05: 7,5	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
2196	1523401010182	Huỳnh Thị Ngọc Trần	Nữ	09/10/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN07: 7,0	KN09: 9,0	8,5	Giỏi
2197	1525106010076	Nguyễn Thị Tô Trần	Nữ	29/07/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,5	KN03: 6,5	KN04: 7,5	KN05: 6,0	7,0	Khá
2198	1525801020022	Dương Bùi Ngọc Trần	Nữ	02/03/1997	Kiên Giang	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN07: 8,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
2199	1621402010237	Nguyễn Thị Bảo Trần	Nữ	09/07/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN04: 8,0	KN05: 7,0	KN08: 10,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
2200	1623401010342	Lê Thị Ngọc Trần	Nữ	19/02/1998	Long An	KN02: 8,0	KN06: 7,0	KN07: 8,5	KN08: 7,5	KN10: 6,0	7,5	Khá
2201	1623401010346	Nguyễn Vũ Huyền Trần	Nữ	11/06/1998	Tp.Hcm	KN02: 7,5	KN05: 9,5	KN06: 8,5	KN08: 9,5	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
2202	1527601010115	Nguyễn Quốc Trí	Nam	08/02/1996	Bến Tre	KN01: 8,0	KN02: 10,0	KN05: 5,0	KN06: 8,5	KN09: 8,5	8,0	Giỏi
2203	1523402010051	Trần Quang Trí	Nam	30/03/1997	Tp. Hcm	KN01: 9,0	KN02: 6,5	KN05: 8,5	KN07: 7,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
2204	1523801010267	Phan Minh Trí	Nam	24/09/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN04: 5,5	KN06: 8,0	KN08: 9,0	7,5	Khá
2205	1524401120169	Nguyễn Nhật Trí	Nam	18/05/1995	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 7,5	KN05: 9,0	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
2206	1524403010150	Nguyễn Hoàng Trí	Nam	13/05/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN07: 9,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
2207	1623102050091	Ngô Minh Trí	Nam	04/01/1997	Tp.Hcm	KN02: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 7,5	KN08: 7,5	KN10: 8,0	7,5	Khá
2208	1623401010297	Nguyễn Hoàng Minh Trí	Nam	20/04/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 8,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
2209	1624401120150	Thái Minh Trí	Nam	19/11/1997	Bình Dương	KN02: 6,0	KN05: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
2210	1628501010115	Thái Minh Trí	Nam	19/05/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN05: 6,0	KN06: 7,0	KN08: 10,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
2211	1521401010002	Bùi Ngọc Triệu	Nữ	06/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN04: 7,0	KN06: 9,0	KN07: 7,0	8,0	Giỏi
2212	1523402010098	Lý Triệu	Nam	10/04/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN04: 7,5	KN06: 6,5	8,0	Giỏi
2213	1521402010012	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	Nữ	28/04/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 6,5	KN03: 10,0	KN06: 7,5	KN08: 8,0	8,0	Giỏi
2214	1521402010018	Nguyễn Thị Thu Trinh	Nữ	26/04/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN04: 7,0	KN05: 7,5	8,0	Giỏi
2215	1521402010108	Ngô Thị Ngọc Trinh	Nữ	26/06/1997	Bình Phước	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN03: 10,0	KN05: 7,0	KN06: 8,5	8,5	Giỏi
2216	1521402010174	Cao Ngọc Phương Trinh	Nữ	10/03/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN04: 9,5	KN05: 7,0	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
2217	1521402020010	Nguyễn Ngọc Diệu Trinh	Nữ	07/12/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN05: 8,5	KN09: 8,0	8,0	Giỏi
2218	1521402020023	Võ Thị Trinh	Nữ	17/10/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN04: 7,5	KN06: 8,5	KN07: 8,5	8,0	Giỏi
2219	1521402020048	Nguyễn Tố Trinh	Nữ	09/11/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 7,5	KN04: 9,5	KN05: 8,0	8,0	Giỏi
2220	1521402020086	Trà Thị Lệ Trinh	Nữ	25/08/1997	Tây Ninh	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN05: 6,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
2221	1521402020120	Trịnh Thị Thanh Trinh	Nữ	29/11/1996	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN04: 9,0	KN06: 7,5	8,5	Giỏi
2222	1521402020144	Lê Thị Tuyết Trinh	Nữ		Quảng Ngãi	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN04: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
2223	1521402020231	Võ Thị Kiều Trinh	Nữ	30/01/1997	Đăklăk	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 10,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	8,5	Giỏi
2224	1521402170024	Phan Thanh Trinh	Nữ	09/07/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 7,0	KN03: 8,5	KN04: 7,0	KN05: 8,0	8,0	Giỏi
2225	1521402170114	Nguyễn Thị Lệ Trinh	Nữ	21/03/1997	Bình Định	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN05: 8,0	KN07: 7,5	KN09: 8,5	8,5	Giỏi
2226	1521402170139	Phạm Thị Trinh Trinh	Nữ	24/11/1997	Bình Phước	KN01: 9,0	KN02: 7,0	KN03: 7,0	KN05: 9,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
2227	1522202010164	Lê Thị Tuyết Trinh	Nữ	26/05/1997	Đăklăk	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 7,0	KN05: 8,5	KN06: 9,0	8,5	Giỏi
2228	1523402010047	Trần Thị Phương Trinh	Nữ	02/10/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 7,5	7,5	Khá
2229	1523402010145	Trần Ngọc Bảo Trinh	Nữ	07/09/1997	Quảng Ngãi	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN07: 9,0	KN08: 6,5	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
2230	1523403010042	Nguyễn Thủy Trinh	Nữ	08/06/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,5	KN05: 8,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
2231	1523403010081	Nguyễn Thị Diễm Trinh	Nữ	02/10/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
2232	1523403010087	Nguyễn Trung Trinh	Nam	07/01/1997	Bình Định	KN01: 6,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 9,0	7,5	Khá
2233	1523403010208	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	Nữ	29/06/1997	Bình Phước	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN04: 9,5	KN06: 8,0	9,0	Xuất sắc
2234	1523403010213	Nguyễn Võ Phương Trinh	Nữ	16/01/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN07: 8,0	KN09: 8,0	8,0	Giỏi
2235	1523801010102	Phạm Thị Diễm Trinh	Nữ	28/11/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 9,5	KN04: 7,0	KN06: 8,0	7,5	Khá
2236	1523801010197	Nguyễn Ngọc Trinh	Nữ	28/06/1997	Gia Lai	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN04: 7,5	KN05: 9,0	8,5	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
2237	1523801010200	Nguyễn Thúy Trinh Trinh	Nữ	26/09/1997	Bình Dương	KN01: 6,5	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN07: 7,5	KN10: 10,0	7,5	Khá
2238	1523801010232	Nguyễn Thị Lệ Trinh	Nữ	25/09/1997	Bình Định	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
2239	1523801010307	Nguyễn Thị Tú Trinh	Nữ	25/06/1995	Bình Định	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 10,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	8,5	Giỏi
2240	1524401120139	Hoàng Phạm Ngọc Trinh	Nữ	29/12/1997	Đà Nẵng	KN01: 7,0	KN02: 9,5	KN03: 7,5	KN05: 8,0	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
2241	1528501010163	Dương Thị Thu Trinh	Nữ	09/09/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 6,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
2242	1621402020328	Phan Thị Thùy Trinh	Nữ	07/01/1998	Lâm Đồng	KN02: 8,0	KN05: 6,5	KN08: 9,0	KN09: 9,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
2243	1621402020329	Trần Thị Phương Trinh	Nữ	12/05/1998	Tây Ninh	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN08: 9,0	KN09: 10,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
2244	1621402170107	Lê Ngọc Phương Trinh	Nữ	20/03/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 9,5	KN06: 7,5	KN08: 7,5	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
2245	1621402170108	Nguyễn Thuý Mộng Trinh	Nữ	29/12/1998	Tp.Hcm	KN02: 7,5	KN05: 9,0	KN06: 8,5	KN08: 8,0	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
2246	1621402180067	Tạ Thịnh Thảo Trinh	Nữ	12/06/1997	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 7,0	KN10: 6,0	7,5	Khá
2247	1622202010268	Cái Thị Thảo Trinh	Nữ	27/03/1998	Quảng Trị	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 8,5	KN08: 8,5	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
2248	1622202040081	Lê Thị Tú Trinh	Nữ	23/06/1998	Bình Dương	KN02: 6,0	KN03: 8,5	KN05: 5,0	KN08: 7,0	KN10: 8,0	7,0	Khá
2249	1623402010179	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	Nữ	26/07/1998	Bình Phước	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
2250	1623403010283	Nguyễn Bùi Diễm Trinh	Nữ	11/04/1998	Quảng Nam	KN02: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
2251	1623403010284	Nguyễn Thị Trinh	Nữ	02/02/1998	Hà Tĩnh	KN02: 7,0	KN05: 6,5	KN06: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
2252	1623801010398	Phan Thị Thu Trinh	Nữ	07/01/1998	Tây Ninh	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
2253	1625106010147	Trần Nguyễn Hoài Trinh	Nữ	14/01/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN05: 8,5	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 5,0	8,0	Giỏi
2254	1625106010204	Trần Thị Việt Trinh	Nữ	28/11/1998	Thừa Thiên Huế	KN02: 8,5	KN05: 7,0	KN06: 7,5	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
2255	1625202010270	Võ Thanh Trinh	Nam	26/09/1998	Quảng Nam	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 10,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
2256	1523801010161	Võ Văn Trọng	Nam	20/01/1997	Đồng Nai	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 8,5	KN04: 7,5	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
2257	1623401010303	Phạm Chí Trọng	Nam	01/11/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN05: 10,0	KN08: 8,0	KN10: 8,5	9,0	Xuất sắc
2258	1627601010060	Dương Văn Trọng	Nam	02/02/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN06: 8,5	KN08: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
2259	1521401010012	Thái Nhã Trúc	Nữ	24/08/1997	Tp. Hồ Chí Minh	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN04: 7,5	KN06: 9,5	KN07: 8,0	8,5	Giỏi
2260	1521402010060	Nguyễn Thanh Trúc	Nữ	07/07/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 7,0	KN05: 9,0	KN06: 8,5	KN09: 9,0	8,5	Giỏi
2261	1521402180058	Trần Thanh Trúc	Nữ	16/12/1995	Bình Dương	KN01: 6,5	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	7,5	Khá
2262	1523401010087	Lê Nguyễn Thanh Trúc	Nữ	24/12/1996	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN05: 6,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
2263	1523401010183	Lê Thanh Trúc	Nữ	30/03/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN04: 7,0	KN05: 8,0	8,0	Giỏi
2264	1523403010003	Nguyễn Thị Thùy Trúc	Nữ	22/09/1997	Đắk Lắk	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN07: 7,5	7,5	Khá
2265	1523403010195	Phạm Thị Thanh Trúc	Nữ	03/10/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN06: 7,0	KN08: 7,0	KN10: 7,0	7,5	Khá
2266	1524401120040	Đào Thị Thanh Trúc	Nữ	22/01/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 6,0	KN05: 8,5	KN07: 7,0	KN09: 9,5	7,5	Khá
2267	1524401120148	Lê Thanh Trúc	Nữ	11/10/1997	Tp.Hcm	KN01: 7,0	KN02: 8,5	KN06: 8,5	KN07: 7,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
2268	1524801040073	Lê Huỳnh Thanh Trúc	Nữ	19/06/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 6,0	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 9,5	8,0	Giỏi
2269	1528501010056	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Nữ	27/04/1997	Bình Dương	KN01: 6,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 7,0	7,5	Khá
2270	1621402010242	Lê Thị Thanh Trúc	Nữ	04/04/1998	Bình Thuận	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN05: 6,5	KN08: 9,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
2271	1621402020330	Huyền Thị Phương Trúc	Nữ	27/04/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN05: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 8,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
2272	1621402020333	Trần Thị Thanh Trúc	Nữ	11/04/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
2273	1622202010274	Châu Thị Trúc	Nữ	17/11/1998	Thừa Thiên Huế	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
2274	1623402010181	Nguyễn Quang Trúc	Nam	08/11/1998	Đà Lạt	KN02: 7,5	KN05: 7,0	KN07: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
2275	1623403010285	Bùi Thị Thanh Trúc	Nữ	07/01/1998	Quảng Trị	KN02: 7,5	KN05: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 7,0	7,5	Khá
2276	1623801010400	Nguyễn Hoàng Nhà Trúc	Nữ	14/11/1998	Tp. Hồ Chí Minh	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN08: 7,5	KN09: 9,5	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
2277	1623801010401	Phạm Ngô Thùy Trúc	Nữ	01/10/1998	Bình Phước	KN02: 6,5	KN05: 7,0	KN06: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
2278	1624401120154	Huỳnh Thị Kim Trúc	Nữ	17/10/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN04: 7,0	KN05: 8,5	KN08: 8,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
2279	1623401010306	Lâm Thành Trung	Nam	15/02/1997	Bình Dương	KN02: 9,0	KN03: 7,0	KN05: 9,5	KN08: 7,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
2280	1625106010151	Nguyễn Tấn Trung	Nam	07/11/1998	Tp.Hcm	KN02: 8,0	KN05: 8,5	KN06: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 6,0	8,0	Giỏi
2281	1523801010349	Nay H' Truyền	Nữ	21/10/1994	Gia Lai	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN04: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 7,5	7,5	Khá
2282	1623403010288	Nguyễn Thị Thanh Truyền	Nữ	24/04/1998	Đăklăk	KN02: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN09: 9,5	KN10: 5,0	8,0	Giỏi
2283	1621402020334	Đình Công Trứ	Nam	02/02/1998	Tp. Hồ Chí Minh	KN02: 7,0	KN06: 6,5	KN08: 8,5	KN09: 9,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
2284	1524403010181	Nguyễn Lê Thanh Trục	Nam	23/04/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 7,5	KN03: 10,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	8,5	Giỏi
2285	1524801040003	Nguyễn Văn Trường	Nam	28/10/1996	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 6,0	KN03: 9,0	KN06: 6,5	KN10: 7,0	7,5	Khá
2286	1525801050069	Đình Minh Trường	Nam	23/08/1996	Tp.Hcm	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 6,5	8,0	Giỏi
2287	1623402010183	Nguyễn Phương Trường	Nam	25/08/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN06: 9,5	KN07: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
2288	1621402020335	Lê Thị Út	Nữ	19/01/1998	Thanh Hóa	KN02: 7,5	KN03: 10,0	KN06: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
2289	1623401010309	Trần Thị Út	Nữ	12/08/1998	Bình Định	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
2290	1623801010506	Phạm Thị Lệ Út	Nữ	15/11/1997	Daklak	KN02: 7,5	KN05: 7,0	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
2291	1521402010071	Phan Phụng Uyên	Nữ	13/01/1997	Daklak	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN04: 7,0	KN05: 8,0	KN08: 6,5	7,5	Khá
2292	1521402020024	Lê Ngọc Thu Uyên	Nữ	01/11/1997	Hồ Chí Minh	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN05: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 7,0	8,5	Giỏi
2293	1521402020107	Tô Thị Kim Uyên	Nữ	11/02/1997	Đồng Nai	KN01: 5,0	KN02: 7,0	KN03: 8,5	KN04: 9,0	KN06: 9,5	8,0	Giỏi
2294	1521402020280	Lê Quang Duy Uyên	Nữ	19/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN04: 7,5	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
2295	1522202010214	Nguyễn Hoàng Uyên	Nữ	12/10/1997	Bến Tre	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN06: 8,5	KN07: 8,5	8,5	Giỏi
2296	1523401010061	Lý Khải Uyên	Nữ	30/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 10,0	KN03: 6,0	KN04: 7,0	KN05: 7,0	7,5	Khá
2297	1523401010223	Võ Thị Ngọc Uyên	Nữ	18/03/1997	Đăklăk	KN01: 9,0	KN02: 7,0	KN03: 7,0	KN05: 7,0	KN08: 8,0	7,5	Khá
2298	1523403010065	Nguyễn Phạm Thảo Uyên	Nữ	09/09/1997	Đồng Nai	KN01: 8,5	KN02: 9,5	KN03: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 8,0	8,5	Giỏi
2299	1523801010343	Nông Thị Thu Uyên	Nữ	18/12/1996	Daklak	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 7,0	KN09: 9,5	8,5	Giỏi
2300	1528501010130	Nguyễn Thị Nhã Uyên	Nữ	12/02/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN06: 7,5	KN08: 7,0	KN10: 7,5	7,5	Khá
2301	1621402010246	Nguyễn Thị Kim Uyên	Nữ	28/10/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN06: 8,5	KN08: 6,5	KN10: 7,0	7,5	Khá
2302	1622202010277	Bùi Thị Ngọc Uyên	Nữ	08/03/1997	Đồng Nai	KN02: 7,0	KN05: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 7,0	7,5	Khá
2303	1623401010310	Bùi Lê Trâm Uyên	Nữ	28/05/1998	Daklak	KN02: 7,5	KN05: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
2304	1623801010410	Dương Thị Thủy Uyên	Nữ	15/04/1998	Bình Phước	KN02: 7,5	KN04: 9,5	KN06: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
2305	1624401120156	Phan Thị Mỹ Uyên	Nữ	21/10/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN07: 8,0	KN08: 8,5	KN09: 7,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
2306	1624401120157	Tổng Phương Uyên	Nữ	20/07/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
2307	1628501010120	Huỳnh Ngọc Phương Uyên	Nữ	20/08/1998	Bình Dương	KN02: 6,0	KN06: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
2308	1628501010131	Nguyễn Thị Kiều Uyên	Nữ	11/7/1997	Bình Phước	KN02: 7,0	KN05: 7,5	KN06: 7,0	KN08: 8,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
2309	1521402020204	Tô Thị Hồng Vân	Nữ	28/03/1997	Khánh Hòa	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN04: 10,0	KN05: 8,0	8,5	Giỏi
2310	1521401010072	Nguyễn Thị Vân	Nữ	10/11/1997	Đắk Lắk	KN01: 8,0	KN02: 10,0	KN03: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 7,0	8,5	Giỏi
2311	1521402010014	Nguyễn Thị Hồng Vân	Nữ	17/11/1994	Tp.Hcm	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
2312	1521402010098	Nguyễn Thị Thanh Vân	Nữ	23/09/1995	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN04: 7,0	KN08: 7,0	8,0	Giỏi
2313	1521402020052	Nguyễn Thị Thanh Vân	Nữ	17/08/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 9,5	KN05: 7,5	KN06: 9,0	KN07: 8,0	8,5	Giỏi
2314	1521402020058	Nguyễn Thị Vy Vân	Nữ	16/08/1996	Tp. Hcm	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
2315	1521402020108	Nguyễn Phạm Thanh Vân	Nữ	01/07/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN05: 9,0	KN06: 8,5	KN07: 8,0	8,5	Giỏi
2316	1521402020277	Nguyễn Thị Vân	Nữ	10/06/1995	Hà Tĩnh	KN01: 7,5	KN02: 9,5	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN07: 7,5	8,0	Giỏi
2317	1521402170045	Nguyễn Thị Thu Vân	Nữ	25/12/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN09: 9,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
2318	1521402170060	Phan Bích Vân	Nữ	05/10/1996	Long An	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 8,5	8,0	Giỏi
2319	1522202010083	Phan Thị Vân	Nữ	10/08/1997	Thanh Hóa	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 6,5	KN05: 8,5	KN06: 7,0	7,5	Khá
2320	1522202010232	Phạm Thị Thu Vân	Nữ	10/11/1997	Quảng Nam	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 8,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
2321	1523401010073	Ngô Thị Tường Vân	Nữ	26/04/1997	Kiên Giang	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 10,0	8,5	Giỏi
2322	1523403010023	Trần Thị Thanh Vân	Nữ	10/12/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN03: 8,5	KN04: 8,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi

Am

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
2323	1523403010080	Nguyễn Thị Ngọc Vân	Nữ	12/10/1996	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 9,0	8,0	Giỏi
2324	1524401120145	Nguyễn Thị Thanh Vân	Nữ	29/05/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,5	KN03: 7,5	KN05: 7,5	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
2325	1525801020006	Hoàng Thị Vân	Nữ	19/09/1996	Thanh Hóa	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN07: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
2326	1528501010119	Phạm Thị Thùy Vân	Nữ	22/11/1997	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN03: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
2327	1621402010247	Đàm Thị Vân	Nữ	02/10/1998	Đăklăk	KN02: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 10,0	KN09: 8,5	KN10: 7,0	8,5	Giỏi
2328	1621402010248	Đặng Thị Thu Vân	Nữ	20/09/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 8,0	KN09: 9,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
2329	1621402010249	Ngô Thị Thùy Vân	Nữ	10/08/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN03: 7,0	KN06: 8,5	KN08: 7,0	KN10: 7,0	7,5	Khá
2330	1621402010251	Nguyễn Thị Cẩm Vân	Nữ	08/07/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 5,0	KN08: 9,5	KN09: 8,5	KN10: 8,0	7,5	Khá
2331	1621402020337	Bùi Thị Vân	Nữ	06/06/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN05: 7,5	KN08: 7,0	KN09: 10,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
2332	1621402020338	Hứa Thị Vân	Nữ	20/05/1998	Bình Phước	KN02: 8,0	KN05: 8,5	KN08: 8,5	KN09: 10,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
2333	1621402020341	Nguyễn Thị Thảo Vân	Nữ	23/03/1998	Tây Ninh	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN08: 7,5	KN09: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
2334	1621402020342	Nguyễn Yến Thanh Vân	Nữ	10/04/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN08: 7,0	KN09: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
2335	1623102050097	Võ Thị Bích Vân	Nữ	12/11/1998	Tp.Hcm	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 6,5	KN08: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
2336	1623401010316	Trần Thị Vân	Nữ	08/05/1998	Thanh Hóa	KN02: 6,0	KN03: 10,0	KN06: 9,0	KN08: 7,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
2337	1523402010001	Dương Thị Vi	Nữ	10/03/1997	Đắc Lak	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 6,5	KN07: 7,0	7,5	Khá
2338	1525106010009	Dương Tường Vi	Nữ	28/08/1997	An Giang	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
2339	1621402010254	Hoàng Nữ Quỳnh Vi	Nữ	16/02/1998	Gia Lai	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 9,5	KN09: 9,0	KN10: 7,0	8,5	Giỏi
2340	1621402020343	Nguyễn Ngọc Tường Vi	Nữ	18/08/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN05: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
2341	1621402020344	Tạ Thị Thanh Vi	Nữ	06/03/1998	Ninh Thuận	KN02: 8,0	KN04: 7,5	KN05: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 6,0	8,0	Giỏi
2342	1621402020345	Trương Thị Tường Vi	Nữ	02/07/1998	Ninh Bình	KN02: 9,5	KN03: 8,5	KN05: 7,5	KN08: 9,0	KN10: 6,5	8,0	Giỏi
2343	1622202010282	Phan Tường Vi	Nữ	19/10/1998	Đồng Tháp	KN02: 8,0	KN03: 10,0	KN05: 8,5	KN08: 9,5	KN10: 8,0	9,0	Xuất sắc
2344	1623102050099	Phan Thị Tường Vi	Nữ	06/01/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
2345	1624601010109	Lê Hồ Thúy Vi	Nữ	27/10/1998	Tp. Hồ Chí Minh	KN02: 7,0	KN03: 10,0	KN06: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
2346	1522202040023	Phạm Huỳnh Thanh Vi	Nam	19/08/1997	Kiên Giang	KN01: 6,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
2347	1624601010110	Nguyễn Thị Viên	Nữ	26/08/1998	Quảng Ngãi	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
2348	1623401010318	Kiều Xuân Viên	Nam	16/11/1998	Tp. Hồ Chí Minh	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 6,0	7,5	Khá
2349	1522202010173	Thị Viên	Nữ	10/12/1997	Đăklăk	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 7,5	KN05: 8,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
2350	1521402170008	Phạm Thị Việt	Nữ	27/07/1997	Đăklăk	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN04: 7,0	KN05: 7,0	KN07: 7,5	8,0	Giỏi
2351	1523801010141	Phan Bá Việt	Nam	22/07/1997	Đăklăk	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 10,0	8,0	Giỏi
2352	1525202010149	Bùi Quốc Việt	Nam	26/04/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN06: 7,5	KN07: 9,0	8,5	Giỏi
2353	1623401010319	Hồ Hoàng Việt	Nam	21/07/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN05: 9,0	KN08: 7,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
2354	1521402180052	Nguyễn Văn Vinh	Nam	21/12/1995	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN05: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 8,0	8,5	Giỏi
2355	1523402010133	Nguyễn Phú Vinh	Nam	20/10/1996	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 6,0	KN04: 8,0	KN08: 9,0	KN09: 9,0	8,0	Giỏi
2356	1523801010218	Đặng Minh Vinh	Nam	02/02/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 9,0	8,5	Giỏi
2357	1524403010139	Bùi Đức Vinh	Nam	22/10/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	8,5	Giỏi
2358	1525202010148	Nguyễn Xuân Vinh	Nam	19/08/1996	Hà Tĩnh	KN01: 8,0	KN02: 6,0	KN03: 7,0	KN06: 8,0	KN09: 9,0	7,5	Khá
2359	1621402170111	Trần Thị Vinh	Nữ	16/07/1998	Nghệ An	KN02: 7,5	KN04: 9,5	KN05: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 8,5	9,0	Xuất sắc
2360	1623401010320	Trương Tuấn Vinh	Nam	08/01/1997	Bình Dương	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN05: 10,0	KN08: 6,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
2361	1625202010279	Phạm Văn Vinh	Nam	16/03/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 7,0	KN06: 6,5	KN08: 9,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
2362	1628501010122	Mai Thanh Vinh	Nam	28/10/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 7,0	KN08: 9,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
2363	1628501010123	Nguyễn Hữu Vinh	Nam	14/02/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN05: 6,0	KN06: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
2364	1521402180041	Võ Ngọc Vũ	Nam	19/05/1992	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 6,5	KN06: 9,0	8,0	Giỏi

*Am*

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
2365	1523801010086	Nguyễn Hoàng Vũ	Nam	06/11/1996	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN04: 9,5	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
2366	1525801050033	Nguyễn Hoàng Phi Vũ	Nam	11/04/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN06: 8,0	KN09: 8,5	8,5	Giỏi
2367	1527601010031	Trương Mạc Vũ	Nam	02/01/1997	Tp. Hồ Chí Minh	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN06: 8,0	KN07: 9,0	KN08: 7,5	8,0	Giỏi
2368	1528501010138	Vương Hoài Vũ	Nam	13/09/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN03: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
2369	1623401010321	Dư Anh Vũ	Nam	14/09/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN05: 6,5	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 7,0	7,5	Khá
2370	1623401010322	Lương Tuấn Vũ	Nam	08/06/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 10,0	KN06: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
2371	1521402010015	Hồ Thị Tường Vy	Nữ	16/03/1996	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
2372	1521402010093	Nguyễn Thị Thủy Vy	Nữ	08/12/1996	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN04: 7,0	KN05: 8,0	KN08: 7,5	7,5	Khá
2373	1521402020183	Dương Trương Hoài Vy	Nữ	07/12/1997	Bình Thuận	KN01: 7,0	KN02: 9,5	KN03: 9,0	KN04: 10,0	KN06: 8,5	9,0	Xuất sắc
2374	1521402020279	Nguyễn Thị Thảo Vy	Nữ	24/04/1997	Đắk Lak	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 8,5	KN06: 9,0	8,5	Giỏi
2375	1521402180029	Huỳnh Thị Thảo Vy	Nữ	18/07/1996	Thừa Thiên - Huế	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN05: 8,5	KN06: 9,0	KN07: 9,0	8,0	Giỏi
2376	1522202010121	Phạm Thị Thủy Vy	Nữ	22/05/1997	Bình Định	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 8,5	8,5	Giỏi
2377	1523401010023	Nguyễn Thị Kiều Vy	Nữ	18/02/1997	Long An	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 8,5	KN05: 6,0	KN09: 7,0	7,5	Khá
2378	1523401010048	Lê Nguyễn Tường Vy	Nữ	06/11/1997	Kiên Giang	KN01: 8,5	KN02: 8,5	KN03: 8,5	KN04: 7,5	KN09: 8,5	8,5	Giỏi
2379	1523401010135	Nguyễn Thị Yến Vy	Nữ	24/06/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN06: 7,5	KN08: 8,5	8,0	Giỏi
2380	1523401010172	Trương Thị Lan Vy	Nữ	05/05/1997	Phú Yên	KN01: 7,0	KN02: 6,5	KN07: 7,0	KN09: 7,0	KN10: 9,5	7,5	Khá
2381	1523401010178	Nguyễn Thị Thủy Vy	Nữ	17/02/1997	Tp. Hồ Chí Minh	KN01: 8,0	KN02: 10,0	KN05: 7,0	KN06: 7,5	KN08: 9,5	8,5	Giỏi
2382	1523403010095	Nguyễn Ngọc Vy	Nữ	31/10/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 7,5	8,5	Giỏi
2383	1523801010090	Nguyễn Thị Lê Vy	Nữ	08/03/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
2384	1524401120101	Nguyễn Thúy Vy	Nữ	04/12/1997	Tây Ninh	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	7,5	Khá
2385	1525801050005	Lê Tường Vy	Nữ	06/05/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN04: 6,5	KN05: 6,0	KN06: 7,5	7,5	Khá
2386	1528501010015	Lê Trần Trúc Vy	Nữ	29/03/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 8,5	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
2387	1528501010060	Trương Ngọc Thảo Vy	Nữ	02/08/1997	Bình Dương	KN01: 6,5	KN02: 6,5	KN03: 10,0	KN04: 9,5	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
2388	1528501010084	Liêu Thúy Vy	Nữ	16/02/1997	Bình Dương	KN01: 6,5	KN02: 7,0	KN03: 8,5	KN05: 6,0	KN06: 8,5	7,5	Khá
2389	1621402020350	Võ Thúy Vy	Nữ	20/01/1998	Bình Dương	KN02: 6,5	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
2390	1623102050100	Lê Thanh Thúy Vy	Nữ	04/04/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 6,0	KN08: 7,5	KN10: 6,5	7,0	Khá
2391	1623403010299	Thương Thúy Vy	Nữ	06/01/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN07: 9,0	KN08: 10,0	KN09: 8,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
2392	1623801010424	Nguyễn Tường Vy	Nữ	16/11/1998	Bình Thuận	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 6,5	8,0	Giỏi
2393	1624601010114	Lê Thị Phượng Vy	Nữ	06/03/1998	Bình Dương	KN02: 6,5	KN03: 9,0	KN06: 10,0	KN08: 9,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
2394	1627601010065	Phan Lê Thảo Vy	Nữ	22/02/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 10,0	KN06: 7,5	KN08: 8,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
2395	1627601010066	Trịnh Trúc Vy	Nữ	21/02/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 10,0	KN08: 7,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
2396	1522202040051	Lê Thị Xen	Nữ	25/06/1996	Thanh Hóa	KN01: 8,5	KN02: 8,5	KN04: 7,0	KN06: 8,0	KN07: 7,5	8,0	Giỏi
2397	1521402020206	Trần Thị Xuân	Nữ	19/07/1997	Đăklăk	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN06: 7,5	KN07: 7,5	8,0	Giỏi
2398	1522202040076	Dương Thị Thanh Xuân	Nữ	14/08/1996	Nghệ An	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN06: 7,0	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
2399	1523401010127	Nguyễn Thị Kim Xuân	Nữ	25/10/1997	Bình Phước	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 7,5	KN05: 7,5	KN06: 7,0	7,5	Khá
2400	1523403010044	Lê Thị Huyền Xuân	Nữ	27/10/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 7,5	7,5	Khá
2401	1523403010178	Nguyễn Đỗ Sứ Xuân	Nữ	01/01/1997	Tp.Hcm	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN07: 7,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
2402	1523801010037	Lương Thị Xuân	Nữ	16/04/1995	Thanh Hóa	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN05: 7,0	KN06: 8,5	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
2403	1523801010173	Đào Thị Xuân	Nữ	15/06/1997	Hà Tĩnh	KN01: 9,0	KN02: 7,5	KN05: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
2404	1524801040032	Nguyễn Võ Huỳnh Xuân	Nam	09/06/1997	Bình Dương	KN01: 6,5	KN02: 9,0	KN03: 7,5	KN04: 7,0	KN07: 7,0	7,5	Khá
2405	1525106010036	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	05/10/1996	Thanh Hóa	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 7,0	KN06: 5,5	KN10: 8,0	7,0	Khá
2406	1622202010288	Hồ Thị Lộc Xuân	Nữ	06/08/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 7,5	KN08: 8,5	KN10: 7,0	8,0	Giỏi



STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
2407	1623402010205	Ngô Thị Thanh Xuân	Nữ	4/2/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
2408	1625106010156	Nguyễn Thị Thanh Xuân	Nữ	16/07/1998	Thanh Hóa	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 8,5	KN09: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
2409	1623102050101	Trần Thị Mỹ Xuyên	Nữ	17/05/1998	Bình Phước	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN06: 7,0	KN08: 8,0	KN10: 6,5	7,5	Khá
2410	1621402010260	Lê Thị Xuyên	Nữ	08/09/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 5,5	KN08: 7,5	KN10: 7,0	7,0	Khá
2411	1521401010034	Võ Như Ý	Nữ	11/11/1997	Tp. HCM	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN07: 7,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
2412	1521402010195	Trương Thị Như Ý	Nữ	16/03/1997	Quảng Ngãi	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN06: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 9,0	8,5	Giỏi
2413	1521402020173	Nguyễn Mai Như Ý	Nữ	02/02/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 7,0	KN07: 8,0	7,5	Khá
2414	1521402170039	Tô Tăng Như Ý	Nữ	20/10/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN05: 8,5	KN07: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
2415	1522202040040	Huỳnh Thị Như Ý	Nữ	31/12/1996	An Giang	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,5	KN04: 9,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
2416	1523401010009	Trần Thụy Như Ý	Nữ	24/09/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN09: 9,0	KN10: 5,5	7,5	Khá
2417	1523403010100	Ngô Thị Như Ý	Nữ	03/11/1997	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN08: 8,5	8,0	Giỏi
2418	1523801010128	Võ Thị Ý	Nữ	15/09/1997	Bình Định	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN06: 8,0	KN09: 8,5	8,0	Giỏi
2419	1523801010158	Đỗ Diệu Ý	Nữ	29/09/1997	Bình Thuận	KN01: 7,0	KN02: 8,5	KN05: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 8,5	8,0	Giỏi
2420	1525106010055	Nguyễn Thị Như Ý	Nữ	01/05/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 7,0	KN06: 7,0	KN10: 7,0	7,0	Khá
2421	1621402010261	Võ Thị Như Ý	Nữ	19/04/1998	Daklak	KN02: 8,5	KN06: 8,0	KN08: 8,5	KN09: 10,0	KN10: 7,0	8,5	Giỏi
2422	1521402010016	Giang Kim Ý.	Nữ	22/12/1996	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN03: 10,0	KN06: 7,0	KN08: 8,5	8,0	Giỏi
2423	1522202040087	Lê Thị Như Ý.	Nữ	16/02/1997	Long An	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN06: 7,0	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
2424	1523403010035	Phạm Thị Ngọc Yên	Nữ	24/11/1997	Long An	KN01: 8,5	KN02: 7,0	KN06: 7,5	KN09: 7,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
2425	1623403010305	Lê Thị Yên	Nữ	08/06/1998	Thừa Thiên - Huế	KN02: 8,0	KN05: 10,0	KN07: 8,5	KN08: 10,0	KN10: 10,0	9,5	Xuất sắc
2426	1521402010041	Nguyễn Ngọc Yên	Nữ	03/01/1996	Tp HCM	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
2427	1521402010065	Lăng Thị Ngọc Yên	Nữ	29/02/1994	Đồng Nai	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN04: 7,0	KN05: 9,0	KN08: 7,5	8,0	Giỏi
2428	1521402010153	Đặng Thị Vũ Yên	Nữ	06/10/1996	Đăklăk	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 8,5	KN05: 8,0	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
2429	1521402020070	Nguyễn Hải Yên	Nữ	19/12/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 9,0	KN10: 6,0	7,5	Khá
2430	1522202010252	Nguyễn Thị Hồng Yên	Nữ	02/09/1997	Bình Phước	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
2431	1522202040006	Đinh Thị Hồng Yên	Nữ	01/05/1997	Tp. Hồ Chí Minh	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 10,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	8,5	Giỏi
2432	1523402010003	Nguyễn Thị Hải Yên	Nữ	02/11/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN04: 8,5	KN08: 6,5	8,0	Giỏi
2433	1523402010039	Lý Mỹ Yên	Nữ	04/03/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN04: 9,5	KN06: 8,5	KN07: 7,5	8,5	Giỏi
2434	1523402010041	Nguyễn Thị Như Yên	Nữ	27/09/1996	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
2435	1523403010022	Lê Hoàng Yên	Nữ	21/08/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN04: 9,5	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
2436	1523801010094	Huỳnh Mai Yên	Nữ	05/10/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 9,0	KN04: 8,0	KN06: 8,0	8,5	Giỏi
2437	1523801010226	Nguyễn Hồng Yên	Nữ	19/08/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 7,0	KN04: 8,0	KN06: 7,5	7,5	Khá
2438	1524401120055	Nguyễn Thị Ngọc Yên	Nữ	04/04/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN03: 8,5	KN06: 8,0	KN08: 10,0	8,0	Giỏi
2439	1524403010016	Đỗ Thị Hoàng Yên	Nữ	09/05/1997	Tp.HCM	KN01: 6,0	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 9,5	KN08: 10,0	8,5	Giỏi
2440	1527601010048	Nguyễn Thị Ngọc Yên	Nữ	15/06/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 7,5	8,0	Giỏi
2441	1528501010090	Hồng Thị Kim Yên	Nữ	25/10/1997	Bình Dương	KN01: 6,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	7,5	Khá
2442	1621402020358	Nguyễn Thị Hải Yên	Nữ	08/07/1998	Nghệ An	KN02: 9,0	KN03: 10,0	KN08: 10,0	KN09: 10,0	KN10: 9,5	9,5	Xuất sắc
2443	1621402180071	Nguyễn Thị Thu Yên	Nữ	03/02/1998	Quảng Ngãi	KN02: 7,0	KN05: 6,5	KN06: 8,5	KN08: 7,5	KN10: 6,5	7,0	Khá
2444	1622202010293	Võ Thị Bảo Yên	Nữ	13/08/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
2445	1623102050104	Thái Hoàng Yên	Nữ	14/01/1997	Bình Dương	KN02: 8,5	KN05: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
2446	1623401010329	Ngô Thị Hải Yên	Nữ	23/11/1998	Phú Yên	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 7,5	8,5	Giỏi
2447	1623403010306	Đặng Thị Yên	Nữ	24/05/1998	Hà Tĩnh	KN02: 7,0	KN05: 6,5	KN07: 7,0	KN08: 7,5	KN10: 8,0	7,0	Khá
2448	1623403010311	Nguyễn Thị Hồng Yên	Nữ	30/10/1998	Daklak	KN02: 7,5	KN03: 7,0	KN07: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
2449	1623403010315	Vương Thị Kim Yến	Nữ	16/04/1998	Ninh Thuận	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN09: 8,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
2450	1623801010428	Giang Hải Yến	Nữ	24/10/1998	Đồng Nai	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN08: 10,0	KN09: 9,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
2451	1623801010430	Lê Thị Hải Yến	Nữ	05/01/1997	Long An	KN02: 9,0	KN03: 10,0	KN05: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 10,0	9,5	Xuất sắc
2452	1623801010451	Lương Thị Yến	Nữ	10/12/1998	Hà Tĩnh	KN02: 7,0	KN04: 7,5	KN08: 9,5	KN09: 9,0	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
2453	1625106010175	Trần Ngọc Bảo Yến	Nữ	11/5/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN05: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
2454	1627601010068	Đỗ Thị Yến	Nữ	20/11/1996	Bắc Giang	KN02: 8,0	KN03: 10,0	KN06: 8,5	KN08: 9,5	KN10: 8,5	9,0	Xuất sắc
2455	1627601010069	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	15/03/1998	Đàklak	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 10,0	KN08: 7,5	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
2456	1628501010126	Lê Thị Phương Yến	Nữ	02/10/1998	Bến Tre	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi

Danh sách này có 2456 sinh viên.

*Handwritten mark*